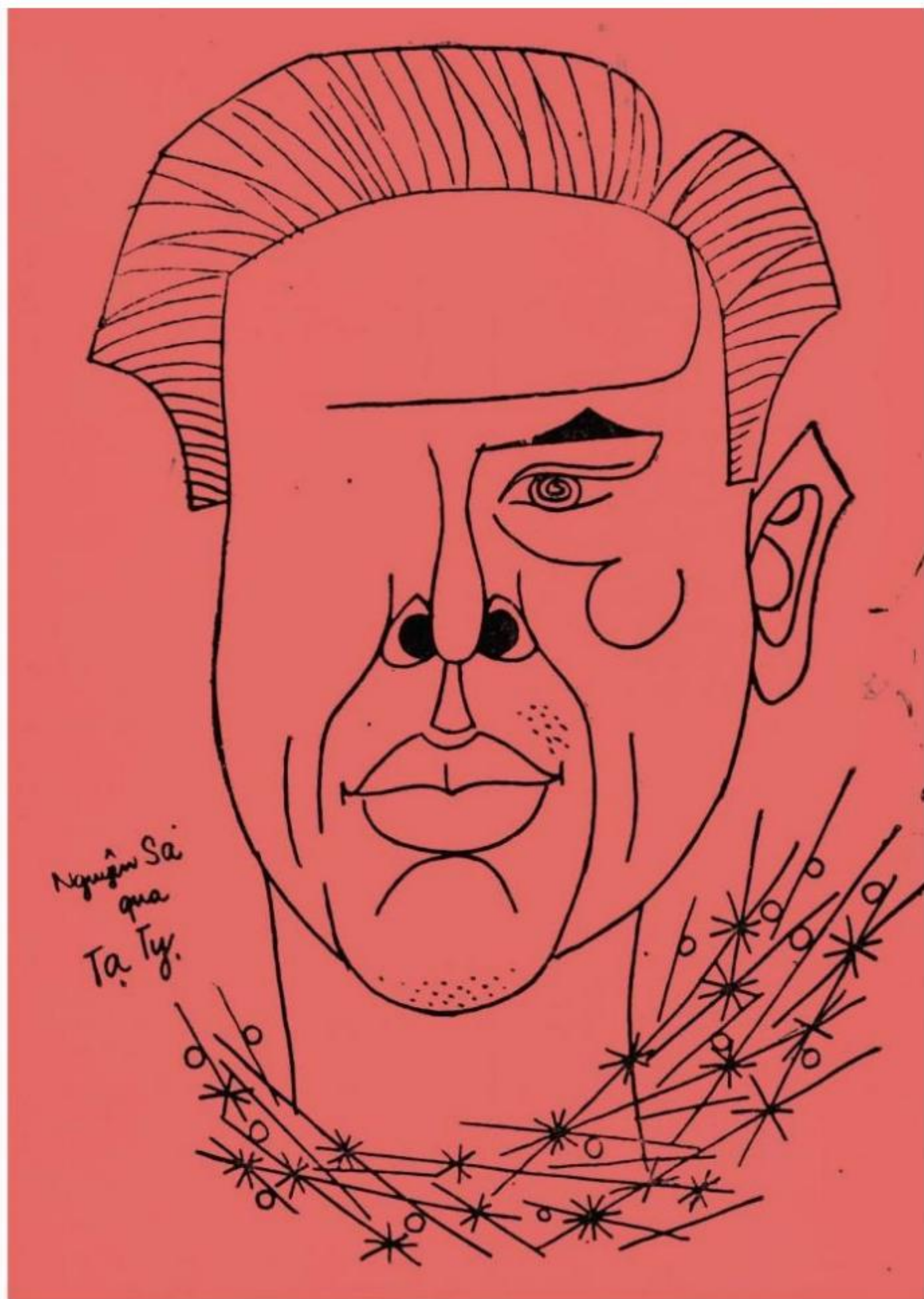




NGUYỄN SA
thi sĩ của tình yêu

**Văn
HỌC**

**SỐ
49**

VĂN BÌNH • SÁNG TÁC • NGHỆ THUẬT

NGUYỄN SA

Tên thực là TRẦN-BÍCH-LAN, sinh năm 1932 tại Hà - nội (Bắc - phần), tốt nghiệp Cử nhân Triết học Đại học Ba lê (Pháp).

Nguyên giáo sư Triết trường Trung học Chu văn An.

Hiệu trưởng Trung học tư thực Văn-Học Saigon.

Động viên khóa 25 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức và hiện là Sĩ quan phục vụ trong ngành Quân nhu.

TÁC PHẨM ĐÃ IN :

1) Thơ NGUYỄN - SA xuất bản năm 1958

2) GỖ ĐẦU TRẺ (Truyện) xuất bản năm 1959

3) QUAN ĐIỂM VĂN HỌC và TRIẾT HỌC (Biên khảo) xuất bản năm 1960.

4) MÂY BAY ĐI (Truyện ngắn)
xuất bản năm 1967.

5) MỘT BÔNG HỒNG CHO VĂN
NGHỆ (Biên khảo) xuất bản năm 1957.

6) DESCARTES NHÌN TỪ
PHƯƠNG ĐÔNG (Biên khảo) xuất bản
năm 1969.

BÁO CHÍ ĐÃ CỘNG IÁC

1) Chủ bút tuần báo Gió-Mới (1957-
1962).

2) Chủ nhiệm tạp chí Hiện - Đại
(1957-1960).

3) Đã đăng thơ, truyện, và biên
khảo trên các tạp chí Văn-Học, Tiếng
Nói, Đất Nước, Nghiên Cứu Văn Học,
Quần Chúng, Sáng Tạo.

Tạp chí VĂN-HỌC

PHÒNG VẤN CỦA :

Thượng Sỹ
Phan Kim Thịnh
Vũ Bằng

ÁM ẢNH CỦA NGUYỄN SA

Khoảng 1956, tôi gặp Nguyễn Sa lần đầu ở nhà xuất bản Nam Sơn, đường Nguyễn An Ninh. Hồi đó tôi làm báo « Dân Chúng » chạy sang nhà Nam Sơn để mượn cuốn tự điển về điển tịch. Lúc ấy Nguyễn Sa ở Pháp mới về. Anh nổi tiếng là một giáo sư triết được nhiều học sinh yêu mến vì anh có một lối giảng triết đặc biệt, nói về triết học mà thanh thoát dễ hiểu và thấm thía như là nói chuyện tâm sự với nhau. Vì triết học không phải là địa hạt của tôi, câu chuyện giữa Nguyễn Sa và tôi gần như không có gì, ngoài việc hỏi thăm nhau về gia đình, sức khỏe và nợ áo cơm.

Từ 1956 tới nay, Nguyễn Sa bật hẳn lên trong trời thơ văn. Một số cuốn sách xuất bản gần đây như « Một bông hồng cho văn nghệ » « Descartes nhìn từ Phương Đông » và nhất là « Thơ Nguyễn Sa » tái bản tới năm lần cùng nhiều bài đăng trên các báo chí gần đây, như « Sáng Tạo », « Đất Nước », « Văn Học », « Hiện Đại », « Quần Chúng » đã dành cho anh một địa vị cao trong làng nghệ thuật. Lần này, tôi đến thăm anh với tính cách bạn bè văn bút tại nhà riêng ở đường Phan Thanh Giản. Anh ở

với gia đình kể bên trường trung học « Văn Học ». Lúc ấy khoảng sáu giờ. Giờ tan trường. Các học sinh nam nữ, khoảng một ngàn người, ra về chật cả một góc đường. Hai bạn Thượng Sỹ, Phan Kim Thịnh cùng đi với tôi phải đợi ngót nửa tiếng đồng hồ mới gặp Nguyên Sa mà bây giờ một số thanh niên gọi là « thi sĩ của tình yêu ».

Tại sao lại là « thi sĩ của tình yêu » ? Một hôm, ngồi nói chuyện thơ văn ở một nhà xuất bản nọ, có một bạn bảo tôi « Nguyên Sa thi sĩ của tình yêu » : tại sao lại thế ? Thế thì Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Trần Huyền Trân, Leiba, Thâm Tâm... không phải là thi sĩ của tình yêu sao ? Tôi thắc mắc vì câu đó. Gặp Nguyên Sa, thế nào tôi cũng tìm biết ý nghĩ của anh về danh từ này mà người ta đã tặng anh ; có đúng không, có hợp không, có hoàn toàn « đắt » không ?



NGUYỄN SA

CHỮ LỘC KỸ, NHƯNG NGƯỜI ĐƠN GIẢN

Tôi có một thành kiến từ lúc còn ở Hà nội : những người đi học Pháp về đều ăn mặc chải chuốt, dầu chải mượt, quần áo may đúng thời trang. Là vì những người bạn du học Âu Mỹ của

tôi về nước trước đây như Chu Mậu, Đặng trung Duyệt, Đỗ Văn, Đặng phúc Thông đều như thế cả. Trước khi gặp lại Nguyễn Sa, tôi tiên cảm sẽ gặp một người bạn cũ cũng ăn mặc chải chuốt, điệu bộ — nhất là sau khi đọc thơ của anh tôi thấy rằng mặc dầu



Ta.Ty.

THƯỢNG SỸ

thơ anh viết đơn giản và thân mật, nhưng những chữ anh dùng có vẻ chọn lựa rất kỹ mà có lẽ chính anh không biết — tôi tiên cảm phục sức và lẽ lối tiếp chuyện của anh cũng sẽ điệu bộ và kỹ càng như thế. Tôi đã lầm. Nguyễn Sa ăn mặc đơn giản như một ông y sĩ thôn quê: áo sơ mi bỏ ra ngoài, đi dép và đội nón ni-lông vành rộng trên đầu — mặc dầu lúc ấy trời đã tối.

Khác hẳn những nhà văn

lớn, những thi sĩ lớn của «hôm nay» ưa suy nghĩ, Nguyễn Sa nói năng hiền lành, chất phác và đơn giản cũng như ăn mặc. Tôi cảm thấy anh em thân mật và cởi mở ngay, mặc dầu đã hơn một chục năm nay không chuyện trò gặp gỡ.

Vũ Bằng : Gần đây, nhiều người nói đến thơ anh. So về lượng thì những thơ trước tác ở đây nhiều hơn hay ít hơn những thơ anh trước tác ở nước ngoài ?

Nguyễn Sa : Tôi đi học ở Pháp từ năm 1948. Sự thực, trước khi đó tôi đã làm thơ, thơ Đường, thơ lục bát, nhưng thiên về trào phúng. Đó là những thơ giai đoạn làm chơi để đáp ứng những nhu cầu thời sự và đến bây giờ tôi cũng không giữ và

cũng không nhớ làm gì. Thực ra, kể từ lúc tôi ở Pháp và đi các nước Anh, Ấn Độ, Do Thái, Hy Lạp v.v... tôi mới thấy mê thơ. Tôi vừa học, vừa vào các thư viện đọc văn thơ của nước ngoài, nhưng làm cho tôi say sưa, mê mải, đó là những văn thơ của nước ta mà ở trong nước tôi chỉ mới học sơ qua. Đến lúc bấy giờ, tôi mới tìm thấy tất cả cái hay, cái đẹp của thơ ta, thơ tàu.

May mắn cho tôi là ở các thư viện Pháp, các sách văn học sử, các thơ ca cũ mới, các truyện tích cũng như tiểu thuyết cổ kim của người mình lại đầy đủ có phần hơn cả các thư viện nước ta cho nên nhờ đó tôi học hỏi được nhiều, phân tích, so sánh và tự tìm lấy một lối đi riêng cho mình. Tôi học hỏi, tìm tòi và nghiên cứu với một tinh thần độc lập, cầu tiến, không bị ảnh hưởng của phe này, phái nọ, cho nên đến bây giờ tôi vẫn tự nghĩ là tôi không

bị ảnh hưởng của phe phái nào hết, tôi thấy cái gì hay thì tôi bảo là hay, cái gì dở thì tôi nói là dở, chớ không vì phe phái mà nói xấu là tốt, nói trắng là đen, nhằm mục đích đưa bọn mình lên còn thiên hạ là « đồ bỏ » cả.

Thượng Sĩ : Như vậy, có thể nói là anh không chịu ảnh hưởng của thi nhân nào, thi phái nào không ?

Nguyen Sa : Nói như thế, không đúng. Rất có thể tôi chịu ảnh hưởng của nhiều văn nhân thi sĩ mà tôi đã đọc và đã học,



Ta Ty.

VŨ BẢNG

nhưng cái học và cái đọc ấy thấm nhuần vào trong tôi mà chính tôi không biết. Tôi cũng phải nói thêm với các anh rằng không một lúc nào tôi ngừng học và ngừng đọc. Ở nước ngoài tôi đọc và về đây tôi vẫn đọc luôn. Tôi đọc sách đọc báo, không dám chê loại báo nào hết và tôi thấy rằng nhiều khi có tờ báo hàng ngày đăng một bài thơ của một độc giả vô danh rất hay mà chính nhà báo coi thường, không đề ý.

Có những bài thơ không ai buồn đề ý mà hay một cách lạ thường. Có bài có vài câu hay thôi, nhưng hay bật lên một cách kỳ ảo. Tôi xin nói thật : những thi sĩ vô danh ấy, những thi sĩ bị chìm trước khi nổi tiếng đó không ít thì nhiều đã ảnh

hưởng đến tâm hồn tôi. Tôi nói không cần dấu điểm : rất có thể những câu thơ hay mà không ai lưu ý đó đã thấm nhuần vào tôi và giúp tôi rất nhiều về thi hứng cũng như về trước tác.

Phan Kim Thịnh : Anh là một giáo sư triết học, anh có chịu ảnh hưởng gì của các hiền triết Tây phương hay một triết thuyết nào không ? Ngoài ra, có một số nhà văn nhà thơ lại tỏ ý ngạc nhiên rằng trong thơ anh không thấy nhiều triết lý, anh có biết như thế hay không ?

Nguyễn Sa : Tôi biết có một vài bạn băn khoăn về điều đó, nhưng nếu quả thực trong thơ tôi không nặng về triết lý, đó là



PHAN KIM THỊNH

một điều mà chính tôi mừng cho tôi. Là vì tôi vẫn nghĩ rằng, trong thơ cũng như trong văn, người ta càng ít triết lý thì lại càng gần triết lý, càng nói nhiều triết lý thì lại càng xa triết lý. Trong mười bốn, mười lăm năm giấy triết, tôi rất ít khi muốn đem trưng bày triết lý trong cuộc đời vì tôi nghĩ rằng có khi không nói, hay nói rất bình thường cũng đã là triết lý rồi. Nói triết lý sa sả, e rằng sẽ là người tự kiêu. Nhất là trong thơ, càng nhiều triết lý, e rằng càng mất tính cách của thơ đi.

Thượng Sĩ : Theo ý anh thực chất của thơ là gì ?

Nguyễn Sa : Theo tôi, thực chất của thơ là cái linh hồn, là sự sống của những chữ ta dùng. Làm văn xuôi, chữ không có một sức mạnh ma quái như vậy. Thí dụ làm văn xuôi, người ta viết như nói chuyện, đại khái thấy một giai nhân cười rất tươi, rất đẹp, nhà văn viết : « cô cười, tươi như một bông hoa ». Nhà thơ không thế. Nhà thơ gói cái cười tươi ấy vào trong một chữ, cái chữ ấy là thần là thánh, là sự vật, là thực thể. Nguyễn Du viết :

« Hoa cười, ngọc thốt đoan trang »

Chữ hoa cười ấy là sự vật, là sự thật, là thần thánh, thánh. Thi nhân là một thần linh nói một thứ chữ riêng, mà thể nhân phải diễn tả dài dòng, thô lậu.

Thí dụ một chữ khác trong «Chinh Phụ Ngâm» :

Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt

Hai chữ «lung lay» cũng là một trong loại chữ thần. Tiếng trống vang lên trong đêm, lọt vào tai người ta, ảnh hưởng đến tim, làm cho người nghe thấy không khí và bóng trăng rung động. Nếu làm văn xuôi, ít ra phải viết đến bốn năm câu, may ra mới nói lên được trạng thái đó, mà nhà thơ chỉ gói ghém vồn vện vào hai chữ «lung lay».

Thượng Sĩ : Có một số người đọc thơ anh cho rằng có một vài khi anh sử dụng chữ trong thơ «tây» quá, có vẻ hơi bỡ ngỡ đối với người Việt Nam.

Nguyễn Sa : Chữ và văn trong thơ tôi có «được» hay không, hoàn toàn do người đọc xét xử, tôi không dám có ý kiến.

Vũ Bằng : Về điểm này, tôi xin đỡ lời : làm văn cũng như làm thơ cần phải đi tìm luôn cái mới. Rất có thể Nguyễn Sa thẩm nhuận những cái hình, những chữ của Tây phương mà không tự biết, nhưng nếu chỉ câu nệ rằng những chữ, những hình mới ấy làm cho độc giả bỡ ngỡ mà sợ thì e rằng ngôn ngữ của ta không bao giờ tiến triển và phồn thịnh hơn. Thí dụ : trong chúng ta ai cũng biết rằng người Tây phương có một thuật dùng chữ để làm bật điều gì mà họ có ý nhấn mạnh. Cụ Nguyễn Du có biết như thế bao giờ, nhưng đã viết những câu còn Tây hơn cả Tây, lúc tả Thúy Kiều vào lầu xanh, trông thấy bàn thờ Bạch Mi :

Trên thờ một tượng, trắng đôi lông mày.

Trắng đôi lông mày, nếu dịch ra Pháp thì phải dịch là : *un génie blanc quant aux sourcils*. Trạng từ *trắng* dùng trên chữ lông mày là một trạng từ thần thánh. Ở Tây phương, nhưng có phải chịu ảnh hưởng của Tây ?

Trong «*Tự Tình Khóc*» của Bà Nhạ, có những câu như :

Trong một mình bảy tám biệt ly

Tả sự đau buồn của ông Cao lúc bị bắt, phải xa cách vợ con, cây cảnh, thử hỏi Tây cũng chỉ nói đến thế mà thôi —mà ai dám bảo ông Cao đã chịu ảnh hưởng của Tây, dù là Tây có nói « Con tàu chở nặng biệt ly » ? Anh Nguyễn Sa, anh có nghĩ như thế hay không ?

Nguyễn Sa : Có lẽ. Nhưng vấn đề chính, tôi vẫn thấy là bí

quyết của thơ nằm trong thuật tìm chữ đắt và reo vắn thần tình, biến ảo. Một số nhà thơ cũ của ta quả là những vị thần linh về môn đó. Nhớ cái gì, nói cái ấy. Tôi xin kể Phan Huy Vịnh, trong bản dịch Tỳ Bà Hành :

Giây to nhường đồ mưa rào.

Tỉ tê giây nhỏ như chiều chuyện riêng.

Cùng tả một tiếng đàn mà hai câu biến hóa «không chịu được»; câu trên theo một lối văn phạm thường, đột nhiên sang câu thứ hai động từ đặt lên trên, cực tả được sự biến hóa trong tiếng đàn.

Thơ Yên Đỗ, có bài khóc cụ Dương Khuê :

Bác Dương, thôi đã thôi rồi

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta

Bác Dương là kêu theo họ của bạn một cách lịch sự, nhưng hai chữ *thôi* đi liền với nhau cũng là một chữ thần. Chữ *thôi* trên có ý tỏ sự ngao ngán, thương tiếc, nhưng chữ *thôi* dưới thật đắt, tỏ được lòng kính trọng anh hồn người chết : không nói *chết*, không nói *thác*, nhưng nói một cách tôn trọng là *bác đã đi rồi, về rồi, thôi rồi*.

Truyện Kiều rất nhiều thí dụ về cách chọn chữ tài tình, làm sống những chữ dùng, đem cho chữ một linh hồn, làm cho chữ thành một hữu thể.

Cỏ non xanh rợn chân trời

Chỉ có sáu chữ mà quái mà người đọc nhận thấy ba cảm giác: chữ *non* thỏa mãn vị giác của ta, chữ *xanh* thỏa mãn thị giác của ta, chữ *rợn* thỏa mãn xúc giác của ta. Kỹ thuật dùng hình trong thơ của ta thực huyền ảo. Nếu nói tóc *như* mây, da trắng *như*

tuyết thì thường lắm. Đã bảo thi nhân là thần linh : cụ Nguyễn Du không dùng chữ *như* nhưng viết :

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Hai chữ *thua* và *nhường* kỳ ảo hơn chữ *như* nhiều lắm cũng như hai chữ *thua* và chữ *hờn* trong câu :

Mây ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Cái gì thắm, cái gì xanh ? Tác giả không nói ra, để cho độc giả tìm hiểu như chơi một trò hú tìm, cách dùng chữ dùng hình như thế thực là thần thánh.

Có điều trớ trêu là tất cả những cái hay cái đẹp của thơ ta, tôi đã tìm học tìm hiểu ở thư viện. Lúc tôi đi học, người ta, không giẫy tôi như thế. Lắm lúc tôi nghĩ có lẽ suốt một đời, tôi không thể nào tìm được hết cái hay, cái đẹp của thơ ta, cho nên bây giờ khi nào nhàn rồi, nhất là trước khi đi nghỉ, tôi vẫn dở những thơ cũ ra đọc để tìm hiểu, để học hỏi và tôi đọc cả những thơ của các nhà thơ mới, kể cả thơ in thành sách, thơ đăng tạp chí, tuần báo hay nhật báo. Tôi không phân biệt cũ, mới : cứ hay là tôi chịu, dở thì tôi chê vì tôi nghĩ rằng đối với một người yêu nghệ thuật, tâm hồn phải phóng khoáng, rộng rãi, hay nói là hay, dở nói là dở, chớ nếu chỉ gò bó vào trong thành kiến, trong phe nhóm « đảng ta hơn hết, bọn khác là đồ bỏ » thì không bao giờ « mở mày mở mắt » được vì tâm hồn mà chỉ thu vào những cuộc tranh chấp, kỳ thị nhỏ nhen thì chắc chắn tâm hồn phải hẹp đi và do đó hóa ra ti tiểu. Ti tiểu và hẹp hòi thì làm sao mà phục vụ nghệ thuật được !

Phan Kim Thịnh : Hình như ý niệm ấy anh đã diễn tả trong « Một bông hồng cho văn nghệ » ?

Nguyễn Sa : Mười năm nay, tôi vẫn nghĩ như thế và tôi

sẽ còn viết nhiều nữa về ý niệm ấy sau này vì tôi tin rằng nếu còn nuôi óc kỳ thị, tranh chấp trong văn nghệ thì văn nghệ không bao giờ tiến được. Chúng tôi bước chân vào làng nghệ thuật mà thấy thiếu mặt tới 8 phần 10 anh em đi trước mình, phải đơn phương độc mã sinh hoạt và cảm thấy tất cả sự trợ trợ của mình cho nên đã hiểu nỗi đau buồn khi thấy văn hữu, thi hữu không thương yêu nhau, bỏ tức cho nhau, trái lại lại chia ra phe nhóm, chia ra tà giáo, ma giáo, thánh giáo, mong đề đầu đề cổ người khác, làm cho người khác chết đi để một mình thỏa thích « múa gậy vườn hoang ».

Phan Kim Thịnh : Làm thơ, anh có nghiêng về thi phái nào không ? Anh có chuyên chú về loại nào không ?

Nguyễn Sa : Bao giờ tôi cũng muốn giữ cho mình độc lập. Anh đã biết ý kiến của tôi về phe nhóm rồi. Về thi phái, tôi cũng nghĩ như vậy.

Phan Kim Thịnh : Anh có biết rằng một số người hiện nay cho anh là một tín đồ của thơ tự do không ?

Nguyễn Sa : Tôi không biết. Riêng tôi thì thấy rằng về hình thức của thơ, lúc nào tôi cũng giữ cho mình độc lập. Nếu ấn định phải làm thơ theo một hình thức nào, cũng như bắt buộc phải theo một số đề tài quyết định nào thì chính nhà thơ tự làm cho mình bị tê liệt, nghèo nàn, nô lệ. Mà nhà thơ thì không làm nô lệ cho ai hết, nhà thơ là ông vua của chính mình, không hề chịu một giáo chủ nào chi phối. Súc động về tình thì viết thơ tình, buồn phiền về chiến tranh thì làm thơ về chiến tranh. sợ hãi cái chết thì làm thơ về cái chết : thi đàn là một nơi họp mặt chung, nơi họp mặt tự do. Việc gì phải gò bó đầu óc tư tưởng, cảm xúc, rung động của mình vào một thể thơ nhứt định ? Thích làm thơ Đường thì làm thơ Đường, hứng lên muốn làm thơ mới thì làm thơ mới, nhưng

nếu có hôm hồn thơ cảm xúc dâng lên anh cảm thấy phải ghi ngay hết cả trạng thái tâm hồn, uyển chuyển, dài dòng mà thấy rằng bảy chữ, tám, chữ mười hai chữ, mười sáu chữ không đủ thì anh làm thơ hai mươi bốn chữ, ba mươi sáu chữ một câu, nghĩa là thơ tự do, tùy ý anh.

Thượng Sĩ : Thơ mới và thơ tự do có khác biệt nhau không ? Và khác biệt ở chỗ nào ?

Nguyễn Sa : Khác nhau rõ rệt. Thí dụ một điểm là về vần và về phân đoạn.

Thơ mới, vần cố định hoặc ôm, hoặc là là vần chéo.

Thơ tự do cũng như thơ văn xuôi, không bó buộc vần, và khác hẳn thơ mới, số lượng câu reo vần trặc quan trọng bằng vần bằng, mà thơ mới thì nghiêng về vần bằng nhiều hơn. Số chữ của thơ tự do hay thơ văn xuôi không cố định, tám chữ, mười hai chữ, hai mươi bốn chữ hay một chữ, hai chữ tùy theo hứng của nhà thơ.

Thí dụ thơ văn xuôi câu nhiều chữ :

Suốt cả đời người anh đã chờ đợi tin yêu : lửa đến từ những cửa ngõ cuộc đời đã đốt cháy mười đầu ngón tay bằng những khối nhựa đường nóng bỏng.

Về vần, không bó buộc, có khi gần nhau :

Còn nếu như em không đến ? Em không đến, tôi cũng chẳng dám giận hờn em.

Em hãy ở lại nhà. Đóng chặt cửa sổ kéo mura hiu hắt. Kéo chần chừ kín cở kéo gió lùa về lạnh như những giấc mơ êm.

Hoặc xa nhau rất nhiều :

Tôi cũng không phải hỏi rừng đề rừng bảo hỏi cây. Cây

khuyên hỏi lá. Lá bảo hỏi chim muông. Tôi nhìn quanh tôi những cánh quạ đen cười riêu cợt.

Tôi không phải ước ao lên sơn lâm làm một loài thảo khấu cướp của khách vãng lai những bức thư tình đem lên núi cao đọc to cho giun để nghe đề chia nỗi niềm cô độc.

Tôi cũng không phải bỏ trốn — như sáng hôm nay — ra giữa trùng dương để làm một gã thủy thủ già lái tàu theo kim chỉ nam mà chỉ thấy toàn rượu ngọt.

Nói về phân đoạn, thơ mới phân đoạn bốn câu hay đoạn dài hơn, thí dụ thơ «*Tình Thứ Nhất*» của Xuân Diệu phân đoạn đoạn bốn câu một. Thơ tự do phân đoạn không cố định cũng như số chữ không cố định.

Nhân nói về đoạn và vần, tôi xin trở lại vần đề vần trong thơ vừa đề cập tới mà tôi chưa nói hết. Về vần của thơ, tôi còn muốn nói đến một điều này nữa. Khác hẳn lúc chúng ta còn đi học, ông thầy quốc văn vẫn dạy rằng vần phải trùng với nhau như *ôm* đúng với *hôm*, *mây* với *cay* v.v... nhưng bây giờ, tôi thấy rằng bắt buộc như thế thì vần gò ép, mất tự do và bay bướm của lời thơ. Phạm Huy Vịnh, Nguyễn Du, Cao Bá Nhạ v.v... Không hề bị bó mình trong khuôn sáo chật hẹp đó. Trong «*Tỳ Bà Hành*», ta đã thấy sự phóng khoáng trong việc gieo vần ngay từ mấy câu đầu :

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách,

Quanh hơi thu lau lách đìu hiu

Người xuống ngựa, khách dừng chèo

Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc li

Thử kể một vài vần trong chuyện Kiều

Khi về hỏi liễu Chương Đài,

Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay

*Tình xâu mong trả nghĩa **đầy**
Hoa kia đã chấp cánh **này** cho chửa*

Thượng Sỹ : Anh đã cho biết ý kiến về thực chất của thơ tự do, anh có thể cho biết về ưu điểm của thơ tự do không ?

Nguyễn Sa : Không có loại thơ nào có ưu điểm hơn loại thơ nào : thơ lục bát không ưu điểm hơn thơ đường, thơ đường không ưu điểm hơn thơ mới, thơ mới không ưu điểm hơn thơ tự do. Riêng tôi, tới khi nào tôi cảm hứng và thích loại thơ nào thì tôi làm loại thơ đó. Thí dụ cuốn thơ của tôi vừa tái bản, tôi chia làm ba loại, thơ mới, thơ tự do, thơ văn xuôi. Tôi nhắc lại rằng theo tôi, nếu ấn định phải làm thơ theo một số đề tài nào, hình thức nào tức là mình có gáo điều, do đó chính mình làm cho mình bị tê liệt sức động.

Thượng Sỹ : Trong ít lâu nay, thơ tự do và thơ văn xuôi bị mờ đi. Có không và tại sao ?

Nguyễn Sa : Tôi không tin như thế. Riêng tôi nhận thấy rằng thơ tự do và thơ văn xuôi đăng trên các báo và tạp chí giảm đi, nhưng những người có khả năng làm thơ tự do và thơ văn xuôi tăng lên. Do đó sự kiện này xảy ra : số người không nắm vững được ngôn ngữ chán nản, nhưng những người nắm vững được ngôn ngữ thì không chán nản. Dù sao, tôi cũng nhận rằng trong vòm trời thơ tự do hay thơ văn xuôi trong số sao sáng có mờ đi ít nhiều. Nhưng so với tiền chiến thì số người nổi tiếng về thơ tự do, thơ văn xuôi cũng không có bao lắm. Có lẽ tại thơ tự do, thơ văn xuôi khó khăn hơn các loại khác chăng ? Có lẽ vì không bó buộc số vần mà khó làm hơn chăng ?

Phan Kim Thịnh : Anh làm thơ nhiều, hồi ở ngoại quốc hay sau khi về nước ?

Nguyễn Sa : Sau khi về nước. Từ 1948 đến 1955, tôi tương đối làm ít thơ, từ 1956 làm nhiều hơn.

Phan Kim Thịnh : Bút hiệu Nguyễn Sa anh lấy từ hồi ở Pháp hay sau khi về nước ?

Nguyễn Sa : Từ hồi ở Pháp.

Phan Kim Thịnh : Bút hiệu ấy hàm ý gì ? Tên một người yêu ? Lấy vào « bộ » ? Hay có nghĩa gì khác ?

Nguyễn Sa : Không có ý gì sâu sắc cả. Thành thực lúc nào tôi cũng cho tôi là một số không, tôi không « lớn » nên tôi tự cho mình « vốn dĩ chỉ là hạt cát ». Tôi không đặt bút hiệu theo danh nghĩa như ông Quán Chi, Lê Thần, Thiên Hư... phải theo bộ, hay phải theo sách vở.

Phan Kim Thịnh : Ngoài ra anh còn có bút hiệu nào khác không ?

Nguyễn Sa : Còn vài bút hiệu nữa để viết báo, viết chuyện viết các bài lật vạt, xét ra không quan hệ lắm nên khỏi nói ra làm gì.

Vũ Bằng : Anh nói ra điều đó, mặc nhiên đã giải được cho tôi một mối băn khoăn từ trước. Hồi anh đi học ở Pháp, vào khoảng mười bốn, mười lăm tuổi, tôi có nghe thấy ở Pháp có một nữ sinh nổi tiếng là đẹp và học giỏi tên là Đỗ Thị Xá. Tôi và một số anh em (có người bây giờ đã quá cố) cứ tưởng là giữa anh và cô ấy có chuyện tâm tình và anh đã lấy tên cô ấy ghi vào bút tự của anh và đổi X ra S.

Nếu tôi không quá tò mò, tôi có thể hỏi anh rằng anh được một số người tặng cho danh hiệu « thi sĩ của tình yêu » có phải là vì một người đẹp nào không ?

Nói thực với anh, có một số người lại cho rằng danh từ « thi sĩ của tình yêu hơi mơ hồ » vì thi sĩ nào như Xuân Diệu,

Thế Lữ, Leiba, Trần Huyền Trân, Hồ Dzếnh... lại chẳng là thi sĩ của tình yêu ? Hỏi như thế cũng có lý, nhưng riêng tôi thấy rằng bảo Nguyên Sa là thi sĩ của tình yêu cũng có đúng phần nào vì tất cả thơ anh trong cuốn « Thơ Nguyên Sa » dù là mới cũ, tự do hay văn xuôi đều ca ngợi yêu đương trong khi các thi nhân khác ngoài yêu đương ra còn đề cập đến nhiều đề tài khác như chiến tranh lẻ loi, rừng núi, tự do, bạc mệnh, hay xuân hạ thu đông chẳng hạn. Dù sao, cái đó không quan hệ lắm. Phần đông anh em muốn biết bao nhiêu thơ chứa đựng bao nhiêu tình yêu đó có nhắm vào một người đẹp nào không ? Hay đó chỉ là một tượng trưng cho cái Đẹp (Đ viết chữ hoa), tượng trưng cho Nghệ Thuật ? Hay yêu đó là yêu thương tất cả, yêu nước, yêu nòi, yêu sự sống ?

Nguyên Sa: Không, đấy chỉ là suy luận, là giả tưởng. Tôi vẫn nói rằng tôi cố giữ thành thực với chính tôi với mọi người. Tôi làm thơ yêu chỉ là vì tôi yêu thế thôi. Hình ảnh người đẹp trong những bài thơ của tôi là hình ảnh một người có thực không tưởng tượng. Tuy nhiên, tôi muốn thêm rằng nếu trong « Thơ Nguyên Sa có nhiều tình yêu, thì ngược lại, trong « Những năm sáu mươi » đang in là đau buồn cùng với quê hương đau khổ,

Vũ Bằng : Người ấy là người Việt ? Hay là một người ngoại quốc ?

Nguyên Sa : Một cô gái Việt, tức là vợ tôi bây giờ. Tôi yêu nhà tôi từ lúc hai đứa cùng học ở Pháp : tôi học ở Sorbome còn nhà tôi thì lúc ấy sửa soạn vào một trường kỹ sư. Một số thơ ca của tôi trước tác vào thời đó. Chúng tôi lấy nhau hồi 1955 rồi về nước, Đến 1963 nhà tôi mở trường « Văn Học ». Tóm lại thơ của tôi trong cuốn « Thơ Nguyên Sa » nghiêng về tình yêu nhiều hơn — mà yêu

đây — tôi cứ thành thực mà nói — không phải là yêu cái Đẹp tổng quát không phải là yêu Đời nhưng yêu một người cố định, một người thực. Tại sao lại yêu đến như thế, tại sao nhắm vào tình yêu, chính tôi không biết lý do và cũng không thể nào giải thích nổi.

Vũ Bằng : Thêm một câu hỏi nữa. Anh làm thơ thì làm hết một bài thơ ngay hay thỉnh thoảng hứng lên mới viết một câu, cả tuần cả tháng mới thành ra một bài ?

Nguyễn Sa : Bài thơ nào tôi cũng làm cho xong thì mới ăn ngon ngủ yên được. Rồi tôi đề đấy, thỉnh thoảng lại đem ra ngâm rồi sửa lại để tìm chữ đắt hơn và vần thuận hơn.



Câu chuyện nói đến đây thì trời chuyển mưa. Chúng tôi cáo biệt ra về.

Nguyễn Sa, đội sùm sụp cái mũ ni lông trên đầu tiễn chúng tôi ra cửa lúc ấy đã bắt đầu có đông đảo học sinh đi xe đạp đi xe gắn máy đến học lớp tối. Quay lại, chúng tôi thấy bóng Nguyễn Sa đứng trầm lặng dưới một ánh đèn vàng ố, như pho tượng.

Anh nghĩ về một chữ chưa đắt, một vần chưa reo ?

Hay là anh nghĩ đến yêu, đến mây trắng, đến người đàn bà đẹp ? Hay đến quê mẹ buồn đau ?

Phải rồi nhà thơ cũng như nhà văn bao giờ chẳng thấy cô đơn, vồn vờ như thế,

« Ý thức của họ bị dần vật hành hạ, lay động bởi cơn gió tím của người đàn bà : làm thế nào cho đẹp ? Đi thế nào cho duyên dáng, nói thế nào cho dịu dàng, nằm thế nào cho cho khêu

gợi? Phải tô môi đánh mắt, phải kẻ móng tay như thế nào? Chuyển hóa sang phạm vi nghệ thuật, những câu hỏi này sẽ mang hình thức, hành văn thế nào cho độc đáo, cấu tạo nhân vật thế nào cho đầy đặn, chọn văn thế nào cho mới lạ, pha màu, phết cọ thế nào cho khoẻ? Nói vắn tắt: Kỹ thuật sáng tạo phải như thế nào?»

VŨ BẰNG (ghi)

VĂN
HỌC chủ đề :

NGUYỄN BÌNH

« LỖ BƯỚC SANG NGANG »

NỘI DUNG :

— NGUYỄN BÌNH đóng kịch với Vũ Hoàng Chương, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân tại Hải phòng tiền chiến do Vũ Bằng ghi lại.

— NGUYỄN BÌNH vô Nam kháng chiến và làm thơ do Tế Xuyên, Sơn Nam, Kiên Giang Hà Huy Hà và nữ sĩ Mộng Tuyết ghi lại.

— NGUYỄN BÌNH của Hà Nội văn nghệ tiền chiến do Tạ Ty vẽ lại.

— NGUYỄN BÌNH chín năm đốt đuốc soi rừng giữa lòng Hà Nội 1954-1966 do Sông Thai ghi lại.

— Cảm nghĩ khi đọc thơ Nguyễn Bình do NGUYỄN SA viết.

— Và những bài thơ, truyện ngắn hay nhất của Nguyễn Bình làm khi kháng chiến do Văn Học sưu tập để gửi đến bạn đọc.

Tạ Ty

NGUYỄN - SA

và ngôn ngữ Tình Yêu trong Thi Ca

Có lẽ, đã trên dưới 10 năm, buổi chiều Saigon sau một cơn mưa lớn, tôi đang ngồi dưới mái hiên nhìn những vũng nước đục lăm trước nhà thì Mai Thảo đến thăm. Cùng đi với Mai Thảo có thêm một chàng trai phốp pháp có dáng dấp hồn nhiên. Mai Thảo vội giới thiệu — *Nguyễn Sa, người có thơ đăng trong Sáng Tạo mà cậu thích!* Cái bắt tay lần đầu giữa tôi và Nguyễn Sa thật thăm thiết. Tôi nhìn chòng chọc vào Nguyễn Sa đang ngồi đối diện, để chứng nghiệm lời Mai Thảo nói với tôi bữa trước, Nguyễn-Sa mới từ Pháp về, có tinh thần tiến bộ muốn cùng đi một đường với anh em.

Sau buổi hội ngộ đó, tôi đã coi Nguyễn Sa như người bạn cũ. Tôi nhớ, trước khi về Nguyễn Sa có tặng tôi một bài thơ mang tựa đề NGA, in trên giấy lán, được dùng thay thiệp báo hỷ, ấn loát tại Ba - Lê ngày 10-12-1955. Bài thơ này Nguyễn Sa sáng tác tại SOLDEN, NOËL 1954.

Tôi yêu bài thơ đó lắm tuy nội dung chưa vượt khỏi ước lệ thông thường với suy tư và rung cảm của một tình nhân đối với một tình nhân.

*« Hôm nay Nga buồn như con chó ốm
 Như con mèo ngái ngủ trong tay anh
 Đôi mắt cá ươn như sắp sửa se mình
 Đề anh giận sao chẳng là nước biển /... »*

Ngôn ngữ của Nguyễn Sa trong bài thơ tuy không mới nhưng hình ảnh thật mới được lồng trong khuôn thức của nhịp điệu làm người đọc dễ rung cảm và lãnh hội.

*« Em nhớ không, đã có một lần anh van em
 Đã có một lần lâu hơn cả ngày xưa...
 Em sợ thời gian như một nắm từng câu thơ
 Em sợ thời gian ác như lửa thiêu từng thanh củi
 Mắt e ngại như từng con chỉ rối
 Em sợ những ngày trời nắng như hôm nay
 Em sợ những đường tàu vướng víu như chỉ tay
 Không dám chọn lấy một ga hò hẹn /... »*

Đọc thơ Nguyễn Sa tôi có cảm tưởng như đọc thấy những ý nghĩ thầm kín của hồn mình. Nó gần gũi. Nó trẻ và sống. Nó chuyên chở từng dung nhan diễm tuyệt ngay cả trong lo sợ. Mỗi dòng, mỗi chữ được Nguyễn Sa cân nhắc và sử dụng linh động như nhà phù thủy cao tay sai khiến âm binh. Thơ Nguyễn Sa không nóng bỏng, suồng sã, đậm mê, khăng khít như Xuân Diệu hoặc thâm trầm, tế nhị, kiêu sa như Huy Cận mà nó luân lưu uyển chuyển giữa hai dòng thơ lớn đó của thời tiền chiến. Tuy đã sống ở Paris nhiều năm, đã am hiểu văn hóa Tây Phương nhất là Triết Học mà Nguyễn Sa lúc làm thơ vẫn giữ được cái phong thái của thi ca Việt Nam ngay cả ở những bài mà Nguyễn Sa đã sáng tác tại Kinh Đô Ánh Sáng.

*«... Mai tôi đi dù hôm nay đang vào Thu
 Giòng sông Seine đang mặc áo sương mù*

*Đang nhìn tôi mà khoe nước biển
Khoe lá vàng lộng lẫy lối đi xưa... »*

(PARIS)

Paris với giòng sông Seine, với tháp Eiffel cao chót vót, với xóm Montmartre, với những Thư Viện, những Bảo Tàng, những mái Giáo Đường, với sương mù, tuyết trắng, với vòm trời Nice xanh thẳm, với những nàng kiều nữ, với trăm vạn đam mê, huyền hoặc mà sao Nguyên Sa chỉ dùng chúng trong Thi Ca như dùng những phương tiện để chuyên chở từng ý nghĩ Việt Nam, từng từng ngôn ngữ Việt Nam. Thi sĩ William Carlos, William đã nói đúng — *“Sự sáng tạo ngôn ngữ mới cho Thi Ca, ở đó các thi nhân Mỹ có thể viết ra được, chính là một ngôn ngữ mang biểu tượng nước Mỹ (Jarrell, Situation d'un Poète).”*

Xuyên qua ngôn ngữ Nguyên Sa, người đọc hình dung thấy, một khung cửa bỏ ngỏ. Từ khung cửa đó, có thể nhìn ra một khu vườn với màu sắc chói chang với muôn vàn cánh bướm đang múa lượn chập chờn làm rung động những đài hoa ngát nhụy. Những cánh bướm của Tình yêu, của Khát vọng, của dự tưởng mà Nguyên Sa dang rộng đôi tay bé nhỏ muốn ôm vào lòng mình tất cả ước mơ tuổi trẻ. Cái vũ trụ nào đó, không phải cái vũ trụ được đo lường và ước đoán bằng chứng nghiệm toán học, bằng những năm ánh sáng, bằng Vệ Tinh, bằng Phi Thuyền mà đích thực, cái vũ trụ mà Nguyên Sa đoán biết hay tìm thấy chẳng ai chứng minh được vì nó là Vũ Trụ của Tình Yêu, do Tình Yêu hình thành.

Sartre nói — *« Cái TA là do kẻ khác »*. Cái nguyên lý sơ đẳng thuộc Triết Học này, Nguyên Sa là người biết rõ hơn ai hết. Nguyên Sa biết Triết Học trước khi làm thơ. Hình ảnh chói lòa của Socrate, Platon, Bergson, Kant, Nietzsche, Heidegger,

Russel, Jaspers, Sartre v.v. . với các triết thuyết cao siêu mà các vị đó đã để lại cho nhân loại, hình như nó chẳng có chút liên hệ gì trong địa hạt Thi Ca, một địa hạt mà Nguyễn Sa coi như cứu cánh của đời mình. Điều nói đây có thể không đúng hẳn, nhưng xuyên qua thi phẩm Nguyễn Sa, người đọc chưa chiếu rọi hay khám phá được ở Thơ Nguyễn Sa có màu sắc Triết Học hay hướng đến Triết Học.

Nguyễn Sa đi vào Thi Ca với những bước chân mang nhiều ân tình cho kẻ khác. Kẻ khác, lẽ đương nhiên là người con gái, là Tình Yêu. Tình Yêu đối với Nguyễn Sa như ân sủng, như nguồn thương vô tận, với ngọt ngào môi hôn, với bản loạn tâm hồn, với quấn quít vòng tay, với dịu hiền hơi thở. Sự kiện này rất tự nhiên vì bản chất Nguyễn Sa như vậy.

*« Nắng Saigon anh đi mà chợt mát
 Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
 Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
 Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng
 Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn
 Mà mùa Thu dài lắm ở chung quanh
 Linh hồn anh vội vã về chân dung
 Bày vội vã vào trong hồn mở cửa... »*

(ÁO LỤA HÀ-ĐÔNG)

Chất Thơ của Nguyễn Sa là chất Thơ thuần túy, ở đó, mỗi tiếng nói, mỗi âm thanh, mỗi ngôn ngữ như một lời kể lể, một cầu xin, một đắm đuối. Tình Yêu là chuyện muôn thuở, chẳng phải chỉ Nguyễn Sa mới tỏ bày lần thứ nhất, mà con người ở mỗi thời đại có nhiệm vụ làm mới lại những cái gì của hôm qua với khả năng nghệ thuật vô biên. Goethe nói. *« Thiên nhiên vẫn y*

nguyên, nhưng nhãn quan của mỗi con người làm thay đổi Thiên Nhiên ». (*Goethe et la littérature Universelle, Thornton Wilder*). Trong Tình Yêu cũng vậy, Tình Yêu vẫn thế nhưng mỗi kẻ tình nhân làm Tình Yêu đổi mới.

... « *Hãy dựa tóc vào vai cho thuyền ghé bến.*

Hãy nhìn nhau mà sưởi ấm trời mưa

Hãy gửi cho nhau từng hơi thở mùa thu

Có gió heo may và nắng vàng rất nhẹ

Và hãy nói năng những lời vô nghĩa

Hãy cười bằng mắt, ngủ bằng vai

Hãy đề môi rót rượu vào môi

Hãy cầm tay bằng ngón tay bắn loạn

Gió có lạnh hãy cầm tay cho chặt

Đêm có khuya em hãy ngủ cho ngoan

Hãy biến cuộc đời thành những tối tân hôn

Nếu em sợ thời gian dài vô tận... »

(THÁNG SÁU TRỜI MƯA)

« *Hãy đề môi rót rượu vào môi* » và « *biến cuộc đời thành những tối tân hôn* » quả thật Nguyên Sa đã sử dụng ngôn ngữ Thi Ca một cách tài tình dù rằng ngôn ngữ đó đề chuyên đạt một ý nghĩ rất Tây Phương. Theo Randall Jarrell, thi sĩ là một kẻ sáng tạo, một nguyên trình (*pureté* một kiến trúc sư của kỹ thuật Thi Ca. Nguyên Sa đã sáng tạo và tự dành lấy đặc quyền trong lãnh vực Tình Yêu, dù Tình Yêu đôi khi chỉ là ảo ảnh, là nỗi buồn thảm, tối tăm của thất vọng và đờn đau, chia cách. Thơ Nguyên Sa toát ra sự mong manh, rạn vỡ ngay cả trong hy vọng, đợi chờ.

. . .

*Em chói sáng trong tình anh cô độc
Cả cuộc đời mộng ảo nhón bùng lên...»*

. . .

*Em đến chưa ? Sao đêm chợt vắng
Cả cuộc đời xáo động cũng hao đi
Những ngón tay dần chuyễn đến hôn mê
Và tà áo phủ chân trời trước mặt. »*

(NGƯỜI EM SỐNG TRONG CÔ ĐỘC)

Trong bài thuyết minh nhân dịp tưởng niệm Goethe tại Aspen (Colorado) năm 1949, Wilder có nhắc lại câu nói của Goethe « *Trí não con người làm văn học nghệ thuật giống như một thùng chứa những mảnh giấy được bóc ra khỏi cuốn Bách Khoa vĩ đại, những mảnh giấy đó không phải chỉ chứa đựng sự ghi nhớ thông thường mà đích thực ở mỗi tờ đều toát ra và run lên cảm xúc. Nó có thể là liều thuốc hay niềm an ủi, cũng có thể là lời báo trước một bi thảm...* » (Goethe et la Littérature Universelle, Profil No 1).

Người làm thơ cũng phải gỡ ra khỏi hồn mình những chất liệu để cấu tạo nghệ thuật. Nguyễn Sa bóc năm tháng của cuộc sống riêng tư để ca tụng Tình Yêu, để trải tâm sự qua từng niềm thương, nỗi nhớ, qua từng giọt sữa yêu đương cũng như nỗi buồn mặt trăng.

*« Em đứng lẩn bên góc hè phố vắng
Như loài hoa hoang dại trong rừng sâu
Mà da tơ bóng tối ngả âu sầu
Đôi mắt đẹp từng cánh sao tắt lịm
Em đứng đợi một người không hẹn đến
Bán cho người tất cả những niềm vui...*

. . . -

« Đêm gần tàn em ới người gái đi
Đợi trong khuya, bến vắng ngủ say rồi
Nhìn ánh đèn vương lại cửa nhà ai
Rồi kéo vạt khăn quàng trên vai lạnh...

(ĐỢI KHÁCH)

Tình Yêu đối với Nguyên Sa đẹp như một nàng Công Chúa mới lên ngôi, nhưng có lúc nó biến thành tình thương khi Nguyên Sa bắt gặp cuộc đời có mặt với những giận hờn, ti tiện, bon chen, đổ kỵ do những ước lệ xã hội tạo nên. Nói cho đúng, Nguyên Sa một thi sĩ đã gặp nhiều may mắn ở cuộc đời cũng như nghệ thuật. Sự cúi xuống tình thương chỉ do từ tâm — một ngoại lệ— Vì đó, niềm xót xa mà Nguyên Sa diễn đạt bằng ngôn ngữ Thi Ca nó chỉ mang giá trị tương đối, người đọc chỉ cảm thấy hay chứ không xúc động, vì Nguyên Sa đã biến đổi nó thành vóc dáng khác, ở đó, cái «nhìn» và cái «nhận» không còn nằm ở vị trí «khách thể» nữa. Nhưng có điều mọi người chắc hẳn đều nhận ra, những nỗi buồn thảm và tối tăm của sự vật cũng như cuộc sống thường gặp lại ở những bài thơ hay, do đó, sự nghiêng xuống khổ đau đối với thi nhân chỉ được xem như thường tình.

Chính vì chất thơ của Nguyên Sa không nằm ngoài vị trí Tình Yêu nên ngôn ngữ tình ái trong thơ Nguyên Sa được sử dụng với tất cả tài hoa của một tâm hồn phóng khoáng muốn dùng khả năng hữu hạn của ngôn ngữ để vẽ chân chân dung Tình Yêu với tất cả cảm xúc, lúc nào cũng tràn dâng làm ngập lụt linh hồn.

Không có anh lấy ai đưa em đi học về
Lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học

Ai lau mắt cho em ngồi khóc
 Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa
 Những lúc em cười trong đêm khuya
 Lấy ai nhìn những đường răng em trắng
 Đôi mắt sáng là hành tinh lóng lánh
 Lúc sương mờ ai thổi đờn sương tan
 Ai cầm tay cho đỏ má hồng em
 Ai thổi nhẹ cho mây vào trong tóc...

(CẦN THIẾT)

Đoạn thơ trên, Nguyễn Sa đi rất gần Tế Hanh tác giả thi phẩm HOA NIÊN thời tiền chiến. Tuổi trẻ, tuổi trẻ nào chả vậy, bước chân thử nhất vào đời qua ngưỡng cửa nhớ mong, sầu mộng « Trời hải đảo » « Tóc bẽnh bông » với « lá gió trăm cây » với « Mây trắng lên đên » đề « Lời ngỏ ý sẽ là kinh cầu nguyện ». Nhưng Nguyễn Sa, một thi sĩ đã hiểu thấu đáo về luật thời gian, đã hiểu rõ thân phận mình và kẻ khác chẳng phải do Triết Học hay Khoa Học mà chính nỗi ưu tư, phiền muộn do chính thực tế trao gửi. Chiếc bong bóng Tình Yêu thi sĩ thả lên trời cao đề mặc cho gió đầy đưa, mặc cho giông gió hủy hoại trong nỗi bàng hoàng của biệt ly, của thất bại.

« Người về đêm nay hay đêm mai
 Người sắp đi chưa hay đi rồi
 Muôn vị hành tinh rung nhè nhẹ
 Hay ly rượu tàn run trên môi...

Tôi muốn hỏi thăm người rất nhẹ
 Tôi đưa người hay tôi đưa tôi ?... »

(TIỄN BIỆT)

Nguyễn Sa vào đời với bản tình ca trên môi,

với lời chào trong mắt, với bước chân quẩn quít. Nguyên Sa sợ thời gian, sợ tan biến, sợ hư không, do đó, mỗi lời nói trao duyên, mỗi lần tình tự, người đọc nhận thấy sự vội vàng, sự níu kéo xen vào nỗi buồn rờn rợn như sắp đánh mất hay bị cướp đi sự quý báu thiêng liêng tưởng như đã thuộc riêng mình. Thơ Nguyên Sa hiện diện giữa cuộc đời với sự mong manh đó. Người đọc nhìn nó trong suốt như nhìn qua tấm pha lê có chạm trổ những hình nét tuyệt luân, nhưng chỉ một vô ý còn con tấm pha lê đó sẽ biến thành những mảnh thủy tinh nát vụn. Làm thơ, không phải là công việc riêng của cá nhân hay của một thời đại nào nhất định. Sự hiện diện của Thi Ca với hàng loạt con người có mặt bất cứ ở đâu, bất cứ thời đại nào đều phải nhận rằng, năng khiếu Thi Ca không chỉ định một hiếm hoi hay đề tán tụng một bài thơ điểm tuyệt. Tiếng nói của Thi Ca tuy không làm chủ được định mệnh nhưng nó có mặt để trình bày một giá trị, một lời an ủi dịu dàng làm nguôi ngoai đau khổ. Vì biết rõ giá trị tương đối của Thi Ca đứng trước thực tế, trong phạm trù nhân sinh nên Nguyên Sa dùng nó để giải tỏa ần ức, giải tỏa mặc cảm mà mỗi con người phải cúi đầu vâng theo định luật thiên nhiên.

Nguyên Sa đã nhìn thấy *« Sa mạc hoang vu chạy xuôi linh hồn »* nghĩa là Thi sĩ đã chấp nhận. Sự chấp nhận đây không phải là đầu hàng mà đích thực để hành động, để tránh né cái *« không thể tránh »* mong để lại những chứng tích thực thể trước cái yếu đuối của con người với ngàn vạn thất vọng, bi thương.

Vì quá yêu sự sống nên Nguyên Sa luôn luôn đẩy về phía trước những hy vọng.

« Tôi sẽ sang thăm em

Để những mớ tóc màu củi chưa đun

*Màu gỗ chưa ai ghép làm thuyền
Lùa vào nhau nhóm lửa... »*

*« Tôi sẽ sang thăm em
Đề tình yêu đừng chua cay
Đề tình yêu là sóng
Một giòng sông gặp gỡ giòng sông... »*

(TÔI SẼ SANG THĂM EM)

Sự thương yêu và niềm hy vọng như một động cơ luôn luôn nồ máy đề lấn át mọi hệ lụy do cuộc sống trôi giạt đến. Nguyễn Sa thường cầu khẩn với lòng mình cũng như với người yêu.

*« Và tôi vẫn xin em
Cho tôi ghì thật chặt
Như chiếc thắt lưng xanh
Ghì quanh lần áo vải
Cho tôi tìm một chữ mới
Không có trong hai mươi nhăm chữ cái
Đề bắt đầu tên em :*

. . . »

(TỰ DO)

Ngay trong những đêm buồn thành phố, chán ngán cột đèn và những thước dài Đại Lộ quấn chân, Nguyễn Sa vùng dậy.

*« Bằng hơi thở thiên thần
Bằng giọng nói đam mê
Bằng ngón tay màu nhiệm
Ta truyền
Hơi Saigon ban đêm mở cửa /...»*

Mở cửa để làm gì ? Đề thi sĩ « đi thanh tra những mái tóc bônq quơ, những cánh tay buồn, những mối sầu thơ đại ! » đề nghe ở đấy hồn cất lên tiếng nói : « Sao không mang nặng cặp mắt Trần Dần, cánh tay Phùng Quán với thân hình vạm vỡ tình yêu ? » rồi tiếng nói vụt tắt, rồi xiềng xích áo cơm, danh vọng, bôn phậu xiết lấy thân phận và chỉ có bóng đêm chứng kiến sự nổi loạn của tâm hồn cô độc trong nỗi nghẹn ngào chờ đợi bình minh.

Nguồn cảm hứng trong thơ Nguyên Sa như dòng sông lớn chảy phẳng phẳng ra biển cả bỏ mặc cho hai bên những bến bờ nhân thế. Nhưng « nỗi niềm của một kiếp người đã nhiều tháng ngày ngồi trong ngõ tối » để « xuất cả đời chờ đợi tin yêu » để nhìn « hy vọng bay theo từng hy vọng » đã làm Nguyên Sa vụt nghĩ đến cái chết. Cái chết mà Dante, thi hào Ý Đại Lợi ở đầu thế kỷ thứ XIV thét lên — « Tôi không hiểu tại sao, sự chết đối với số đông lại có nghĩa là bại, trận ! » Nguyên Sa không có cái can đảm của Dante, nên khi nói về cái chết vẫn hình dung đến sự ghê gớm, lạnh lẽo với tiếc thương « trên ấy »

« Anh cúi mặt hôn lên lòng đất
Sáng ngày mai giường ngủ lạnh còn trùng
Mười ngón tay sờ soạng giữa hư không
Đôi mắt đã trũng sâu buồn ảo ảnh.
Ở trên ấy xây mùa thu có lạnh
Anh nhìn lên mái cỏ kín chân trời
Em có ngồi mà nghe gió thu phai
Và em có thấp hương bằng mắt sáng ?
Lúc ra đi hai chân anh dang trước
Mắt đi sau còn vương vấn cuộc đời
Hai mươi năm, buồn ở đấy, trên vai

Thân thề nặng đóng đinh bằng tội lỗi

.

Những bài thơ anh đã viết trên môi

Lửa trái đất sẽ nung thành ảo ảnh.

(LÚC CHẾT)

Trong thơ Nguyễn Sa người đọc ít tìm thấy sự bi thảm quá đỗi. Nỗi đau của Nguyễn Sa đã biến thành cái ĐẸP, do đó, chả cứ gì cái chết mà ngay cả cuộc chiến đã từ mấy chục năm với dung nhan thiêu não qua đồ võ, chia lìa, khắc khoải, với từng ngón hoài nghi đang len lách phá vỡ, hủy diệt nếp suy tư, đạo hạnh ở mỗi con người hiện diện chẳng hề làm thi sĩ bận tâm. Nếu có một dòng thơ nào phải nhắc đến chiến tranh. Nguyễn Sa cố cho nó lướt nhanh và mờ đi ở giữa những hình ảnh và ý nghĩ dạt dào nóng bỏng môi hôn. Nguyễn Sa đã sống ngoài cuộc sống và đặt Thi Ca vào vị trí đúng của nó trong môi trường vĩnh cửu.

« Cả mái tóc đã thành rừng lo ngại

Mỗi chân tơ có mong nhớ xanh um

Khi môi anh nặng chiu trái thơm ngon

Khi em đến mang theo dòng nhựa ngọt

Huyết quản thành sông chảy linh hồn lá biếc

Cánh tay là cầu mạng thương mến qua sông

Anh nghe thơ thức dậy tuổi mười lăm

Anh nghe em bước vào thơ sáng lạn...

(KỶ DIỆU)

Ngôn ngữ Tình Yêu trong thơ Nguyễn Sa chẳng riêng có những Kiều, những Thu, những Loan, những Đạm đã cho thi sĩ

trời xanh và những nụ cười « *thơm mùi tội lỗi* », ngôn ngữ ấy cũng chẳng phải để làm vui cho một « *giải trí trường* » mà đích thực « *để dâng người lấy nửa dòng nước ngọt* » cũng như thi sĩ « *đến đây không ai mời, đi cũng đừng ai giữ, nếu có tác tượng bằng đá trắng, đồng đen, cũng đừng bày ở sân trường Đại Học, đừng bày ở Công Trường, xin nhớ để dùm ở một góc Công Viên. Để những đêm khuya (rất khuya) thi sĩ có thể nhìn mặt trăng soi gương và ngắm những người yêu nhau tình tự* ».



Tính đến hôm nay, thi phẩm của Nguyên Sa đóng góp với nền Văn Học Nghệ Thuật chỉ có mấy chục bài thơ mang tựa đề chung « *THƠ NGUYỄN SA* ». Đứng về số lượng, thành thực mà nói, chưa nhiều, nhưng trong 10 năm qua nó đã tạo nên ảnh hưởng lớn lao đối với những người làm thơ và yêu thơ nhất là lứa tuổi thanh niên. Thi sĩ *Félix Arvers* ở Thế Kỷ 19 lưu danh hậu thế chỉ có 1 bài *Sonnet*. Nguyên Sa đang và còn sống. Những bước chân dài rộng của thi sĩ có thể bước những bước phi thường mà bây giờ chưa đoán biết. Ngoài tài làm thơ, Nguyên Sa còn viết văn, làm báo, mở trường và dạy Triết. Nhưng tất cả những công việc nói trên đều bị Thi Ca lấn lướt bởi nhòe nhoẹt vóc dáng. Nói đến Nguyên Sa là nói đến Thơ, đến Tình Yêu đôi mươi, nói đến một vòm trời Tình Ái với « *ngày tháng không thể làm mòn phai những lời đắm đuối* ».

Do đó. Nguyên Sa đúng là thi sĩ của tình yêu và tuổi trẻ chẳng phải cho hiện tại, còn ngày mai phía trước...

tháng 11-1969

TẠ TỴ

Cao Thế Dung

THƠ TÌNH NGUYỄN SA

Nguyễn Sa thường được mô tả như một Xuân Diệu của thi ca hôm nay. Nhà thơ của yêu dấu và nhớ nhung. Nhà thơ tiêu biểu cho tiếng nói tình yêu bây giờ trên một tình tự đam mê vỡ lở, bất trắc. Ông cũng là một trong số thi nhân thuộc lớp tiền phong của thơ Tự do. Thơ ông không giản dị như một nghĩa tình yêu thông thường nên người ta nhìn thơ ông theo nhiều khuôn dáng, kích thước. Số người « chê » thơ Nguyễn Sa cũng nhiều mà ái mộ ông cũng không phải là ít. Thơ ông phức tạp, đa diện như tình yêu hôm nay cũng phức tạp, đa diện. Có một điều hiển nhiên ai cũng nhận thấy, dù là người không « chịu » thơ Nguyễn Sa từ hơn 10 năm qua, tính từ bài thơ thứ nhất của ông xuất hiện trên thi đàn, thơ ông đã trở thành một đề tài sôi nổi và người ta tìm đến thơ ông, thưởng thức với một thành kiến sẵn có hoặc say mê đương nhiên. Thường thì số người yêu Nguyễn Sa cũng như thơ Thanh Tâm Tuyền ở một trình độ cao, ở một đẳng cấp có đủ sự thanh nhàn. Thơ Nguyễn Sa phải nói là mới, tiếng nói mới vang toả từ một thời đại mới. Ông là một thi sĩ đã tách biệt với tiền chiến một cách dứt khoát. Ông mang đầy đủ cái khát khao trong khuôn mặt tình ái bây giờ. Người ta vẫn bảo Nguyễn Sa rất gần với Jacques Prévert của Pháp.

Nói cho đúng hơn, ông là một Jacques Prévert Việt nam nhưng thơ ông không có những cảm hứng và hình ảnh dễ dãi như tác giả Barbara (J. Prévert). Nếu đọc thơ Nguyên Sa cùng một cảm quan đồng điệu với tình ý trong thơ ông người ta sẽ dễ dàng bị thơ ông quyến rũ và sẽ say sưa với tiếng thơ ấy một cách thành thực.

*Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
 Bởi vì em mặc áo lụa Hà đông
 Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
 Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng*

*Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn
 Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh
 Linh hồn anh vội vã về chân dung
 Bày vội vã vào trong hồn mở cửa*

*Gặp một bữa, anh đã mừng một bữa
 Gặp hai hôm, thành nhị hỉ của tâm hồn
 Thơ học trò anh chắt lại thành nôi
 Và đôi mắt ngất ngây thành chất rượu*

(Áo lụa Hà Đông, Thơ Nguyên Sa)

Thật là những tình ý vừa dí dỏm vừa nên thơ và lạ. Chiếc áo lụa Hà đông là một hình ảnh quá thông thường song người ta đã quên mất vẻ mát tươi của nó từ bao nhiêu năm. Nguyên Sa thật đã khéo léo, làm cho màu áo lụa Hà đông trở nên thơ mộng và tươi mát như màu trời xanh. Đề bắt đầu từ đó, khởi sự một thương yêu, một lần tâm hồn mở cửa để trở lại và phục hồi nỗi yêu dấu từ ngàn xưa « nhất nhật bất kiến như tam thu hề ». Bằng một nguồn thi hứng mới mẻ, một diễn tả tự nhiên, Nguyên Sa đã phong tỏa lên tình yêu thứ men nồng của rượu khiến giọng thơ trong tựa hồ ngọn suối reo và tươi mát như giàn hoa lý.

Đọc thơ Nguyễn Sa, ta sẽ còn tìm ra vô số những ý tứ mới lạ, bất ngờ mà cái mới lạ lại bắt đầu bằng một hình ảnh thông thường, quen thuộc như « *Trời mưa tháng sáu* ».

Tháng sáu trời mưa, em có nghe mưa xuống

Trời không mưa em có lạy trời mưa ?

Anh vẫn xin mưa phong tỏa đường về

Anh vẫn cầu mưa mặc dầu mây ảm đạm

Da em trắng anh chẳng cần ánh sáng

Tóc em mềm anh chẳng thiết mùa xuân

Trên cuộc đời sẽ chẳng có giai nhân

Vì anh gọi tên em là nhan sắc

Anh sẽ vuốt tóc em cho đêm khuya tròn giấc

Anh sẽ nâng tay em cho ngọc sát vào môi

Anh sẽ nói thầm như gió thoảng trên vai

Anh sẽ nhớ suốt đời mưa tháng sáu.

(Tháng sáu trời mưa)

● Thật là thiết tha trong mơ mộng. Thứ mơ mộng ần dẫu trong những hình ảnh tầm thường nhưng người ta không khám phá ra nó vào khoảng nồng độ của cảm giác thơ, nên vừa bình dị vừa thơ để kết tụ thành một bản tuyên dương nhan sắc, tình yêu. Thứ tình yêu ấy, tình yêu của hôm nay tự nó đã có nghĩa như một bất trắc nên khi yêu đã chấp nhận cô đơn vì cô đơn cũng là thứ mà túy của tình ái :

Có phải em về đêm nay

Trên con đường thời gian trắc trở

Đề lòng anh đèn khuya cửa ngõ

Ngọn đèn dầu lụi bắc mắt long lanh

Có phải em về đêm nay

Trên con đường chạy dài hoa cỏ

*Cho lòng anh trở lại với lòng anh
Như lá vàng về với lá cây xanh
Trong những chiều gió đưa về cội*

(Có phải em về đêm nay)

Không thể ai chối từ được yêu thương nhưng có em trong hồn mà cầm em trong tay lòng vẫn nát rạn. Tình yêu trong thơ Nguyên Sa mở tầm tay tự do.

Phần triết học đời sống cao nhất của thời đại bây giờ là tình yêu. Nhưng trong yêu thương vẫn còn dấu tích đồ vỡ. Vì «Anh» hay «Em» vẫn cảm thấy rằng mình chỉ là những chuỗi dài phiêu lãng... Nguyên Sa thường đưa người đọc vào một thế giới hỗn tạp của yêu thương, pha trộn nỗi cô đơn và sự bất hạnh của kiếp người.

*Tôi mang trên vai tuổi hai mươi
Cuộc đời vẫn trắng hai tay
Như đời hai mươi thế kỷ
Đời dề quanh tôi những lao tù cơ cực
Tuổi hai mươi chưa đến đã bay vèo
Hai mươi năm
Thỉnh thoảng có một người yêu
Chạy qua cuộc đời
Như gió thổi
Nhưng rồi đến khuya
Nhằm nhìn những cầu tay đưa vào tình ái
Nhìn hai tay mười ngón
Tôi mới biết rằng
Cuộc đời vẫn trắng hai tay*

Trong cái thú yêu đương và hương nồng của tình ái Nguyên Sa vẫn thường day dứt trước nỗi của thời đại.

Yêu đối với ông khởi từ đáy tâm hồn và luyện qua đường gân mắt, thấm vào tận con tim, mạch máu nhưng trí óc thì vẫn dửng dưng trong cơn bóng chấy của suy tư và đẩy nhà thơ vào một khung trời bàng hoàng những mệt mỏi, chán chường.

Tuổi ba mươi và bấy nhiêu cũng thừa đau khổ
Nhân danh bàn tay mọc trái nghì ngờ
Nhân danh vầng trán quê hương lo ngại
Nhân danh mái tóc chờ mưa sa mạc
Như lễ vật trong ngày lại quả gửi về
Chẳng còn nguyên vẹn anh trả lại em những mùa thu lá
vàng những xức ước mơ những lâu đài kỷ niệm
Anh trả lại em cả cặp môi trên gò má lá thư xanh và
ngón tay tuổi trẻ
Vỗ mái thuyền xô động với nếp trán phấp phới binh với đôi
mắt đã tròng một mối anh đi vào
ngôi nhà nguyện tâm hồn.
(Bài Giã biệt)

Huyền Tôn say đắm Dương quý Phi, Nã phá Luân đắm đuối một Désirée và đẹp hơn ngàn lần nữa là tình hạng Võ Ngu Cơ... Lịch sử đi như dòng nước và soi mòn kim cổ nhưng ái tình thì còn lại.

Ái tình lại theo thời gian mà đổi thay màu sắc. Ái tình bây giờ là những trái hôn rướm máu, sự giả từ vô duyên, có khi đứng bên nhau mà vẫn một trời xa lạ và khi bắt đầu như đã sửa soạn giả từ

Người về đêm nay hay đêm mai
Người sắp đi chưa hay đi rồi
Muôn vì hành tinh run nhè nhẹ
Hay ly rượu tàn run trên môi

.
*Sao người không là một con đường
 Sao tôi không là một ga nhỏ
 Mà cũng có những giờ gặp gỡ
 Cũng có những giờ chia tan ?*

Trong thơ yêu, Nguyên Sa thành công lớn là vì ông nói lên hết sự thực của lòng mình, nói một say mê. Một con người tự nó đã mang theo thân phận những yếu tính tự do. Vậy thì tình yêu cũng phải mang bản chất tự do của nó, tự do để thành thực nhìn ngắm nhau nếu yêu nhau hay có xa nhau cũng chỉ là để thực hiện những khả năng tự do kia của mỗi người. Nguyên Sa bám víu những khả năng tự do ấy để rồi mới yêu mới nhớ. Từ xao xuyến trong phút yêu thương hay khắc khoải khi xa vắng hoặc đơn côi trong khoảng giã từ Nguyên Sa nói lên bằng thơ một cách trung thực và rất người nghĩa là mang đủ cái vóc dáng của tâm thể trong tầm vóc con tim. Cứ một ưu điểm ấy đã đặt ông vào hàng những nhà thơ có giá trị lớn.

Cũng trong thể giới yêu, Nguyên Sa còn định cả thái độ sống và con mắt nhìn cuộc đời :

*... Tại sao đời cho tôi hai mươi tuổi
 Để tôi ngồi đây
 Thở khói thuốc hơi tròn
 Nhìn mưa bay
 Nhớ những người yêu cũ
 Và nghĩ thầm :
 Đời là một tiếng cười to...*

(Hai mươi)

Đơn côi như con thuyền lênh đênh giữa lòng thế kỷ đầy những biến động nên con người đã phải chịu sự phá sản ngay

trong tâm hồn và bất an trong một vũ trụ mà Thượng Đế đang bị thóa mạ, bị mưu đoạt quyền cao. Từ sự thể đó, nó chỉ còn lại một tình ái. Thơ Nguyễn Sa mang dấu tích kia và tình ái trong thơ ông không là thứ ái tình Bôn-xê-vích cũng không là ái tình của Tự lực. Một ái tình của toan tính vội vã, của những nếp nhăn trên vầng trán suy tư, của cả một trời xa lạ mà trong đó đôi lứa đang ngụp lặn theo nỗi chán chường và đuổi theo nhau trên con đường mòn của thế kỷ. Một thứ yêu thương không hò hẹn hôm mai. Một thứ yêu đề cho những chân tình đột khởi trong một giờ, một ngày mà không cần tạo nên những màu hồng trăm năm cho Tình ái.

Thơ Nguyễn Sa đã thể hiện rõ rệt tâm trạng chung của con người hậu chiến. Trên thế giới này thì bao trùm nhưng bất hạnh. Chiến tranh để lại những gì nếu không phải là những thảm trạng ghê tởm bày ra trước mắt ta. Kết quả của nó là gì đã tìm thân phận con người dưới những âm thừa của đồ võ. Yêu đề khám phá ra nhau và tìm thấy nhau trong đồ võ kia.

Điệu Valve hay bước đi Tango không đủ ma lực hấp dẫn lòng khát vọng của con người bây giờ. Cái thú trông yêu thương như là tiếng rạn vỡ và bước đi của nó như nụ hôn của nó mang theo cơn cuồng loạn của một điệu Rock and Roll, hay một Twist. Có thể lên, có cử động mạnh cho da thịt rung chuyển thì mới thỏa đáng những khát vọng đang bùng cháy trong lòng người. Tiếng thơ Nguyễn Sa không là nhạc Twist nhưng nó là tiếng kèn Clarinette của một chàng da đen vang lên từ đáy đam mê cuồng loạn từ cuống phổi cháy bỏng trong khúc nhạc Jazz. Thể chất thơ như vậy thì không thể đòi hỏi ở Nguyễn Sa những qui luật cho thơ. Khi chủ âm đã mất ngôi vị chúa tể trong thể nhạc bây giờ thì khuôn sáo cũng không có lý do tồn tại trong tình yêu,

vì nó thừa, nó vô vị và sẽ giả tạo chỉ làm cạn nguồn rung động của thi nhân.

Nguyên Sa không những chỉ đưa thi hứng vào tình yêu qua một khوة mắt mà còn vô vàn những khوة mắt trôi nổi trên giòng thơ ông. Từ vô vàn những khوة mắt kia, nhà thơ như có tham vọng tìm bản chất con người để khám phá ra tinh lực của sự sống và yêu như là để thỏa mãn cơn tù túng cô đơn và nhà cho tan cái gông cùm của thời hiện đại từng xích vào chân vào cổ con người trong những tình yêu vỡ vụn.

Trong thơ hôm nay, Nguyên Sa tạo riêng cho ông một thế giới biệt lập. Một thế giới của yêu đương, qua thanh âm, của đam mê qua thành khăn, rạn vỡ... Ông là một nhà thơ tự do thật sự nên ông tránh được những lập dị. Tuy phá bỏ âm vận xưa cũ mà thơ ông vẫn có thi điệu. Ông lại dùng những hình ảnh rất thích hợp với tình ý giải bày và thể hiện trung thực những hình tượng của đời sống.

Lẽ dĩ nhiên thơ Nguyên Sa không có sự gò bó vì thơ ông phần lớn hồn nhiên như tiếng nói. Tiếng nói của một tâm hồn thật người giữa những thô bạo vừa nát của thời đại. Tiếng thơ của ông như tiếng nói của loài khao khát lạ lùng và bất thường nên cung bậc của nó luôn luôn đổi thay để bắt nhịp thanh âm của đời trong cuộc hòa tấu hôm nay. Ta hãy nghe tiếng nói thật tự nhiên và truyền cảm.

*Hãy đưa tôi ra sông
Đề tôi nhìn thấy rõ
Tôi nhìn dòng nước chảy
Tôi nhìn tôi bơ vơ
Nhìn bờ sông tìm bờ sông bên kia
Khi lòng sông gặp biển*

Hãy đưa tôi ra bờ sông
 Để tôi nhìn tôi hò hẹn
 Rồi tôi rủ tôi quên
 Quên thời gian trôi
 Bằng bước chân giòng sông
 Không để lại gì trên cát

(*Hãy đưa tôi ra bờ sông*)

Nguyễn Sa là một nhà thơ chịu ảnh hưởng sâu đậm thi ca tây phương, nhưng đã đồng hóa một cách đáng yêu trong những giao cảm và thi hứng của nhà thơ. Ông lại có nhiều khám phá rất mới lạ và tạo được những nét dung dị qua sự chọn lựa từ hình ảnh đến ngôn ngữ thơ. Với Nguyễn Sa có thể kết luận : phàm là một nhà thơ có đủ tầm vóc thơ, thì sáng tác thơ của họ là thơ Đường thơ Mới, Lục Bát hay Tự do đều do sự truyền cảm mạnh mẽ và kích động sâu xa vì thế thơ chỉ là chuyên chở chất thơ,

Năm ngón tay
 Trên bàn tay năm ngón
 Có ngón dài ngón ngắn
 Có ngón chỉ đường đi
 Có ngón tay đeo nhẫn
 Ngón tay tô môi

.

Ngón tay lái xe
 Ngón tay thử cốc xê
 Ngón tay cài khuy áo
 Em còn ngón tay nào
 Để giữ lấy tay anh ?

(*Năm ngón tay*)

Bài thơ «Năm ngón tay» đã gây một dư luận không tốt về

về thơ Nguyên Sa. Tuy rằng quan niệm ấy xuất xứ từ sự nông cạn hẹp hòi và thiếu tâm hồn nghệ thuật. Nhiều người lên án thơ Nguyên Sa như là hiện sinh bất chấp cả đạo lý. Thực ra thì Nguyên Sa chỉ có nhược điểm trong bài « Năm ngón tay » là ông sử dụng một vài hình ảnh kém mỹ quan. Tiếng « coóc xê » là một tỉ dụ. Ngôn ngữ ấy sẽ thiếu thi phong nếu đặt vào thơ và nó sẽ hạ giá một « Áo lụa Hà đông » nên bài thơ ấy tuy có ý mới và thật mới nhưng diễn đạt một cách thô thiển cho nên dễ trở thành tầm thường. Còn ngoài ra thì không thể lên án bất cứ một bài thơ nào của Nguyên Sa như là hiện sinh đạo lạc bởi vì cuộc đời như vậy, nhà thơ chỉ nói lên một sự thực như vậy, không che dấu thì còn gì giá trị của nghệ thuật vốn mang theo chân mỹ.

Khi thời đại đã ung thối đến xương tủy mà còn phủ lên nó bằng gấm vóc thì nhà thơ sẽ không còn gì để xứng đáng ở ngôi vị nhân chứng thời đại. Nhưng ngược lại, sự ung thối kia nói lên bằng thơ thì phải biết biểu lộ cái xấu qua cái nghĩa là tục mà thanh như thế mới gọi là đạt được giá trị cao của nghệ thuật. Không ai có thể hàm hồ cho Hồ xuân Hương tục tĩu vì cái tục kia đã được nhà thơ « thanh sắc » hóa. Còn nếu chỉ nói lên một cách trần trụi thì sẽ trở thành một thứ hiện thực thấp kém. Thơ Nguyên Sa mắc phải một vài nhược điểm như vậy.

Nếu bảo Nguyên Sa là hiện sinh bất chấp đạo lý thì thực ra Nguyên Sa không phải thế và không thể là một nhà thơ có khuynh hướng như vậy. Nếu có, thì Nguyên Sa chỉ là Nguyên Sa trong phần tư tưởng đã chịu ảnh hưởng một Marcel Gabriel, Gide, Camus, Perry qua lối diễn đạt rất gần Jaques Prévert. Còn nếu nói về sự phi đạo lý (amoral) hay không của thơ thì vấn đề lại khác và dài dòng lắm. Nhưng ai cũng nhận thấy một cách đơn giản, bản thể cao nhất của nghệ thuật lại

thường vượt trên đạo lý nên trong thơ đã hàm dưỡng những phi đạo lý. Từ phi đạo lý ở sáng tác để trở thành đạo lý khi kẻ khác nhìn vào và quán định nội dung của nó theo những tầm nhìn của mỗi người. Còn nếu bảo văn chương phải là « dĩ văn tải đạo » thì ai cũng dễ dàng đồng ý như vậy. Nhưng không phải « tải đạo » như tải củi. Một bài thơ không thể là bài kinh cầu hay bài luân lý giảng cho học trò.

Một nhà thơ giá trị có thể khởi xướng lên một đạo lý mới đạo lúc ấy được phát hiện có thể qua một hình ảnh thông thường một ngôn ngữ thông dụng hay có khi nằm ngay trong sự truy hoan, hành lạc.

Nguyễn Sa luôn luôn là một nhà thơ có khuôn dáng yêu đương thơ và mộng : Thơ ông đã thể hiện rõ tâm trạng thời đại của ông. Thơ ông cũng không phải và không thể hiện sinh kiểu Satre. Ông là nhà thơ của một dòng hiện sinh trong hiện hữu Nguyễn Sa im lìm mà khuấy động yêu đương trong rạn vỡ. Dòng hiện sinh ấy mang theo tình yêu như một tình cờ.

Tuy nhiên, Nguyễn Sa hơi có vẻ bốn cột với thi ca. Một sự bốn cột không phải thách đố, có lẽ do sự « tếu » để mua vui cho chính mình và thay đổi món ăn cho giác quan thơ. Bài Hịch là một thí dụ.

Ta truyền :

Đề cuộc nghênh đón ta được thêm phần trọng thể :

Những người con gái ngây thơ hãy trở về nhà đi ngủ sau khi đánh răng rửa mặt chải đầu, và đọc kinh cầu nguyện ban đêm. »

(Hịch)

Giá trị của nghệ thuật không cho phép nhà thơ đưa thi

ca đề đùa dỡn với cuộc đời với sự tầm thường qua những hình ảnh và ngôn ngữ tầm thường. Bài « Hịch » trên đây, Nguyên Sa như muốn tỏ lộ một phần nào những ý nghĩ của ông về sự sống cũng như thái độ cần phải có của một người tự hào mình có khả năng và rung động sáng suốt để nhìn hẳn vào đời, nhưng không thể nhìn sự thể ấy một cách bốn cọt nếu cần bốn cọt thì đã có thơ trào phúng.

Tuy có ý hay nhưng lại đặt vào những hình ảnh và ngôn từ quá tầm thường nên che lấp cả giá trị của thơ. Nguyên Sa vốn khởi phát từ một tâm hồn thật thơ, nhạy cảm.

Tuy thế, rất ít gặp trong thơ Nguyên Sa những nhược điểm trên trừ một vài bài (đan cử trên kia). Còn tổng quát, thì ông là một nhà thơ đạt được giá trị của nghệ thuật thơ.

Gần đây, chúng tôi tìm đọc được một bài « Xin lỗi quá khứ » của Nguyên Sa. Đọc xong, cảm giác đầu tiên là thích thú. Sự thích thú khi được nhìn ngắm một nhà thơ đã có sự nghiệp thơ — một thứ nhung gấm trên thiên đường Tình Ái thơ, bỗng dưng thoát thân đứng dậy phản tỉnh để nhìn ngắm thân thể mình đồng bào bạn hữu mình. Nguyên Sa viết :

*Bây giờ khẫu Garant ta mang trên vai
 Bây giờ khẫu trung liên Bar ta mang trên vai
 Ta mới biết rằng những thỏi sắt đó nặng như thế
 Ta mới biết rằng trong cuộc đời dậy học ta là một
 thẳng dốt nát*

*Trong mười mấy năm ta làm bao nhiêu tội lỗi
 Trong mười mấy năm ta không nói cho học trò ta biết
 Những thỏi sắt đó nặng như thế
 Ta không nói cho vợ con bạn bè đồng bào ta biết
 Anh em ta và quê hương ta*

Vác những thỏi sắt nặng như thế
 Lừ bao nhiêu năm nay

 Hãy tha thứ cho ta
 Những anh em đã chết
 Những anh em chết ở bờ ở bụi
 Những anh em chết ở đồn vắng chết trong rừng sâu
 Những anh em chết khi đi hành
 Những anh em chết khi phục kích
 Những anh em mặt đẹp như hoa
 Một ngàn lần hơn ta
 Cũng chết

 Những anh em đáng sống một ngàn lần hơn ta
 đã chết
 đang chết
 và còn chết
 hãy tha thứ cho ta.

(Trích Xin lỗi về những lần lần dĩ vãng).

Đây là một bài tiêu biểu cho giai đoạn thoát xác trong thơ Nguyên Sa. Nhưng cái chân dung trung thực của hồn thơ ông vẫn một Thơ Nguyên Sa, thơ tập này đã tái bản đến lần thứ ba và tâm hồn thơ lại có thêm tự nó đã mang thực chất của thơ trong một nội dung mới của cái lạ của hình thức qua cách cấu tạo thơ và ngôn ngữ Thơ. Ông lại đáng ngợi ca vì đã góp công không nhỏ vào sự hình thành thơ tự do. Nếu vắng một Nguyên Sa hôm nay diễn đàn thơ tự do đã bỏ lại một khoảng trống. Nếu thiếu một thơ Nguyên Sa, thi ca hôm nay sẽ mất đi nhiều những hương sắc tươi trẻ, sâu đậm.

CAO THỂ DUNG

(Trích trong Thi Ca và Thi Nhân
 sắp xuất bản)

Đỗ Long Vân

THƠ TRONG « CÔI NGƯỜI TA »

Cũng một chữ. Mà bao nhiêu người ngàn ấy nghĩa. Ai cũng có một tự điển riêng. Hẳn có một lần anh cũng như tôi đã tính làm một cuốn tự điển riêng cho mình. Và định nghĩa những chữ của mình là một cách tự định nghĩa. Nhưng đâu chỉ có nghĩa không thôi ! Còn tiếng thì thảo ấy nữa, không như một tiếng nào; và có một anh nghe thấy. Ai nói được tất cả những gì thấy trong một chữ ? Một chữ là một phần đời mà một đời có chẳng mấy chữ. Vẫn có chữ chẳng bao giờ anh biết mặt và chữ anh ghét và chữ anh yêu. Ấy cũng tùy màu trời. Như chữ « giới hạn » (1) thì sao giới làm cho tôi nghĩ đến cái chật trong tù ? Nó bảo tôi là một thể giới người mới dựng. Không hẳn là một thể giới có người ở. Một ngôi nhà chung giờ chỉ có thể là nơi của tất cả những hiểu lầm. Ai cũng biết rằng, để tránh những hiểu lầm ấy, có người đã nhận sống ngoài tất cả. Họ đòi ngôn ngữ làm một nơi tự đầy ải. Và thế, giờ gọi là thơ.

Thơ cũng là một cách dùng ngôn ngữ. Có ngôn ngữ mới có hiểu nhau. Nhưng sự thật ai chẳng biết ấy là một sự thật giờ mặt. Vừa là một môi trường ngôn ngữ vừa là một quăng cách.

Người và ta cách nhau một lời. Không nói thì không hiểu nhau. Nói là đòi ta ra ngôn ngữ. Chẳng của ta mà cũng chẳng của người thì ngôn ngữ chẳng là ai. Nó là cái « người ta » trong ấy cả người lẫn ta đều mất. Có hiểu nhau chẳng nữa thì như thế cũng chỉ là hiểu lầm. Càng nói thì cái lầm ấy càng to. Người và ta càng xa nhau. Và càng sâu, giữa người và ta, cái hố nguyên thủy mà ngôn ngữ vừa dấp vừa đào. Như thế thì nói làm gì ? Nói chỉ là nói dối. Là tự phản, là đeo mặt nạ, là đóng kịch, và đối thoại là một canh bạc bịp chỉ có người thua. Và thơ bắt đầu khi tất cả những chữ đều thừa.

Chưa có thơ. Mới có một con người thơ có một ý thức và một thái độ thơ. Nó từ chối cái địa ngục « người ta » của ngôn ngữ và, nhận quăng cách nguyên thủy giữa người và ta, nó lùi trong cô độc và yên lặng. Rồi thì ra sao thì ra. « Làm thế nào được », như Nguyên Sa nói, và nếu không thích, « *thì người ta không thích một mình* » (2). Nó đành chịu. Gì cũng chịu cũng là chẳng chịu gì. Và ngôn ngữ là cái nợ đời nó không trả. Cuộc đời là một vụ án trong ấy ai cũng muốn nói cho được. Nó là cái cho ta một lý sống trong cối người ta này. Là bảo ta cũng như người và, như người, ta cũng đáng sống. Yên lặng đòi con người thơ ra một kẻ sống thừa. Nó không có lý. Và cái tội sống của nó là cái tội đại toàn. Nó chịu thua án. Tại nó biết rằng tất những lý viện ra đều là những lý giả hiệu. Chịu thua không cãi, trong vụ án trá tác ấy; là cách độc nhất để kêu oan và đòi cái tội đại toàn ra ngày thơ tuyệt đối.

Ai muốn tin nó thì tin cả. Nó không có chứng và số ra, vô tội vạ, như đá và những cơn giông. Yên lặng của nó là bạo động. Là thách là rồi, là ăn vạ và gào lên rằng tôi như thế thì ai muốn làm gì thì làm. Một mất một còn, nó không biết điều và, như người

chơi bạc — nếu vẫn xuôi đẹp như một ván cờ — nó giao đời mình chờ lòng người sắp ngửa. Vẫn biết nó chỉ tự trói làm nạn nhân cho người để không ai làm gì được nó nữa và giữ vẹn tự do và cô độc. Nhưng khi nó cô độc nhất và kín như đá và xa anh nhất cũng có khi nó gần anh nhất và, chẳng giữ mình, để tất cả tùy anh. Nó chỉ yên lặng chờ. Và xin anh đừng hỏi. Sao cứ phải hỏi và trả lời? Ngôn ngữ làm xa nhau. Ấy là « *những đường tàu vướng víu như chữ tay* » trong ấy lạc những mặt người đi tìm nhau không thấy. Nó không nói để có lại thì tự nhiên anh lại.

« . . bằng một lối rẽ thật gần
bằng một lối gần hơn con đường cong
bằng một lối gần hơn con đường thẳng ».

Con đường gần nhất ấy, con đường mà Nguyên Sa không dám gọi tên như e không thể có, con đường sét đánh ấy là con đường của thơ. Và của tình yêu.

ĐỖ LONG VÂN

(Trích Tạp chí Đại Học số 2 tháng 4-1961- năm thứ 4)

(1) Giới hạn cũng là tập thơ đầu của Nhất Lê

(2) Thơ Nguyên Sa

Trần Tuấn Kiệt

LỜI THI SĨ GỢI CHO NÀNG THƠ

Viết tặng Nguyên Sa

Người đi mất hay vẫn còn đứng ngóng
Màu chiều bay cánh mỏng đậm băng đời
Người đứng lại giữa cây tàn bóng xế
Trần gian nào thả mặc địa cầu trôi

Trên bóng trắng cao hay lòng đất mát
Giữa đại dương ôm ấp mãi tình người
Bàn tay bỏ hay bàn tay buông bắt
Đậm tình xưa thần thoại đã lên ngôi

Hỡi thi sĩ của trần gian khô héo
Cỏ hoa kia sao chẳng thấy nô cười
Ngày biền biệt lơ thơ làn tóc nhỏ
Tự thuở nào em đã đứng bên tôi

Tôi hát khúc trần gian đầy ân ái
Em dạo cung hồ cầm đó ngày xưa
Cơn gió xuân xa, lưng trời thối lại
Mộng bình yên thôi đã mất bao giờ

Bước mãi miết trên cỏ đồi có môn
Làn hơi xanh môi má đã mơn hồng
Em ngồi đó bàn tay dài hoa lá
Chấn buổi chiều dùm em nhé, bão giông !

Người thi sĩ đã một ngày gặp gỡ
Thì ngàn năm bóng sáng vẫn chưa tan
Hỡi đôi mắt của nàng tôn nữ đó
Chớp nhanh chi hay ngại ánh xuân tàn

Em cứ bỏ về non sản dặm biển
Ta cứ xa vời xa thẳm hoài mong
Rồi phút chốc hút sâu ta hiện hiện
Cánh tay em thành một áng cầu vồng

Em hãy khóc để lệ vàng rơi rụng
Chuôi sâu mơn kết lại trái hoa đời
Mai trần thế phai mờ như chiếc bóng
Ta và em dựng lại chút Tình người.

TRẦN TUẤN KIỆT

SÁNG TÁC ● THƠ ● TRUYỆN

Một phần TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN SA

Trong những trang kế tiếp, chúng tôi xin được Trình Bày một vài bài thơ và văn xuôi của thi sĩ Nguyễn Sa.

Chúng tôi được tác giả và các nhà xuất bản Trình Bày và Gió cho phép trích đăng .

I.— Năm bài thơ trích trong cuốn THƠ NGUYỄN SA, do Gió ấn hành :

- 1) Áo lụa Hà Đông
- 2) Bao giờ
- 3) Paris có gì lạ không em
- 4) Năm ngón tay
- 5) Mời

II.— Bốn bài trích trong cuốn NHỮNG NĂM SÁU MƯƠI, do nhà Trình Bày sẽ ấn hành :

- 1) Tám phố Saigon
- 2) Dặn vợ sắp cưới
- 3) Đám tang Nguyễn Duy Diễm
- 4) Nhìn em nhìn quê hương nhìn thành phố.

III.— Bài TÌNH TRẠNG NHÀ VĂN VIỆT NAM NHỮNG NĂM NĂM MƯƠI SÁU MƯƠI trích trong tập biên khảo MỘT BÔNG HỒNG CHO VĂN NGHỆ của nhà xuất bản Trình Bày.

Chúng tôi chân thành gửi đến tác giả, quý anh Thế Nguyên nhà xuất bản Trình Bày và Dạ Nhiên, nhà xuất bản Gió, những lời cảm tạ chân thành.

VĂN HỌC .

ÁO LỤA HÀ ĐÔNG

Nắng Saigon anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng

Anh vẫn nhớ em ngồi đây, tóc ngắn
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vẽ chân dung
Bày vội vẽ vào trong hồn mở cửa

Gặp một bữa anh đã mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn
Thơ học trò anh chất lại thành non
Và đôi mắt ngất ngây thành chất rượu

Em không nói đã nghe lưng giai điệu
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh
Anh đã trông lên bằng đôi mắt chung tình
Vội tay trắng em vào thơ diễm tuyệt

Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng vì đâu
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau
Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại

Để anh giận mắt anh nhìn vụng dại
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời

Em đi rồi, sấm hồi chạy trên môi
Những ngày tháng trên vai buồn bỗng nặng
Em ở đâu, hồi mùa thu tóc ngắn
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng.

BÂY GIỜ

Lượn THÁI THUY

Thế kỷ chúng tôi chột buồn trong mắt
Dăm bảy nụ cười không đủ xóa ưu tư
Tay quờ quạng cầm tay vài tiếng hát
Lúc xòe ra chẳng có một âm thừa
Cửa địa ngục ở hai bên lồng ngực
Phải vác theo trăm tuổi đường dài
Nên có gửi cho ai vài giọng nói
Cũng nghe buồn đã diết chạy trên môi
Hai mắt rỗng phải che bằng khói thuốc
Chúng tôi nằm run sợ cả chiêm bao
Mỗi buổi sáng mặt trời làm sấm sét
Nên nhìn đêm mở cửa chẳng đi vào
Năm ngón tay có bốn mùa trái đất
Chúng tôi cầm rơi mất một mùa xuân
Cất tiếng đòi to. Tiếng đòi rơi rung
Những âm thanh làm se ở trong hồn
Chúng tôi chột ngắc đầu nhìn trước mặt
Trán mệnh mông va chạm cửa chân trời
Ngoảnh mặt lại đột nhiên thơ màu nhiệm
Tiếng hát buồn đè xuống nặng đôi vai.

PARIS CÓ GÌ LẠ KHÔNG EM ?

Paris có gì lạ không em ?
Mai anh về em có còn ngoan
Mùa xuân hoa lá vương đầy ngõ
Em có tìm anh trong cánh chim

Paris có gì lạ không em ?
Mai anh về giữa bến sông Seine
Anh về giữa một giòng sông trắng
Là áo sương mù hay áo em ?

Em có đứng ở bên bờ sông ?
Làm ơn che khuất nửa vầng trăng
Anh về có nương theo giòng nước
Anh sẽ tìm em trong bóng trăng

Anh sẽ thở trong hơi sương khuya
Mỗi lần tan một chút sương sa
Bao giờ sáng một trời sao sáng
Là mắt em nhìn trong gió đưa...

Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay
Tóc em anh sẽ gọi là mây
Ngày sau hai đứa mình xa cách
Anh vẫn được nhìn mây trắng bay...

Anh sẽ chép thơ trên thời gian
Lời thơ toàn những chuyện hờn ghen
Vì em hay một vầng trăng sáng
Đã đắm trong lòng cặp mắt em ?

Anh sẽ đàn những phim tơ trùng
Anh đàn mà chả có thanh âm

Chỉ nghe gió thoảng niềm thương nhớ
Để lúc xa vời dờ nhớ nhung...

Paris có gì lạ không em ?
Mai anh về mắt vẫn lán đen
Vẫn hỏi lòng mình là hương cốm
Chả biết tay ai làm lá sen ?...

MỜI

Tôi trân trọng mời em dự chuyến tàu linh ai,
Trong một phút, một giây cuộc hành trình sẽ mở. Tôi
mời em. Trân trọng mời em cùng đi, cùng khai mạc cuộc
đời.

Tôi mời em vứt bỏ lại đằng sau những kinh thanh buồn
bã với phong tục, thói lễ, bạc vàng giả dối : muốn làm
người yêu thì phải đô Tú Tài.

Tôi mời em đi ngay. Không cần lấy vé, Không phải đợi
chờ vì điều kiện du hành là những ngón tay lồng vào nhau
và tâm hồn đừng đơn chiếc.

Còn nếu cần thì tôi sẽ làm người bán vé. Nhưng tôi sẽ
không quên làm người đồng hành duy nhất để đưa em đi.
Và tôi sẽ làm người lái tàu để không ai được dự phần vào
câu chuyện đời ta.

Vé có thể là những lá thư xanh. Tàu là gian nhà rất nhỏ.
Nhưng mỗi ga chắc chắc sẽ là những chiếc hôn nồng cháy
cuộc đời.

Tôi mời em đi ngay. Em có thể đến đây với đôi giày gót cao
để tôi tưởng mình em vọc hạc. Nhưng nếu em vội vã thì
em cứ đi chân không. Tôi sẽ bọc mười đầu ngón chân với
tất cả linh hồn say đắm yêu em.

Em có thể tô môi son rất đỏ như khi đi dự một dạ yến tung bừng. Em có thể để phấn hồng trên má, trên áo màu những vòng kim tuyến kết hoa đăng.

Nhưng nếu vội vàng mà em để vành môi tái nhợt, mờ tóc bù tung. Thì có hại gì đâu em ? Cuộc hành trình sẽ khởi vào đêm khuya. Tôi không nhìn thấy má hồng non vì còn mãi mê với tất cả em tràn đầy trong đáy mắt.

Tôi cũng đi rất vội vàng. Hành lý chỉ mang theo một vòng tay để ôm em, đôi mắt say sưa để thì thầm nói chuyện và đôi môi để kết hoa đám cưới trên vùng trán dịu hiền.

Em đến ngay đi.

Để tất cả gò má em ấp trên bàn tay tôi xóa hết những đường chỉ tay gian khổ.

Em đến ngay đi.

Em đến ngay cho cuộc hành trình được mở.

Gió được nổi lên từ mờ tóc phiêu bồng, thuyền dong thả từ đường môi óng ả. Và ngực căng huồm, mắt trông tìm vội vã :

Tôi đi vào kiêu diễm của thân em.

NĂM NGÓN TAY

Năm ngón tay
Trên bàn tay năm ngón
Có ngón dài, ngón ngắn
Có ngón chỉ đường đi
Có ngón tay đeo nhẫn
Ngón tay tô môi
Ngón tay đánh phấn

Ngón tay chải đầu
Ngón tay đếm tiền
Ngón tay lái xe
Ngón tay thử coóc-sê
Ngón tay cài khuy áo...
Em còn ngón tay nào
Để giữ lấy anh ?

TÁM PHỐ SAIGON

Sàigòn đi rất chậm buổi chiều
Cánh tay tà áo sát vòng eo
Có nghe đôi mắt vòng quanh áo
Năm ngón thơ buồn đứng ngó theo

Saigon phóng solex rất nhanh
Đôi tay hoàng yến ngủ trong gants
Có nghe hơi thở cài vương miện
Lên tóc đen mềm nhưng rất nhưng

Sàigon ngồi thư viện rất nghiêm
Tờ hoa trong sách cũng nằm im
Đầu thư và cuối cùng trang giấy
Những chữ y dài trông rất ngoan

Sàigòn tối đi học một mình
Cột đèn theo gót bóng lung linh
Mặt trắng theo ánh đèn trắng sáng
Đôi mắt trông vờ theo ánh trắng

Sàigòn cười đôi môi rất tròn
Vòng cung màu đỏ, nét thu cong :

Cầu vồng bắc giữa mưa và nắng
Hay đã đưa dần sang nhớ mong
Sàigòn gói đầu trên cánh tay
Những năm mười sáu mắt nhìn mây
Chiếc tay tròn ánh trăng mười bốn
Tiếng nhạc đang về đang cánh bay
Sàigòn nắng hay Sàigòn mưa
Thứ bảy Sàigòn đi Bonard
Guốc cao gót nhỏ mây vào gót
Áo lụa trắng mềm bay xuống thơ
Sàigòn mai gọi nhau bằng cưng
Vành môi nghiêng cánh xuống phân vân
Lưng trời không có bầy chim én
Thành phố đi về cũng đã xuân.

ĐÁM TANG NGUYỄN-DUY-DIỄN

Diễn đã chết, Diễn đã chết
Chúng tôi nhẩy múa hò reo
Như những người da đen
Chúng tôi nhẩy múa hò reo
Thế là nó thoát, thế là nó thoát
Thế là nó thoát, đúng rồi, thế là nó thoát
Thoát khỏi ngủ, thoát khỏi ăn, khỏi thở
Khỏi đêm, khỏi ngày, khỏi tháng, khỏi năm
Khỏi chờ, khỏi đợi
Khỏi nhìn tình ái đội nón ra đi
Khỏi hy vọng ban mai, khỏi buồn thiu buổi tối

Thế là nó thoát, thế là nó thoát
Khỏi phải đi, khỏi phải đứng, khỏi phải ngồi
Khỏi bốn mươi giờ dạy học mỗi tuần
Khỏi viết ban đêm, khỏi đến nhà in buổi sáng
Hào quang danh vọng thả trôi sông, này nhìn
vai nó nhẹ

Chiếc lưới mở rồi, thế là nó thoát anh em ơi.

Chiếc lưới mở rồi, thế là nó thoát
Khỏi phải nhìn, khỏi phải nghe, khỏi phải thấy
Những sự dơ bẩn và mặt,
Và mặt
Những thằng ghen tuông, những thằng chụp mũ
Những thằng ăn không nói có
Đã chém tổ quốc nát bằm hai vai.

Thế là nó thoát, thế là nó thoát
Cuồng lưu dẫn vật đã trôi đi
Khỏi phải nghĩ, khỏi lo âu, sợ hãi
Sự thật có phải bao giờ cũng tối như đêm
Tình ái có phải suốt đời là canh bạc lận
Lịch sử, rút lại, có phải là thằng mù sờ soạng
Ném tất cả rồi, ném xuống biển sâu
Này nhìn hai vai nó nhẹ
Chiếc lưới đã mở rồi
Thế là nó thoát anh em ơi...

DẶN VỢ SẮP CƯỚI

Khi nào lấy ta, mang theo cái cưa
Nhớ con dao phay, nhớ cái dùi to

Cất vào trong rương cùng gương cùng lược
Cất vào trong áo cùng nhạc cùng thơ

Cửa để cửa chân chờ để làm gì
Chân bị cửa rồi ta chẳng còn đi
Mặc kệ những ngôi làng bốc cháy
Mặc kệ đứa bé tìm không thấy cha

Tay chặt cụt rồi ném xuống biển sâu
Ném xuống suối cạn, ném lên núi cao
Mặc cho nó viết những lời thổng khổ
Cho dã tràng nghe cho run dể đau

Dùi chọc thủng mắt muốn cho sạch tròng
Sạch những tiếng kêu cùng núi cùng sông
Sạch những hình ảnh chết bờ chết bụi
Còn con dao phay em có nhớ không ?

Còn lại bộ óc khi mang bầm viên
Nếu chợt nhớ đến khnôn mặt quê hương
Em sẽ tìm thấy khuôn mặt tình ái
Em sẽ tìm thấy còn ta nằm im

NGUYỄN SA

Nguyễn Sa

Tình cảnh nhà văn Việt Nam những năm năm mươi và sáu mươi

Mỗi nhà văn sống, nghĩ, viết trong một hoàn cảnh riêng biệt, đúng rồi. Làm thế nào giống nhau được? Điều kiện sinh lý này chẳng hạn đã biến đổi theo mỗi cá nhân: nhà văn đó cao như con sào, nhà thơ kia lùn như cây nấm, tôi mập và bụng to, Nguyễn Văn Trung cận thị, Chu Tử què chân, Trần Dạ Từ mắt rỗ. Tình trạng hộ tịch khác nhau rõ quá: Tiểu thuyết gia Bình Nguyên Lộc và thi sĩ Hoàng Anh Tuấn là những chủ gia đình có con trai, người trên con trai, gái lớn đã dựng vợ gả chồng đã có cháu bé. Nhà văn kia đã hai lần đưa đám vợ. Thanh Nam, Thái Thủy (1) là những ông già độc thân nuôi dưỡng sự độc thân thường trực bằng những giọng hát Hồng Hảo, Lệ Thanh, Bích Sơn hay Bạch Tuyết. Khác nhau xa chứ. Giống nhau làm sao được. Những điểm dị biệt, những điều kiện, yếu tố cụ thể khác nhau của mỗi người cầm bút, muốn kể thêm không khó. Nhiều lắm. Cây bút đã vững kia là một tay khoa bảng xuất thân, tài năng đang lên họ bỏ học năm đệ tam trung học, khuôn mặt này đã hơn một lần thiếu quê hương, đôi chân thêm đi kia chưa bao giờ ra khỏi đất nước. Các anh đều biết có tay đến với văn nghệ

(1) Đã lấy vợ gần đây.

nhờ sự tình cờ, không biết may mắn hay bi đát, lắm kẻ, trước khi làm quen với phương trình bậc hai, gia tốc của vật rơi, đã chọn thi ca làm nghiệp dĩ. Các anh đều biết, để sống mỗi nhà văn thường có nghề tay trái khác nhau. Một số đáng kể : dạy học hay viết báo hằng ngày. Vũ Hoàng Chương, Thế Viên, Đỗ Long Vân dạy học đấy. Duyên Anh, Tú Kieu, Nguyễn Thụy Long, ký giả đấy. Phục vụ trong quân ngũ cũng nhiều : Văn Quang, Thế Nguyên, Thảo Trường... Bác sĩ y khoa công chức, biên tập viên đài phát thanh, có đủ cả. Chẳng phải kể, các anh cũng biết là ai. Chẳng cần nói thêm các anh đều biết là sự khác nhau còn nhiều lắm. Lý do cũng dễ hiểu quá : cuộc đời nó như thế. Chẳng có cuộc đời nào giống cuộc đời khác như hai giọt nước, như hai sản phẩm của cùng một máy tự động sản xuất giầy chuyên. Nhưng đó có phải là những hoang đảo cô lập ? Hoàn toàn không có liên lạc gì với nhau, đúng không ? Tuyệt đối khác biệt à ? Điều kiện sinh hoạt, tâm lý và sinh lý, giáo dục cũng như nghề nghiệp, gia đình, biến đổi tùy theo mỗi nhà văn sự thực này chẳng ai đại đột phủ nhận trừ phi muốn mở ra một cuộc thảo luận chơi. Nhưng cũng chẳng ai đại đột mà xác nhận rằng con người nói chung, nhà văn nói riêng chẳng có điều tương đồng nào cả. Dĩ biệt có. Tương đồng cũng có chứ. Cái tương đồng này làm cho *người* chẳng phải là chó, mèo, khỉ. Cái tương đồng kia làm cho *người Việt Nam* khác với con cháu nữ thần Thái Dương, với dân tộc xây tượng thần tự do trên một vùng đất mới. Cái tương đồng làm cho nhà văn là nhà văn. Chúng ta vẫn khác nhau, đúng rồi. Giống nhau thế nào được ? Giống làm gì ? Không thể đồng nhất hóa được, đồng ý, đồng ý. Khác nhau có, Và có. Nhưng cũng có một hoàn cảnh chung. Một cái tương đồng. Một *dấu chấm* nào đó trên trán, một *dấu ấn* trên vai người nô lệ nào đó, nhờ đó phân biệt được *nhà văn Việt Nam* những

năm Năm Mươi, Sáu Mươi với nhà văn chỗ khác thời khác. Với nhà văn tiền chiến. Với Nam Phong và Tự Lực. Với « thể hệ lạc lõng » và nhóm « tiểu thuyết mới ». Với Hemingway, Camus và với tác giả bài « Situations de l'écrivain en 1947 » (2).



Những cái tương đồng chung, không kể làm gì. Có lý trí, phải chết. Có xương sống, đẻ con. Hoặc : da vàng, mũi tẹt, tóc đen, con cháu Lạc Hồng, kinh tế nông nghiệp... Hoặc sát hơn nữa : đất nước chia đôi, nước chậm tiến, chiến tranh tàn phá, nội bộ rối loạn... Những cái tương đồng đó không kể làm gì. Lô yếu tố thứ nhất mới là cái « dấu chàm » của con người. Lô yếu tố thứ nhì : người Việt Nam nói chung. Người Việt Nam ở đây, bây giờ được phác họa bởi lô yếu tố thứ ba. Chưa phải là nhà văn Việt Nam những năm Năm mươi, Sáu mươi. Nó có những nét ấy. Có chứ. Nhưng những nét ấy chưa đủ. Tổng quát tính của chúng làm cho chúng mơ hồ.

Cũng không kể đến một lô yếu tố khác chỉ liên hệ đến nhà văn Việt Nam ở đây, bây giờ vì phụ thuộc. Chẳng hạn như điều kiện *giải trí và nơi sinh hoạt*. Không có những *salons littéraires* như nhà Pháp, thế kỷ thứ XIX. Không ngồi viết ở quán *café* như các nhà văn Ba Lê. Không có những cuộc du lịch kỳ thú, những cuộc phiêu lưu nầy lửa như các nhà văn Mỹ khi tham gia cuộc nội chiến hoặc cuộc đấu bò rừng ở Tây Ban Nha, khi săn thú ở Phi Châu, khi kết hôn với minh tinh màn bạc. Cũng không hát a đào như thế hệ Nguyễn công Trứ, thế hệ Tản Đà. Á phiện cũng chẳng có bao nhiêu. Vài người hút nhưng lại bỏ. Bởi thế những tay thích làm văn học sử biết nghề, biết quan tâm đến mối tương quan đúng mức giữa cái sống và cái viết, sẽ nhận thấy một cách dễ dàng, trong tác phẩm cũng như trong cuộc đời của những người cầm bút những năm Năm mươi và Sáu mươi sự đòi tay của môi

trường sinh hoạt. Đôi cánh của nàng tiên nâu đã bay mất. Hay đúng hơn : chưa bao giờ xuất hiện trong thơ của Từ, Nhã, Ca, Uyên, Tuấn hay Thúy. Những cuộc phiêu lưu không diễn ra trên núi tuyết Kilimanjaro mà vẫn giới hạn trong thành phố. Vũ trường và vũ nữ đến thay thế những ngôi nhà có tiếng phách tiếng sênh trong cái sống và cái viết. Mưỡu và hát nói nhường chỗ cho "giọng hát *Bích Chiêu*". Rõ lắm. Rõ lắm. Nơi sinh hoạt, điều kiện giải trí của nhà văn thế hệ 54 — 66 không giống thế kỷ 19, tiền chiến Âu châu, hay Mỹ châu. Nhưng chúng ta không thể kể đến những điểm tương đồng đó. Không dừng lại ở đó. Thị trấn nhỏ bé của cuộc đời văn nghệ này có những nét quyến rũ, kỳ thú mà một cây viết tài hoa có thể sẽ tạo ra những bức tranh tuyệt diệu, ta phải nhắm mắt nhảy qua để đi thẳng đến trọng tâm của vấn đề. Điều kiện chung này và những hoàn cảnh chung khác vắt sang một bên. Không chối cãi về tầm quan trọng và vẻ đẹp, nhưng không thể dừng lại lâu hơn được vì phải nói đến ngay cái *hoàn cảnh căn bản*.

Tôi nói về sự cô đơn. Thế đấy, hoàn cảnh chung của nhà văn thế hệ Năm Mươi Sáu Mươi này là sự cô đơn đấy. Nó làm ta khác tiền chiến, khác Tự Lực, Nam Phong. Khác các nhà văn hiện sinh, khác những người lãnh giải Nobel, Goncourt thay Pulitzer dù họ sống trên « sông Don trầm lặng », thắc mắc về « những bàn tay trần », sống trong tâm trạng « người lạ mặt » hay chán chường « già từ vũ khí ». Sự cô đơn đứng trước mặt, sau lưng dưới chân, trên đầu, trong chiếu nằm, trên bàn viết. Đe dọa và tàn phá, làm tê liệt và tan nát. Cào xé rách da, rách thịt. Đừng tưởng nhằm đến triết lý. Tôi không bàn đến niềm cô đơn trừu tượng của các triết gia chuyên nghiệp. Cái này không phải là một sản phẩm thuần lý, tiên nghiệm. Cái này chạy trong máu, nhảy

múa trong mắt, trên tay, đi lại trong phở nang, sinh sản trong tế bào. Nhìn thấy không ?

Trước hết, đó là *sự cô đơn của thể hệ không có đàn anh*. Cái anh kia sẽ cười khoái trá : đúng rồi tâm hồn này là một tâm hồn yếu đuối. Còn gì nữa, kháng định của nó phản ánh rõ rệt sự than tiếc, không có nơi nương tựa, không có người hướng dẫn, không có người ra lệnh, cầm chịch. Đừng nghĩ thế. Đừng cho rằng sự xác định « nỗi cô đơn của một thế hệ không có đàn anh » nói lên niềm khát khao thần tượng đề phục tòng, hay bằng ngôn ngữ phân tâm, sự xác định đó phản ánh một mặc cảm, một *khuyh hướng thích bị đô hộ một masochisme văn nghệ*. Tôi đã đùa với triết học khá lâu để biết nhận diện những cái đó. Tôi vẫn nói là, trong văn nghệ, không ai thực sự giúp đỡ ai được cả. Chỉ có tác giả một mình trước tờ giấy trắng như lão ngư ông và biển cả, tay đấu bò và con bò uy quyền, bằng hữu và gia đình, đàn anh và đàn em chẳng thế nào võ trang cánh tay nhà văn để biên tập giấy trắng thành tác phẩm lớn. Chỉ có nó và nó. Tôi vẫn nghĩ là người viết xứng danh có thể gia nhập hay không gia nhập vào một nhóm, một phái nào đó. Vào hay không vào chẳng quan hệ gì. Điều quan hệ là vào hay không vào bao giờ trong ý thức của nó cũng phải có thường trực tiếng nói đồng dục, tiếng nói rất hách : Trường phái bè nhóm đều vô nghĩa. Mưu cơ, đòn phép, vô nghĩa. Những khen tặng đề cao có kế hoạch là những hào quang giả và xưng tụng lẫn nhau chỉ lờ được những tâm hồn ấu trĩ. Bao vây và xuyên tạc, đe dọa và chụp mũ dù tinh vi đến đâu dù hủy diệt được thân thể, hãm hại được chính ta, chẳng làm sút mẻ được tác phẩm ta. Hãy nghe lời đề cao bằng một tai thôi. Hãy nhìn sự lãng mạn bằng cặp mắt khoan dung. Tất cả đều ở *phía dưới*. Cái trên chẳng dựng đứng

được tác phẩm, cái dưới không vật nó ngã được. Tinh thần độc lập, nổi cô đơn khi sáng tác, tôi nghĩ rằng đã có, đang có và có mãi trong tâm hồn người làm văn nghệ thật.

Và tôi nói : *Chúng ta là một thể hệ không có đàn anh không phải đề kêu gọi nơi nương tựa mà đề bày rõ một thực tại chi phối cuộc đời văn nghệ từ mười mấy năm nay, vạch rõ một vế tính của thể hệ Năm Mươi, Sáu Mươi.*

«Không có đàn anh» không phải là *nihilisme* văn nghệ. không phải là đập đổ hết. Những dao to búa lớn «trước ta không có ai» những *nihilisme* văn nghệ chỉ là những bộ mặt cũ như trái đất mà tâm lý học gọi là trạng thái tự kỷ trung tâm, tôi gọi là sự hoảng hốt của đam mê khởi đầu. Vấn đề không phải thế. Nó khác. Vấn đề là, trong *trạng thái bình thường*, người bắt đầu bước vào thế giới văn nghệ, cuộc phiêu lưu dài, mệt và đáng bao giờ cũng gặp ngay một dãy núi lớn cản đường. Đàn anh đấy. Nó đi trước ta một giáp, một chiến tranh, một cuộc nội loạn một cuộc khủng hoảng kinh tế. Làm thế nào vượt qua ? Bằng cách tiếp tục đào sâu hay làm khác đi, đi ngược lại. Tiếp tục hay chống đối đều nói lên sự có mặt của dãy núi. Những Xuân Diệu. Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, ngàng đầu lên thấy những Tản Đà. Tản Đà sáng chói trong cơn say đứng đấy, trước mặt. Dãy núi của những Sartre. Camus tên là Gide. Proust và những Michel Butor, Nathalie Sarraute không thể quên sự có mặt của Sartre, S. de Beauvoir. Sự có mặt của thể hệ đàn anh, bình thường là một nghiệp dĩ, cản phần hay hoàn cảnh văn nghệ, khó chịu lắm. Nó làm cho người bắt đầu làm văn nghệ có cái ý thức bị nhìn ngắm. Sartre triết lý không quên được những Alain, Bergson, Heidegger. Sartre kịch, Sartre tiểu thuyết không quên được Gide, Giraudoux. Bước chân vào thế giới văn học nghệ thuật khi còn những tạp chí Đông Dương và Nam Phong, tay biên khảo này chẳng thể quên

được rằng nó sẽ được đọc bởi những Phan Kế Bính, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim. Đẳng thời khi cuộc đệ nhị thế chiến đang khai diễn, tay làm thơ biết rằng nó sẽ được đọc bởi « con chim đến từ núi lạ », bởi những linh hồn mà « sâu đã chín ». Và tay tùy bút sẽ bị nhìn bởi nụ cười khinh bạc của họ Nguyễn, tay phóng sự gặp ngay tác giả *Số Đỏ*. Đi vào thế giới văn nghệ bình thường bao giờ cũng có các tay đàn anh đang sống, sinh hoạt, còn sinh hoạt, tiếp tục sáng tác, ta chẳng thể quên được sự hiện diện của họ. Họ nhìn ta đi vào thế-giới-còn-đang-của-ho khởi đầu một cuộc thay thế. Và ta biết rằng bị nhìn. Bị nhìn và ý thức được là bị nhìn ngấm, bước đi của ta sẽ đổi khác, diện mạo của ta sẽ đổi khác thái độ của ta sẽ đổi khác. Trông người đàn bà thì biết. Biết là bị nhìn ngấm, nó điều hơn nhiều. Đề cho cái dưng hiển quý giá hơn hay đề cho sự chinh phục tinh vi hơn, không biết. Nhưng chắc chắn sẽ đổi khác. Một người kịch cớm sẽ nói : sao kém thế. Nhìn, mặc kệ. Không cần biết đến sự có mặt của bọn đàn anh. Thái độ cố ý không quan tâm đến cặp mắt theo dõi của tha nhân, càng nói lên sự có mặt nặng nề của tha nhân. Càng phủ nhận, họ càng có mặt. Càng quên đi, họ càng hiện ra rõ rệt. Sự gia nhập vào thế giới văn nghệ bình thường nó như thế đấy. Và chúng ta không ở trong tình trạng bình thường đó.

Chúng ta bước vào một ngôi nhà trống rỗng, một khu vườn bỏ hoang, một vũ trụ không người, chẳng có ai trước mặt thật. Chúng ta rút ra mỗi đứa một cây gậy và múa loạn lên. Chúng ta khen tặng và sỉ vả lẫn nhau. Đến một lúc, ta sỉ vả cả những người đi trước, lớp đàn anh sát nút. Không thấy ai trả lời, khoái quá Nhưng niềm khoái trá tan đi làm tấm màn chủ quan rơi xuống để lộ rõ ngôi nhà trống rỗng, khu vườn hoang vắng. Bọn họ đâu cả rồi ? Câu trả lời tìm thấy không khó. Chiến tranh hai mươi năm, đất nước chia đôi là thực tại đứng đó, sờ mó

thấy. Cũng như đồng bào ta, nhà văn lớp trước đã gánh trên vai những trái đen của thần Mars. Chiến tranh đã trờ ra trăm cánh tay móng nhọn trăm đầu miệng rộng răng to để cướp mất người này bằng vũ khí, xóa mất người kia bằng hàm răng chính trị. Người bị thủ tiêu, Khái Hưng đấy. Người phiêu bạt rừng núi, ở quê người chẳng về, đứng lại tê liệt ở bên kia vĩ tuyến, lặng lẽ rút khỏi thế giới văn nghệ hoặc khoác lên vai chiếc áo chính ủy như những tác giả *lửa thiêng*, *vang bóng một thời*, *gửi hương cho gió*. Mất cả, mất cả. Ở quanh ta còn một vài ngôi sao. Có chứ. Đông Hồ, Vi Huyền Đắc, Trần Tuấn Khải. Gần ta hơn: Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng. Nhưng giòng Ngân Hà đã bị phân hóa, trái núi đã vỡ tung vì chất nổ ghê gớm. Những ngôi sao ấy trở thành lẻ loi. *Những đàn anh còn đây không đủ để kết hợp thành một thể hệ, một lớp người có một sinh hoạt văn nghệ thuần nhất để những kẻ đến sau đạt thành đối tượng tranh thủ, chống đối hoặc gia nhập.* Đúng thế, có những đàn anh còn đấy; nhưng gần như đã rút khỏi cuộc sinh hoạt văn nghệ thường trực. Thỉnh thoảng khuôn mặt đáng yêu của Đông Hồ, Trần Tuấn Khải .. xuất hiện trong 1 số báo Xuân, trong một cuộc phỏng vấn, đề nhắc lại dĩ vãng, nghĩa là đề nói lên sự rút khỏi cuộc sống văn nghệ cháy nóng. Họ đã thật sự rút khỏi văn nghệ. Tác phẩm lớn của họ đã làm xong và họ đã trở thành khách lạ. Những đàn anh gần ta hơn có người còn viết khỏe. Nhưng không có một lớp người để ta phải ngẩng đầu nhìn lên phản kháng hay dơ tay xin nhập hội. Trái lại, có sự gia nhập miễn cưỡng hay ngược chiều. Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng đăng thơ ở các tạp chí của bọn nhi đồng đại loại như *Hiện Đại*, *Văn Học*. Giòng sông không một mối Nhất Linh làm báo làm chí với những nhi đồng khác. Những kẻ ghét tôi và yêu tôi đừng bận tâm về hai tiếng nhi đồng. Các anh hãy tưởng tượng tác giả *Đoạn Tuyệt* đứng giữa bìa báo bao bọc bởi những

Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Xuân Diệu, Huy Cận, Hồ Dzếnh, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Nguyễn Tuân thì khuôn mặt văn nghệ năm Năm Mươi, Sáu Mươi sẽ khác đi không biết thế nào. Các anh thử nghĩ đi.

Nghĩ về chính mình, tôi còn nhớ một buổi sáng đẹp trời nhìn Đông nhìn Tây không thấy các tay biên khảo họ Đặng, họ Đào, họ Trần đâu cả. Khoái quá tôi ném vào thế giới văn học nghệ thuật mấy bài khảo cứu. Sau đó nhìn Nam nhìn Bắc không thấy tác giả *«Gửi hương cho gió»*, *«Lửa thiêng»*, khoái hơn tôi chia ra vài bài thơ. Văn xuôi và văn vần được đăng ngay vào chỗ tốt của những tờ báo văn nghệ được coi là tốt. Thế là hào quang bay lượn trên đầu. Bây giờ nghĩ lại thấy không được. Anh này đừng nói với tôi rằng làm gì mà mất tự tin đến thế. Anh kia đừng hoài nghi nó đang chơi cái cử tự sỉ nhục để ra cái điều khiêm tốn.. Tôi chỉ muốn các anh cùng nhìn vào khoảng đất trống vắng, nhìn vào niềm cô đơn đã bao vây chúng ta bao nhiêu năm. Chúng ta bước vào ngôi nhà trống rỗng, mảnh đất hoang vu và cảm lên đó ngọn cờ nguyên thủy vẽ lên đó phù hiệu đế vương. Vài bóng người còn lại lẻ loi chẳng nói năng gì. Họ im lặng niềm đau của chết chóc, tan hoang. Bốn phía toàn những tay cùng lứa tuổi với ta. Hợp thành một bọn xâm chiếm đất đai. Chúng ta công nhận lẫn nhau, phân chia với nhau. Rồi thời gian và tập quán, sức mạnh của số đông, hợp lực với thời cơ kỳ lạ làm thành luật pháp. Các người trẻ tuổi hơn chúng ta chỉ còn nhìn thấy chúng ta. Khoái lắm, khoái lắm. Nhưng cơn khoái này thời gian dựng lên, cũng do thời gian xóa bỏ. Bối cảnh xụp đổ, trong nội tâm mỗi đứa, như những thành phố dựng bằng bia trong phim trường. Hòn đá ném đi không có hòn ném lại. Cũng chẳng có tiếng vang động nào. Phát súng bắn không có mục tiêu. Sự chiếm đóng không có sức kháng cự vì thành phố bỏ ngõ.

Tôi đã nhìn thấy sự trống rỗng ấy rất sớm. Nhà văn đến sau chống lại kẻ đến trước. Thường lắm. Chỉ có một con đường ấy : tiếp tục làm khác hay chống lại. Tượng trưng chống lãng mạn cũng như lãng mạn chống cổ điển. Victor Hugo không chấp nhận luật vàng gọi là ba đơn vị đã làm nghiêng ngửa Corneille, Verlaine, Rimbaud, Gautier, đập đập ngăn giòng nước mắt Lamartine, Hugo hay Musset. Dễ hiểu lắm. Nhóm « tiểu thuyết mới » bây giờ nói không với nền văn nghệ triết học của những Sartre, Camus. Dấu hiệu của sự sinh hoạt văn nghệ sống thật bắt đầu bằng tiếng không đó. Tất nhiên tiếng không phải kèm theo « tác phẩm đây này », « đời mới đây này » chớ không phải là niềm khao khát bất lực, sự huênh hoang vô lối của các tay nhẩy vào văn nghệ vì sành rượu, vì biết tạo ra một cái vẻ kịch nửa lâm li, nửa khinh bạc, vì biết « sinh hoạt » với anh em, biết kín kín hở hở ra cái điều có một hậu thuẫn hành động, ra cái điều có một lý tưởng ghê gớm còn bí mật chưa nói ra được.

Chống lại, tốt lắm. Và chúng ta chống lại, anh chống lại tôi chống lại. Còn nhớ trong một tuần báo do Thái Thủy chủ trương tôi nói về địa vị của Tự lực Văn Đoàn. Tôi đã viết đại khái là nhóm này đang chiếm một địa vị lớn hơn cái chỗ ngồi mà nó đáng có trong văn học cũng như trong tâm hồn thanh niên vì chương trình giáo dục trung học đã đặt nó vào chỗ chính thức. Cái bài ấy viết xong đăng lên , thích thú lắm. Lần khác. Trên tờ báo khác, tôi viết về thơ tự do. Cũng khoái lắm. Nhưng niềm thích thú con khoái tan đi, nổi đau khổ mà động lực là sự cô đơn, kể tiếp càng to lớn gấp bội. Tôi chợt nhận thấy những ném lại. Trống vắng và lặng im. Sà mạc và chết chóc. Chỉ có tiếng gậy cọ sát với không khí, không có sự va chạm với vật cứng khác gọi là bình khí. Không thấy Nhất Linh nói gì cả. Không thấy Vũ hoàng Chương, Đinh Hùng nói gì cả. Đinh Hùng, tôi có nghe một lần. Anh nói. Nói nhưng không viết lên cái nói. Lần ấy cách đây khoảng tám năm hình như ở nhà

Thanh Nam khi còn ở Bàn cờ, văn và không văn của thơ được tác giả *Đường vào tình sử* đặt vào giữa hai hộp rượu. Nhưng không có viết lên. Không có thảo luận, không có bút chiến. Sự lặng im đồng nhất của các tác giả *Bướm Trắng* và *Đường vào tình sử* này thoát đầu, với tôi, mở ra nghi vấn : có phải đây là các tay văn phiệt, thi phiệt. Tôi không biết lời kết án của họ Phan với họ Phạm có đúng không nhưng ngay sau khi nêu câu hỏi tôi biết là tôi lầm. Dãy núi lớn tan tác sau cơn địa chấn kinh hoàng và bây giờ những trái núi lẻ loi còn lại chẳng còn muốn nói gì. Nghĩa là, như đã viết, những đàn anh lớp trước còn lại đây một người, kia một người nhưng *không hợp thành một lớp người* đề đòi hỏi chúng tôi phải tận lực chống, vượt qua hay xin gia nhập. Những phản ứng chống đối đề nói lên ý muốn làm mới nghệ thuật rơi vào khoảng không. Thản thoảng có một người xưng là bạn Nguyễn Tuân, nhận là đã được Thế Lữ đề tựa cất tiếng lên, sĩ vũ chúng tôi nhưng chúng tôi nhìn thấy ngay đó chỉ là những vệ tinh châu rìa của những giòng ngân hà tiền chiến. Ủy nhiệm thư của họ là ủy nhiệm thư giả. Và lời sĩ vũ chẳng làm kích động mà chỉ làm tôi thêm chán chường, làm tôi càng nhận thấy sự im lặng to lớn, sự vắng mặt chết chóc của lớp đàn anh. Đạn bắn đi nhằm những mục tiêu vu vơ, gây múa trong khoảng không. Thế hệ chúng tôi đấy. Nỗi cô độc ấy tiền chiến không gặp, «nhóm tiểu thuyết mới» không gặp, «thế hệ lạc lõng» không gặp. Những năm đầu tiên thấy lợi quá. Bước vào một thế giới trống rỗng, đàn anh tan tác cả, chiếm được thắng lợi dễ dàng cho nên tự tin, lạc quan ghê lắm. Thơ văn viết ra nổi ngay, khoái lắm. Thắng lợi thâu hoạt được có thể trở thành bàn đạp đẩy mạnh trăm nghìn khai phá mới.

Rồi vốn liếng ấy nhân lên, nghĩ mà ham. Nhưng thời gian cho thấy rằng phải cố gắng lắm mới giữ được ngọn lửa lạc quan không tắt ngấm trong cơn gió chán nản thổi đến từ xứ sở

cô đơn. Chạy đua toàn với những người thấp bé hơn ta, ta dễ thấy mình chạy mau quá. Vừa leo lên ngọn đồi thấp đã thấy mình cao nhất. Do đó, hãnh tiến và ngủ quên. Móng vuốt của cô độc như thế đấy. Không có ai để đối thoại, để phản kháng, để chống lại, để vượt lên. Chúng tôi chạy một mình leo một mình chẳng có ai đằng trước mặt để tranh thủ. Móng vuốt của cô độc các anh đã nhìn thấy chưa ? Cuộc sinh hoạt văn nghệ của chúng tôi là phải đối thoại với chính mình, tranh đua với bản thân. Chúng tôi phải nhìn cây cỏ bốn phía để trả lời câu hỏi : đã chạy đủ mau chưa ? Phải nhìn mây trên đầu, núi trước mặt để xét xem leo đủ cao chưa ? Không có ai chạy trước mặt để tôi căn đo tốc độ, liệu đường nước rút. Không có nhà thám hiểm nào đang cắm ngọn cờ ở núi non chung quanh để tôi nhìn thấy rằng ngọn núi của tôi chỉ là một đụn cát, một ngọn đồi thấp bé. Chúng tôi đã tìm ra được những miếng võ ghê gớm hay chỉ múa may hỗn loạn ? Chúng tôi đã có những đường gậy của một môn phái xứng danh hay chỉ đủ sức hạ được những con giun, con kiến ? Chúng tôi là một thế hệ hách hay chỉ là con dấu đen nghèo nàn trong lịch sử văn nghệ. Chúng tôi ra làm sao ? Vấn đề không phải thành bại, được thua, nhưng là sự cấu xé, dằn vặt của những móng vuốt cô đơn ấy. Chúng tôi muốn nói to lên : các người đi trước kia hãy khen hay chê chúng tôi. Khen cũng được chê cũng được. Nhưng không có khen, không có chê, chỉ có sự im lặng của cô đơn. Còn sự xung tụng và lẳng mạ ? Có chứ. Trong thế giới khép kín của thế hệ chúng tôi, chúng tôi cũng ca tụng lẫn nhau sỉ vả lẫn nhau. Chửi bới những thằng không hấp nhân, ca ngợi anh em. Hơn nữa, thế kỷ này đã luyện cho chúng tôi ca ngợi có kế hoạch, hửi bới bằng chụp mũ. Nhưng mỗi đứa dần dần thấy rằng khen cũng chẳng thù chửi cũng chẳng cần bởi vì đã nhìn thấy mặt kia của quân bại. Không bằng thì chửi, không bằng thì hạ nhục chơi, anh

em thì nay gài một câu khen, mai một câu đưa lên. Lặng mạ và xưng tụng chỉ là hình thức của im lặng. Chẳng phải là văn nghệ. Đến nỗi người bạn này bảo tôi : Một năm nay chẳng thấy chúng nó chửi mình phát nào cả. Xuống rồi chẳng ? Tiền giả nó như thế đấy. Không bị chửi lại nhìn thấy dấu hiệu của sự sa sút. Còn anh em khen tôi bởi, đưa lên bằng thích lại chính là dấu hiệu của yếu kém của sự cần thiết được chứng minh, biện bạch. Địa ngục cô đơn như thế càng ngọt ngào hơn nữa vì giam cầm trong ấy mà chúng tôi cũng chẳng gặt bỏ được những cái nhỏ nhen, thấp bé.

Và bây giờ, những sự chửi bới hay xưng tụng của những kẻ đồng thời, dưới mắt mỗi đứa, nhạt lấm rồi ; chẳng còn làm thắc mắc gì nữa, có khi còn gây ra hậu quả ngược chiều, chúng tôi càng nhìn rõ hoang vắng, càng nghe rõ lời nói ghê gớm : trước mặt ta không còn ai, phải căn lấy tốc độ mà chạy, đo lấy độ cao mà leo. Mây hoàn toàn cô độc vĩnh viễn cô độc. Đó là điều kiện, là hoàn cảnh văn nghệ của mày. Phải đánh cờ một mình. Phải xông xáo trong đấu trường rộng. Mà vẫn phải chiến đấu với khoảng không để chứng tỏ với mình rằng mình thật sự là một tay đấu bò tài ba, một elmajor ,



Cô đơn trong tập thể văn nghệ vì sự liên tục lịch sử bởi sự tan tác của thể hệ đàn anh, bị gián đoạn, nhà văn nhưng Năm Mươi, Sáu Mươi, càng cô đơn hơn nữa trong tập thể rộng lớn là Xã Hội. Chúng tôi ăn ngủ trong đó, chọn lọc từ đó chất liệu cần thiết để viết và, khi cái viết đã hoàn thành, gửi đến đó. Không có vấn đề tách rời nhà văn và Xã hội. Nhưng cũng còn lâu lắm mới có sự hòa đồng, sự cảm thông đồng điệu. Bức

trường thành cao lắm và chúng tôi đứng riêng một phía. Biển lớn lắm và chúng tôi ở trên hòn đảo nhìn vào thành phố đất liền.

Anh này gọi sự bao vây ngăn cách là sự nghèo đói. Đúng quá. Có cần nói gì về sự thực chói mắt này không? Cái chết của Quách Thoại và Lê Văn Trương đã nói cạn ý, đã đầy đủ như một bản thống kê về bản quyền tác giả, tình trạng tài chính, đời sống vật chất. Chẳng cần nhắc lại sự kiện đa số người viết không sống nổi bằng ngòi bút nên phải có một nghề tay trái như viết báo, dạy học, thầy cãi, thầy thuốc, chính trị. Chẳng cần nói thêm rằng sự nghèo khổ ấy cùng cực đến nỗi kẻ nào có một tý tiền, lập tức khó tránh được sự hành hạ của một mặc cảm phạm tội, khó tránh được cái nhìn phán xét của bạn hữu thiếu bao dung. Anh kia nói đến niềm cô đơn của lớp người *không giai cấp*. Cũng được lắm. Nghĩ thử mà xem! Nhà văn đáng liệt vào thành phần xã hội nào? Nghèo mặt rệp, những tên bị bóc lột rất kỹ đó vẫn tiếp tục là những nhà tư bản, hay hơn nữa những tay *quý tộc* của thời đại dân chủ. Tôi muốn nói: vô sản trong bình diện tài chính, nhà văn thế hệ này có phong thái của những nhà tư bản, những tay *quý tộc*. Ở những nơi đèn tắt muộn nhất, anh em có mặt ở đấy, ở những chốn có những giọng cười điên loạn nhất, có họ. Vua của vũ trường, hoàng tử của phòng trà, quán rượu, trường đua không phải là những công tử con nhà giàu, chủ ngân hàng, chính khách giàu mau, và vẫn là nhà thơ có dáng dấp của Frank Sinatra nhà văn mười một năm Thượng Sỹ hiền như đất đai quê hương. Chẳng kiếm được bao nhiêu nhưng chi rất hách, phát tích kê như điên. Cho đến đồng xu cuối cùng. Cho đến đồng bạc đáy túi. Cho nên họ biết đứng vào đâu lúc đợi xe về hơi rượu *whisky* tan trong gió đêm. Tư bản không nhận họ vì họ nghèo quá. Vô sản làm gì có những tay *quý tộc* đó? Không có mẫu rể trong một thành phần xã hội nào cả, niềm cô đơn dễ nhìn thấy lắm. Tôi đã nghĩ đến những

nỗi cô đơn, đến từ nghèo đói, đến từ những máu rã bị chặt đứt mà các anh đã nói tới. Nhưng lối vây hãm đó có thực. Nhưng niềm ám ảnh có một khuôn mặt khác. Nói luôn là hệ thống giá trị của xã hội này và vị trí của nhà văn trong đó. Trong một cuộc nói chuyện về thơ với Tuần báo Nghệ thuật Truyền thanh đài Saigon, tôi đã nói sơ lược. Bây giờ đào sâu chút nữa. Nhà văn, nhà thơ thời đại này, xã hội này : quê hương của Nguyễn Du, bị xếp ở bậc thang cuối cùng của dải thang giá trị. Chứng cứ ?

Dễ lắm. Đi hỏi vợ, thi sĩ có ~~những~~ hy vọng thua tiến sĩ, bác sĩ, kỹ sư. Đến yết kiến một Bộ Trưởng, tay ~~nhà văn~~ ~~nhà văn~~ chắc ~~chắc~~ ~~chắc~~ được tiếp, nhà thơ khó lắm. Dễ hiểu quá : dưới mắt vị nhạc phụ tương lai, thi sĩ chẳng là cái nghề ngỗng gì cả, dưới mắt tay cầm quyền nhà thơ là một thằng vô dụng. Nó chẳng thể làm công việc nghiêm chỉnh của một ông giám đốc, chẳng có vẻ đạo mạo của một ~~nhà văn~~ sĩ. Hơn nữa nó còn không đứng đắn, ăn mặc lôi thôi, thỉnh thoảng cao hứng nói láo nói lếu như đòi « chép thơ lên đá ». Tiếp nó làm gì ? Kẻ thứ dân, tên cùng đinh của xã hội này sẽ không nhìn thấy mâu thuẫn nào cả, không thắc mắc gì nếu không có mấy sự kiện làm nó quan tâm. Dĩ vãng ở đây và hiện tại ở chỗ khác, đã và đang đặt những kẻ hao hao giống nó ở những bậc thang cao hơn. Người làm văn làm thơ cùng thời với Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát hay Nguyễn Du chắc chắn cũng giàu có hơn các người viết bây giờ nhưng thường xuyên họ nhận được sự kính trọng mà dân gian, vua quan dành cho kẻ sĩ. Đứng trong một tao đàn bảo trợ bởi triều đình hay dạy học ở một ngôi làng nhỏ, người biết đùa với âm thanh của lục bát, đường thi, người viết được một bài kịch, thảo được một văn tế, không bao giờ bị coi là một tên nhố nhăng, không nghề ngỗng đứng đắn hay đáng nghi.

Còn bây giờ ở bốn phía, Ba Lê này và Nĩru Ước kia, Anh Cát Lợi và Thụy Điển, những xã hội cơ giới ấy, lạ thay, vẫn đặt các tay làm thơ văn ở những bậc thang xã hội trang trọng. Không nói đến tiền bản quyền lớn lao do số ấn loát phẩm lượng lớn lao mang lại, cho phép một Sagan thay xe đua hàng tháng hàng năm, cưỡi diên trong hộp đêm, cho phép một Hemingway khi thì săn sư tử ở chân núi Kilimanjaro, khi thì hò hét trên khán đài những đấu trường Tây Ban Nha. Nhưng gạt ra ngoài những tru đãi vật chất đó. Hãy ~~chỉ~~ nói đến sự tôn kính tinh thần đã ~~biểu lộ qua~~ sự ~~đại~~ ngó người làm văn học nghệ thuật như *những Hoàng tử*. Tiếng nói của họ cất lên về Algérie, Budapest liền được lắng nghe, với người này, như lời truyền giảng, với người khác, như sự đe dọa mà vũ khí trở thành bất lực. Cái ăn cái ngủ, cái yêu, cái di chuyển, cái sinh sống của họ được viết lên bởi báo chí vẽ ra bởi các đài truyền thanh, truyền hình, được đọc được nghe được nhìn bởi những cặp mắt yêu mến, bao dung và hãnh diện. Paris hãnh diện không phải chỉ vì có Moulin Rouge Quartier Latin hay Champs Elysées mà vì có những Gide, những Cocteau, Veléry. . . Con cháu cháu Sam không phải chỉ hãnh diện vì tài tháo vát, óc khai phá về nĩ cầu hỏa và hỏa tiễn mà còn vì những người đoạt giải Pulitzer và sau đó, Nobel. Chúng ta, có lúc ~~tôi nghĩ rằng~~, thôi thì ta ngồi ở bậc thang cuối cùng ấy sống trong ~~đó~~ mà văn nghệ không phải là hoàng tử mà chỉ là những tên ~~lạ~~ ~~lũn~~ ~~chẳng~~ sao. Những xã hội cơ giới kia nó biết hãnh diện về những kẻ sáng tạo của nó, biết dành cho kẻ này quốc táng, biết mời kẻ khác đến làm danh dự cho buổi khoản đãi của vị nguyên thủ, danh dự còn lớn lao hơn cái hiện diện của ngoại giao đoàn hay các nhà tư bản, xét kỹ ra cũng chẳng có gì đáng kêu ca. Nước ta còn lo cơm lo áo cho dân, lo cho dân khỏi chết

dập chết vùi, làm sao còn lo kết những vòng hoa đẹp cho thi sĩ. Còn cái thang giá trị kia nhất thời lắm.

Kẻ ngồi trên rồi sẽ xuống dưới, lũ ở dưới sẽ lên trên. Lịch sử cũng như tôn giáo, thế đấy. Chúng ta hãnh diện vì đã có Nguyễn Du, đã có Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến hay Tản Đà chớ có nhớ gì về các ông Nghè, Ông Bảng đâu ? Những người của tương lai, cũng vậy, sẽ kiêu hãnh về những người làm thơ làm văn bây giờ, sẽ gọi họ là những tinh hoa, là ý thức của thời đại, sẽ dành những vòng hoa tưởng nhớ cho những kẻ đóng góp vào cái gia tài văn hóa của dân tộc.

Có nghĩ như thế chứ. Nhưng cái vô về này chẳng xoa dịu được cô đơn. Chúng tôi càng thấy mâu thuẫn, càng thấy cô đơn trong hiện tại. Tại sao có chỗ ngồi sau này của ta sáng chế, đẹp thế mà cái chỗ ngồi hiện tại khốn nạn ? Vả lại còn nghĩ rằng lịch sử đứng ở xa lắm, còn lâu lắm mới tới.

Có nhìn thấy nó bao giờ đâu ? Khi nó đến, ta tiêu ma thành đất thành bùn rồi còn gì ? " Kỷ nguyên hoài nghi " này tai hại như thế đấy. Bao nhiêu cột trụ chống đỡ cái mái yên tĩnh của tâm hồn xụp đổ mất cả rồi. Thần thánh và lịch sử. Giá trị này và giá trị kia. Có thể có lắm chứ. Sự hiện hữu của thế giới bên kia, sự phán xét của lịch sử. Có thể lắm chứ. Nhưng chúng tôi chỉ có một đời sống. Chúng tôi chỉ có một niềm cô đơn này. Thần thánh còn làm được gì khi tất cả, vui sướng và tủi nhục, thống khổ và hân hoan, đã cùng với thân thể nặng nề này nằm xuống ?



Cô đơn trong tập thể văn nghệ vì sự gián đoạn bất bình thường giữa các thế hệ, cô đơn trong tập thể rộng lớn hơn là xã hội

này vì sự đăi ngộ, vì vị trí xã hội, vì hệ thống thang xã hội, các nhà văn nhà thơ năm Năm Mười, Sáu Mười cũng cô đơn trong chiến tranh. Những người đang đổ mồ hôi ở thao trường và những người đang đổ máu ở chiến trường sẽ nói lên lời phản nộ: chỗ đứng của các anh đây. Ở thao trường này và chiến trường này. Vào đây đổ mồ hôi. Ra đây trả cái phần xương máu. Mặc bộ ka-ki này vào các anh sẽ biết rõ chỗ đứng. Con phản nộ này đúng. Lời sỉ vả này không thể cãi được. Tôi nói rõ: Lời phản nộ của những người đang đổ mồ hôi ở thao trường và đang đổ máu ở chiến trường. Chớ không phải những lời nói tương tự đến từ các nhà cầm quyền mười mấy năm nay. Trí thức phòng trà, trí thức thành phố, trí thức *salon*, những thành ngữ nói lên sự nguyên rủa của một lớp người, trong đó có thể xếp các người làm văn học nghệ thuật lên hàng đầu, thật ra chẳng có giá trị gì cả nếu phát xuất từ nhà cầm quyền, vì đó chỉ là những «cái mũ» được ném ra nhằm mục đích bôn chết mọi tiếng nói đối kháng. Chúng tôi quá quen thuộc với các chất ma túy như thuốc lá, cà phê cho nên các ma túy mới gọi là khẩu hiệu, diễn văn, tố cáo, lảng mạ chẳng còn làm xúc động gì. Bị chửi bới hay bị dụ khị, thằng này cười hề hề, thằng kia kêu lên tốt lắm.

Đó cũng là điểm khác biệt giữa văn nghệ và trí thức khoa bảng vốn quan tâm đến sĩ diện, được coi như một phương tiện để sinh sống. Văn nghệ chẳng cần các cái đó. Nhưng lời phản nộ, sự sỉ vả đó, khi đến từ những người thực sự chiến đấu mà không có ghế cao nhà lớn nào cả, đã và đang làm chúng tôi lắng nghe. Và tôi nghĩ: đúng lắm. Chỗ của chúng ta đây. Ở Trung tâm Huấn luyện Quang Trung và Trường Thủ Đức. Ở quân đoàn này và vùng Chiến thuật kia. Và có những nhà thơ đã đứng ở đây. Những hào sảng Trần Như Liên Phụng đấy.

Nhưng vượt lên trên cơn giận dữ như các anh đã vượt những hào sâu rừng thẳm mìn chông, chúng ta hãy nhìn vào câu hỏi này: các anh muốn nhà văn, nhà thơ chiến đấu với tư cách người hay tư cách văn nghệ. Nếu quan niệm rằng chỉ cần cầm được súng, văn nghệ không cần, thì mọi cuộc thảo luận đều chấm dứt, chúng tôi không còn gì để nói và chào thua.

Nếu nói rằng thơ văn chẳng được cái tích sự gì cả, chẳng chặn được cuộc tấn công này, chẳng mở được chiến dịch kia, đó chỉ là những xa hoa, những đồ trang sức thời bình để ve vuốt tâm hồn đàn bà thì hết, không còn gì để nói. Chỉ còn đồng ý và đồng ý. Nhưng ngược lại, nếu quan niệm rằng cuộc chiến đấu mà mọi người thường gọi là toàn diện thì văn nghệ gọi là một mặt trận. Người làm thơ viết văn trở thành chiến hữu. Quan niệm đứng đắn này những năm Năm Mười Sáu Mười chưa hề có. Cho nên chúng tôi không biết đứng ở đâu. Nhà cầm quyền của vùng dĩ vãng xa và gần đó đã coi Văn nghệ là phương tiện, là cái cần nắm lấy. Năm mãi chẳng được, người ta chỉ còn than trách: Văn nghệ của mình chẳng có lập trường gì cả.

Chúng ta đều nghĩ rằng các chính quyền dĩ vãng đã nhiều lần đến với văn nghệ. Tiền đây, báo đây làm đi. Nhiều người trong chúng ta, có tôi, đã nhận tiền trực tiếp hay gián tiếp, tiền bao thầu hay tiền bài. Rồi để cho cái tình cảm tội lỗi nằm im, chúng tôi làm lác làm lếu cho tiền bạc không sáng sủa kia được tiêu đi mau lẹ, ngõ hầu có thể phân vua với anh em: cho thì lấy mà đốt, trả tiền thì viết nhưng ta cứ viết cái lờ mờ chẳng dính dấp gì đến cuộc đời này, cuộc chiến tranh này, chẳng lợi lộc gì cho người chi tiền. Cái lối chơi sỏ của nhà nho các anh còn là gì. Cho nên các cuộc hôn phối gượng ép này đã hơn một lần đưa đến đổ vỡ. Sự phân hóa trầm trọng hơn: chính quyền và văn nghệ

vẫn đứng ở hai phía mặt trời và hơn nữa, người cầm tiền và kẻ không có cơ hội, thẳng cầm nhiều và tay cầm ít sỉ vả và lườm nguýt lẫn nhau như quân thù quân hãn.

Và niềm cô đơn dầy đặc thêm lên như sương mù như có lan vào thành phố bỏ hoang. Người làm văn thơ muốn đóng vai trò của cái có thể gọi là *ý thức của một cuộc sống này và cái chết kia*. Nó muốn nói lên cái nó mong nó đợi, cái nó yêu, cái nó ghét. Tham gia vào cuộc chiến đấu với tư cách văn nghệ, vũ khí của nó là cái ý thức sáng chói đó. Có nói lên được cái yêu cái ghét đến nơi chốn dưới mắt người cầm bút, mới làm cho ta khỏe địch yếu. Nhưng dưới mắt nhà cầm quyền thì lại không được. Những người đã đến với văn nghệ có thể có thiện chí lắm, khéo léo lắm. Họ đều nói đại loại : chúng tôi không làm áp lực nào cả, chỉ giúp đỡ anh em về tinh thần và vật chất. Tiền đây, báo đây, cầm lấy cho vui vẻ cả. Phải chân thành mà nhận rằng với các chính quyền như thế còn hơn là những cái tát đe dọa của sự độc tài. Không theo đường lối thì phong tỏa kinh tế, thì đi nông trường. Những cuộc thảo luận bắt đầu như thế lễ phép lắm, đẹp lả n. cần lắm nhưng chưa đủ. Đám băng hoại nghi cần được làm cho tan rã. Sự lễ phép làm cho nhà nhà văn nghĩ rằng nó nằm từ từ đây. Thuốc độc bọc đường đây. Và cuộc chơi ú tim cứ thế tiếp diễn : cầm tiền và viết lời mờ thôi. Ngoài tiền ngoài giao tế lịch sự cần phải nói rõ vào mặt nhau : chúng ta đừng vuốt ve nhau. Chúng tôi điều hành guồng máy nặng nề tê liệt và chiến tranh này, các anh là ý thức. Hãy nói lên thống khổ và hân hoan của đồng bào ta mà các anh là những tấm gương nhậy cảm. Hãy nói lên tất cả mặt phải và mặt trái. Chúng ta, văn nghệ và chính quyền, hãy sỉ vả nhau, đấm đá nhau, đấm đá và sỉ vả như những chiến hữu.

Hào khí văn nghệ sẽ bốc lên khi đám băng tan rã. Lúc ấy,

biết rõ, sẽ không còn thắc mắc, ai nắm ai, ai xỏ xiên ai. Nếu biết rằng thực sự trong cuộc chiến đấu ghê gớm này ngòi bút đã được đặt đúng chỗ mai dành riêng cho nó, sẽ chẳng cần đến chuyển máy bay đưa anh em ra mặt trận coi chơi.

Mặt trận chưa bao giờ không nằm trong mạch máu chúng tôi. Chúng tôi cũng biết nghe tiếng súng, biết khóc, biết đau. Nhưng niềm cô đơn vẫn có. Vẫn không biết đứng vào đâu, vì thương xuyên e ngại bị đặt vào chỗ đứng bất tiện, chỗ đứng của phương tiện chứ không phải của ý thức.

Cô đơn, hoàn cảnh của nhà văn những năm Năm Mười Sáu Mười đó. Nói cô đơn siêu hình của người viết trước tờ giấy trắng chẳng bao giờ nhà văn rũ bỏ được và cũng chẳng cần, trong thế hệ chúng tôi lại được hỗ trợ của những cô đơn trong tập thể văn nghệ, trong xã hội và trong chiến tranh. Nói cho đúng chẳng có gì đáng kêu ca. Nhiều người nói rằng : một dân tộc chỉ có số phận mà nó đáng có. Tôi nghĩ thêm rằng : *nhà văn, nhà thơ chỉ có số phận mà dân tộc nó có.*

Khi mà sự chết chóc, nghèo khổ đè nặng lên vai quê hương như thế này còn có gì lạ nếu đàn anh của chúng ta tan tác, nếu chúng ta phải căn lấy tốc độ mà đi, nếu chúng ta bị bỏ quên, ở đây ở đó.

Và vấn đề của văn nghệ, cũng như của đất nước, không phải chỉ là đau sót về những hoàn cảnh chán quá mà còn là sự ý thức về hoàn cảnh đó để vượt lên, để khắc phục.

NGUYỄN SA

Nguyễn Sa

Nhìn em nhìn thành phố nhìn quê hương

buổi sáng thức dậy, anh cởi bộ quần áo ban đầu
và cơn ác mộng

em còn ngủ

anh bỗng nhìn thấy em

như mới nhìn thấy em

như trời đất bỗng nhiên mùa xuân

như cánh tay bỗng nhiên rạo rức

em ngủ đi,

ngủ cho ngoan

thành phố, dưới kia, đã thức giấc

có quan hệ gì

thành phố trống rỗng

thành phố này đầy chiến xa đại bác

đầy nón sắt, đầy giầy thép đầy mìn chòng

mà không trống vang

đám đông nào buồn bã

mà không cô đơn

mặt trời đã mọc

vẫn ở phía đông

nổi đau sót và tủi nhục

của quê hương

vẫn ở 4 phía

chút nữa thức giấc
em sẽ thấy
tất cả vẫn còn đó
chiếc hẻm đưa tới đường
con đường đưa lời phố
ở đó
dù nắng
dù mưa
nắng như chưa từng có
mưa như chưa từng có
nhor nhóp vẫn chạy cùng đường
vẫn tanh tưởi
mùi sắt
mùi lửa đảo
mùi xác chết
ở đó
dưới nắng
dưới mưa
em sẽ thấy
anh vẫn đi
vẫn cất lên những lời thô tục
nguyên rủa,
những lời thô tục và nguyên rủa
đập vào mặt cuộc đời
cuộc đời chó đẻ
thế kỷ chó đẻ
anh đã nói với cuộc đời
theo em có điều gì khác để nói

có điều gì khác cần nói
nói với ai
nói ở đâu
nói ở phương đông
với loài rắn
nói ở phương tây
với loài quạ
anh đã lên tận miền giá băng
nói với loài gấu mùa đông
chút nữa em nhìn coi
thân hình anh siêu tụy
đấy là anh đã làm đúng lời em dặn
mỗi ngày
anh mượn của hiệp sĩ thanh gươm
mượn ân sủng của nhà tu hành
mượn của mẹ lòng nhân nại
mỗi ngày anh soi gương
những vũ khí em cho anh
trên má
trên môi
những hình tượng kỳ lạ
những hình tượng
mang lại sức khỏe vô biên
như tổ tiên anh
thân hình thủy quái,
đấy là anh làm đúng lời thần linh
mỗi đêm trong chiêm bao
anh trở về đó

ai không muốn trở về đó
anh nghe thấy tiếng em hát
cùng với nỉ non của sóng
anh nghe tiếng em cười
nổi chân bước xôn xao
anh thấy chiếc thuyền đánh cá
có mùi nước mặn
nằm ngủ trong đêm
em nằm trong tay anh
em thấy không
em nhớ không
tiếng em dặn dò
tiếng gió đêm dặn dò
bao giờ trở về quê hương
anh sẽ mua một chiếc thuyền
chở em ra biển đông
và hôn em
cùng với tia mặt trời thứ nhất



Ồi, trái đất có nơi kỳ diệu đó chẳng
cao hơn núi cao
sâu hơn biển sâu
lạnh hơn chốn giá băng
nóng hơn vùng nhiệt đới
nơi lần đầu, nhìn thấy mắt em
cầm được tay em
thở được hơi em
nơi anh tìm ra loài cây kỳ lạ

vừa chạm tới lá
đã rung động tới cành
vừa trở gót ngó lui
quên nhìn hoa
đã mùa đông rã cánh



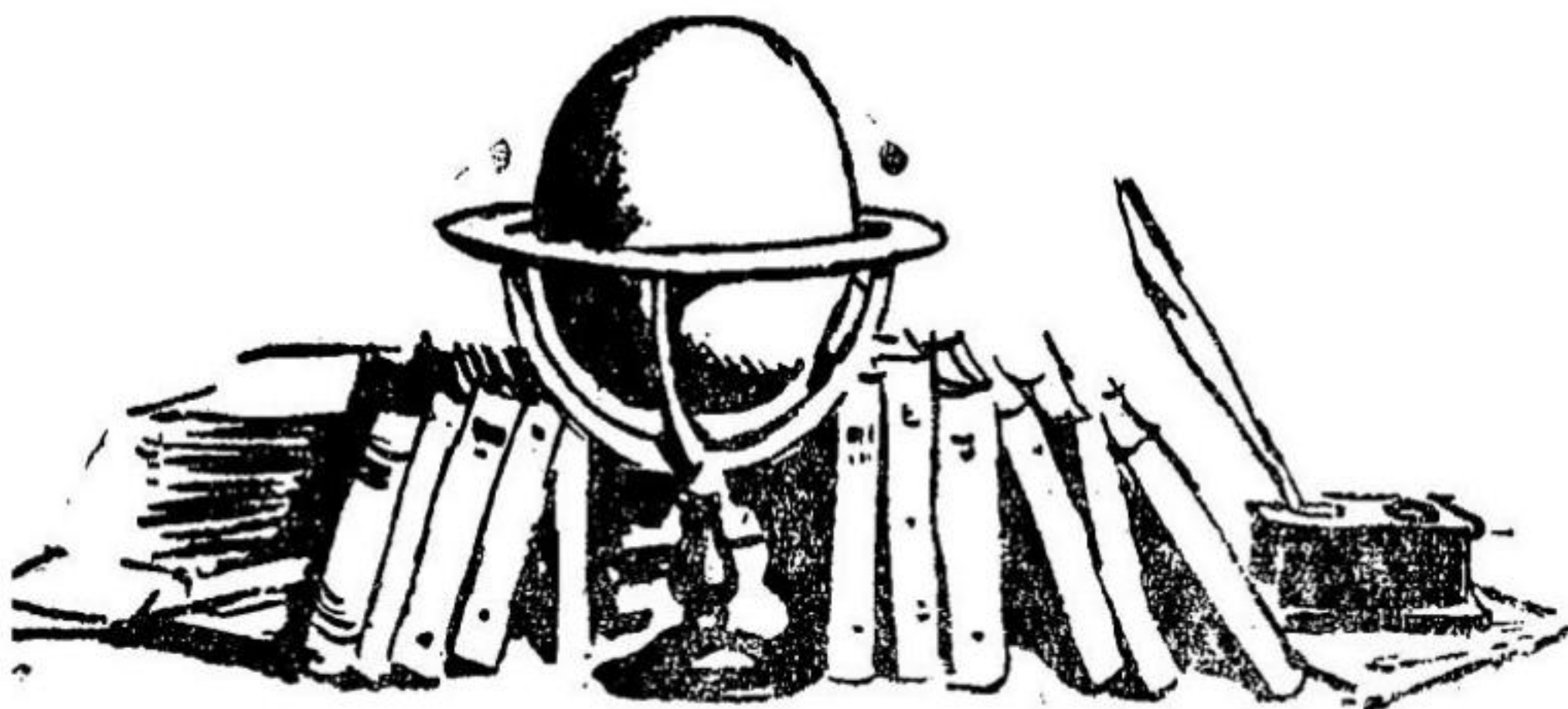
nơi, ngày anh làm thơ
sáng anh làm thơ
chiều anh làm thơ
ban đêm trong chiêm bao
anh thấy những hành tinh
đứng nhìn mắt em
những thảo mộc thơm ngát
đứng nhìn tóc em
những loài thú
run rẩy
những loài thú
lông mượt và dịu hiền
đứng nhìn thân thể em
rồi cảm ơn anh
đã làm vinh quang cho vũ trụ
ngủ đi em
ngủ cho ngoan
cứ ở nơi đó
chút nữa thức giấc
nếu muốn
em sẽ nhìn xuống phố

nhìn anh
đang đi
với những buồn bã
những thô tục và nguyên rủa
có sự thô tục nào không yếu đuối
có sự nguyên rủa nào không đơn đau

em nhìn coi
mùa xuân đã trôi qua
mùa hạ đã trôi qua
mùa thu đã trôi qua
bây giờ là mùa đông
mùa đông ở trên vai
mùa đông trên thành phố
lá chết ở trên cành
cành chết ở trên cây
cây chết ở trên đường
thành phố
phải thành phố đó
thành phố chiến tranh và đại bác
thành phố trống vắng
quê hương trống vắng
con giun xéo đã quần
anh đi ở đó
mặt trời vẫn mọc ở phương đông
anh vẫn ở đó

mà vẫn còn yêu em

NGUYỄN SA



CHÂN TRỜI VĂN HỌC

TRONG HỌ :

SÁCH MỚI .

Nửa tháng vừa qua, các cửa hàng sách sáng rực vì sự có mặt của bốn tác phẩm : *Phù dung ơ vĩnh biệt* của Vũ Bằng, *Yêu và thù* của Tạ Ty, *Bên trong* của Thảo Trường và *Trong khi chờ Godot*, của Samuel Beckett, bản dịch Mai vi Phúc.

PHÙ DUNG Ơ VĨNH BIỆT là cái tên mới của cuốn *Cai* mà anh Vũ Bằng đã viết vào năm 1940, đăng từng kỳ trên báo «Trung Bắc Chủ nhật» in thành sách lần đầu năm 1942, thời gian của cuộc chiếm đóng của quân đội Nhật bản, thời gian xe hơi chạy bằng than, sách vở in bằng những giấy bản xấu và số ấn phẩm bị hạn chế.

Phù dung ơ vĩnh biệt là *Cai* nhưng không hoàn toàn là *Cai* bởi lẽ tác giả ngoài phần chính yếu của tác phẩm lại tăng cường thêm một *Dựng* và một *Bạt*. *Dựng* cho ta biết chẳng hạn như sở dĩ Vũ Bằng không cho tái bản tác phẩm của anh sớm hơn vì anh không còn giữ được trọn vẹn bản chính, in lần đầu. Gần đây tìm được nơi một người sưu tầm sách cũ do một sự tình cờ. Chẳng hạn anh cho chúng ta biết rằng tác phẩm này in lần hai

mà thật ra in lần ba hay bốn không chừng. Bởi, vào khoảng thời gian trước năm 1963, "đài phát thanh Hà Nội đã ba lần kêu gọi tên tôi và báo cho biết đại khái như sau : Một tổ chức văn hóa ở ngoài ấy, sau một cuộc họp khoáng đại, đã quyết định in lại hai cuốn sách của tôi, một cuốn tiểu thuyết in năm 1932, nhan đề là « Một mình trong đêm tối » và một cuốn hồi ký in năm 1940 là Cai ».

Thái độ của những người làm văn hóa in lại sách của họ Vũ đó, thái độ của họ đối với một nhà văn tiền chiến ở đây chẳng thể không làm ta nghĩ tới thái độ hung hăng đầy mặc cảm của một vài người cầm bút ở đây đối với những nhà văn tiền chiến và việc tái bản tác phẩm của họ.

Trong phần bạt, tác giả Cai cho ta biết thêm rằng Liên Hường, người đàn bà mờ ảo của Phù dung vẫn còn sống, vẫn mặc áo màu « lòng chanh » nhưng sức khỏe bị suy yếu nhiều. Tác giả cũng cho ta biết về cái chết của vài người bạn như Văn Sen, Lê văn Trương, Cuồng sĩ, những người không chịu vinh biệt Phù dung.

Cũng cần nói thêm rằng cuốn sách đã được in bởi anh Nguyễn văn Hới một khuôn mặt của sinh hoạt văn nghệ tiền chiến.

SAMUEL BECKETT.

Cuốn sách đầu tiên của Samuel Beckett đã được thực hiện bởi nhà xuất bản Kỳ Nguyên. « Trong khi chờ Godot » do MAI VI PHÚC mang lại bản Việt ngữ cho chúng ta là một vở kịch đã được thưởng ngoạn bởi 800.000 khán giả qua 18 thứ tiếng, được coi như « sự thành công màu nhiệm nhất của sân khấu Pháp hiện đại. »

Chúng tôi không dài dòng về Beckett, người đoạt giải Nobel gần nhất đã được nói đầy đủ bởi báo chí ở đây. Nhưng tưởng

cần nói một giòng về MAI VI PHÚC một trong những người cầm bút trẻ, cùng với những người cùng lứa tuổi như Hoàng ngọc Biên, Diễm Châu, được coi là những người dịch sách nghiêm chỉnh và có ý thức hơn cả. Họ Hoàng thích dịch những tác phẩm văn nghệ có tính cách tiên phong: Anh dịch Butor, Sarraute, và cả Beckett, một đoản văn, từ khi những môn đệ khôi hài của những nhà văn này chưa lên tiếng ồn ào đề ra cái điều rằng *ta là nhà văn lớn vì tìm ra quan thầy mới*, Diễm Châu mỗi lần dịch là một chọn lựa phản ánh một ý thức chính trị sắc bén. *Con voi* chẳng hạn là một sự kiện không nhỏ. Còn bạn MAI có vẻ muốn ngả về, ít ra trong mấy cuốn gần đây, những sách *khó* hay tương đối *khó*. Những chủ đề hiện đại của triết học, một cuốn về nền kinh tế các nước chậm tiến và bây giờ Beckett là những công khó đáng được quan tâm.

BÊN TRONG

Tác phẩm dài 240 trang được nhà Trình bày ấn hành mang tên *Bên trong*, là tác phẩm thứ sáu của Thảo trường.

Điều phải nói ngay là đó là một cuốn sách đẹp. Người ta ghi nhận rằng kể từ *Descartes nhìn từ phương Đông* của Nguyên Sa, nhà xuất bản Trình bày đã chọn lựa con đường *làm sách với một cái bìa đẹp*. Quyết định này rõ rệt được thúc đẩy bởi thực tế là sự cố gắng làm bìa đẹp của hầu hết các nhà xuất bản hiện nay.

Tất nhiên cái đẹp hơn cái bìa phải là nội dung tác phẩm. Và «bên trong» cái bìa của tác phẩm của Thảo Trường có hơn một thứ có vẻ đẹp riêng biệt. *Bên Trong* là một truyện đã được đăng báo trước khi in thành sách. Cuộc đời của cuốn sách này cũng như hầu hết những tác phẩm của các nhà văn hiện nay đều là feuilleton trước khi in thành sách. Nhưng Thảo Trường không

viết từng ngày mà, theo lời anh, viết từng đoạn, từng chương. Có lẽ vì thế, kiến trúc của Th. Trâm cũng như kiến trúc ở Bên trong là một vững chãi làm nhà văn quân nhân này thành một trong những cây viết có giá trị của nền văn nghệ miền Nam hiện nay.

YÊU VÀ THÙ

Mười bốn truyện ngắn, 141 trang, tủ sách Nam chi của cơ sở xuất bản Phạm quang Khai. Lượng tác phẩm, kích thước của sổ trang, tên nhà xuất bản nói lên sự làm việc nghiêm chỉnh, sự thành thực và quyết tâm của Văn nghệ.

Nhưng trên tất cả những « ngoại cảnh » đó, Tạ tỵ, tác giả của Yêu và Thù là sự quyết tâm của quyết tâm, chân thành của chân thành. Viết về anh tôi đã tự nhủ : phải thận trọng. Nhiều tình cảm chủ quan có thể chi phối tôi. Chúng tôi đều khoác trên người ba thước ka ki từ mười mấy năm. Chúng tôi có những chỗ đứng tương tự trong quân ngũ. Nhưng tất cả những cảnh giác đó làm đủ, tôi vẫn thấy không thể không đồng ý với Lãng nhân về câu thơ của Lemierre mà anh viện dẫn : *Même quand l'oiseau marche, on sent qu'il a des ailes*. Đôi cánh đã cho phép Tạ tỵ một đời bay lượn trong văn nghệ. Anh bay từ Hội họa đến thơ, từ thơ đến truyện, từ truyện đến những bài tiểu luận, nhận định văn học. Anh là một trong những người làm thơ tự do đầu tiên. Truyện của anh là sự thiết tha là sự rung động đến nơi, đến tận cùng cảm xúc. Bởi lẽ, khi người viết đã thực sự đam mê trong tình ái, đã thực sự đau khổ với quê mẹ buồn đau, cảm xúc không phải là những khéo léo văn chương mà là những tình tự đích thực. Thêm vào đó, văn của anh chẳng thể làm cho người ta quên nét, vẽ, bởi người ta chẳng bao giờ quên được Tạ tỵ là người tiên

phong của lối họa lập thể ở đây, là khởi đầu, mà lạ thay vẫn không bị vượt qua, của nền hội họa mới nước ta.

● *TẬP CHÍ TRIẾT HỌC, NGUYỄN SA VÀ NHÀ PHÊ BÌNH KHÔNG ĐỌC SÁCH.*

Nguyễn Sa cho tôi biết anh dự định cho ấn hành số I của tờ tạp chí triết học vào dịp đầu xuân. Đó là một tam cá nguyệt san và là tạp chí chuyên về triết học đầu tiên bằng Việt ngữ.

Gặp Nguyễn Sa và bàn bạc về những dự định của anh, tôi vẫn chẳng quên được những ngày ở tuần báo Gió mới. Ở đó tôi đã gặp những Sức Mấy, những Trần dạ Từ. Bây giờ Sức Mấy là nhà báo lừng lẫy. Nguyễn Sa và Trần dạ Từ tiếp tục làm thơ.

Họ đã đi thật xa.

Tôi mừng.

Nhưng tôi muốn nói với những người cũ một điều : ở nước ta, trong văn nghệ cũng như trong mọi sinh hoạt, sau khi tiến hai bước nhó lùi lại một bước.

Để cho nhẹ bớt những ghen tuông đố kỵ, để chuẩn bị chống đỡ những bôi lọ đen tối, và cũng để nhìn rõ bản thân hơn.

Nhất là khi nhà văn chọn lựa con đường « cưỡi ngựa một mình. »

Điều tôi vừa nói chẳng phải là một cảm tưởng hay một khẳng định bừa bãi. Cuốn sách cuối cùng của Nguyễn Sa, Descartes nhìn từ phương Đông, gồm chín chương gồm trong đó có những chương phức tạp nhất đề cập đến những vấn đề bản thể và Thượng đế của triết gia nói trên. Trong toàn bộ cuốn sách tác giả đã lần lượt đối chiếu Descartes và các triết gia phương Đông.

Trong chương thứ nhất, tác giả đối chiếu thời đại của Descartes với những ngày tháng đó ở phương đông là thời gian của Vương thủ Nhân ở Trung Hoa và triều đại nhà Mạc ở Việt Nam. Cũng trong chương này, tác giả đã đối chiếu tính chất tương đối chính xác của những tài liệu liên quan đến cuộc đời của các triết gia tây phương nói chung và sự mơ hồ của các tài liệu liên quan đến cuộc đời của các triết gia phương đông. (ch. 1 từ trang 5 đến 40).

Trong chương hai đề cập đến thời gian phiêu lưu của Descartes và thời gian lưu vong của ông, thời gian mà ông mở ra cuốn sách lớn cuộc đời, Nguyên Sa đã đối chiếu với cuộc đời nhiều di chuyển của các triết gia phương Đông: (Cuốn sách lớn cuộc đời...), "đó là cuốn sách cầm nang kỳ diệu, là cuốn sách ước thần thánh, là nguồn sáng tạo tinh khiết và sống động của sáng tạo nói chung sáng tạo khoa học và triết học nói riêng, không biết nhưng chắc chắn đó là cuốn sách kỳ lạ. Nó đã đưa Không Tử từ Tề sang Tống, từ Tống sang Trần, từ Trần đến Vệ. Nó đã đưa Mạnh Tử qua Tề, Lương, Tống, Lỗ"...

Trong chương 3 đề cập đến khoa học của Descartes, sự đối chiếu sự quan tâm đến khoa học của các triết gia phương Tây và Descartes, với sự vắng mặt của sự quan tâm đó của phương Đông đã được nói lên bằng những giọng chữ :

" Thật vậy, lịch sử triết học Tây phương, có thể nói được, là lịch sử một tương quan triết học khoa học. Khoa học được thiết lập như một môn học có mạch lạc, thuần lý và vô tư bởi những người Hy Lạp đáng phục không phải là cấm địa của những nhà chuyên môn không quan tâm đến triết học, viển vông, mà trái lại, vốn dĩ là một thứ quê ngoại của nhiều nhà triết học. Những triết gia Đông phương có quan tâm đến sự cấu tạo của

vũ trụ. Triết học của Khổng tử có dấu vết của Thái cực, của Lương nghi, của Tứ tượng và Bát quái. Phải, Kinh dịch đề cập đến sự đổi thay của vũ trụ. Nhưng có coi kiền, khôn, chấn, tốn ly khảm, cân, đoài như những tìm kiếm thiên văn được không có thể coi những quan niệm về vũ trụ thỉnh thoảng xuất hiện trong tác phẩm của các triết gia Đông phương như những kết quả của sự khảo cứu khoa học được không, sự trả lời khẳng định chắc chắn sẽ được nhiều nhà khoa học coi như một bạo dạn lạ lùng. Nói rằng lịch sử của triết học Đông phương là lịch sử của một nền triết học tuyệt đối không liên quan đến khoa học không biết có quá đáng không, nhưng có lẽ không thể nói lịch sử triết học Đông phương là lịch sử một tương quan triết học khoa học. Tương quan đó là một sự thật với triết học Tây Phương...»

Chương năm bàn về «nguyên lý siêu hình thứ nhất», người biết chữ đều đọc thấy sự so sánh Descartes và Trang tử. «Descartes ở đây chẳng thể không làm ta liên tưởng tới một hình ảnh quen thuộc của triết học Phương Đông : ta đã chiêm bao thấy mình hóa bướm hay thực sự ta là bướm đang chiêm bao thấy mình trở thành người. Diễn tả bằng ngôn ngữ phân tách của triết học phương Tây, Trang tử sẽ nói lúc nầy tôi thấy mình là bướm. Tôi không tin. Tôi thực sự không tin vì lý luận rằng làm sao ta có thể là động vật thấp kém đó được, ta, sinh vật có được cái chia xẻ đồng đều trong tất cả là lý trí. Nhưng dù cố gắng chối cãi, tôi không thể ngoan cố phủ nhận thực tại mãi được, bởi vì tôi quả thực nhìn thấy màu sắc của cánh, ngửi thấy hương hoa, rung rinh trong cảm giác bay lượn. Tôi là bướm...» (đoạn này còn tiếp. Tôi ngắt đề qua đoạn khác).

Chương sáu, suốt ba trang, từ 178 đến 180 dùng để đối

chiếu đồng dị giữa hai khái niệm bản thể của triết học Tây phương và ngôn ngữ phương Đông. Ở đây những bộ chữ Hán được viện dẫn

Chương bảy, đề cập đến Thượng đế, nhiều trang mở đầu đã được dùng để trình bày quan niệm Thượng đế của triết học Đông phương và nhất là của Khổng tử. Tác giả viết : « Ý tưởng Thượng đế có một nguồn ở Đông phương,.. » Cũng viết : « Sự tìm kiếm kỹ lưỡng có thể cho nhìn thấy những chứng cứ về Thượng đế bằng bạc ở đây, ở đó, trong lời giảng này, trong giọng chữ kia của những triết gia Đông phương, nhưng đó thường không phải là những chứng minh kiến trúc hóa thành những tác phẩm triết học quy mô,.. » (tr. 203-206)

Chương tám, bàn về Đạo đức học, trang 261, đạo đức học của Phật giáo, Lão giáo được mang ra đối chiếu với quan niệm của Descartes, liên hệ đến việc giới hạn ước vọng.

Và sau cùng, ý hướng triết học của Descartes được đối chiếu với diệt dục, vô vi và tri thiên mệnh của chương cuối.

Đọc qua, ta có thể nhìn thấy hầu hết chương nào Nguyên Sa cũng đối chiếu Descartes với tư tưởng phương Đông. Thế mà, ông *Nguyễn Nhật Duật*, trong một bài gọi là phê bình đã viết : « Ông (Nguyên Sa) không hề đối chiếu Descartes với các tư tưởng gia lớn của Đông phương để làm nổi bật những điểm dị đồng... »

Tôi không hiểu cuốn Descartes của Nguyên Sa mà tôi đọc và cuốn mà ông Duật đọc có phải là hai cuốn khác nhau. Hay đó chỉ là một cuốn mà nhà phê bình sách đã *phê bình mà chưa đọc sách*.

Có thể vô liêm sỉ đến thế sao ? Sao ông không viết « đối

chiều ít » « đối chiếu chưa đủ » có chắc ăn hơn không mà lại đại viết là « không hề ».

Càng đọc lại bài phê bình của ông Duật tôi càng thắc mắc nhiều hơn. Sách như đã nói gồm những chương về cuộc đời, về khoa học và triết học nhất là về siêu hình của Descartes. Bài tóm lược của ông Duật chỉ tóm lược chương sách nói về cuộc đời của Descartes, mà không tóm gì cả về những chương khó, tỷ như chương liên hệ đến những chứng cứ của Descartes liên hệ đến Thượng đế. Ông Duật cũng viết : « Chương cuối không nêu ra được một quan điểm nào của tác giả ». Ông Duật có lẽ quên không đọc những chương giữa vì mỗi chương sau khi trình bày xong mỗi vấn đề, tác giả chót đại nêu quan điểm trước mắt rồi, không chờ vài giòng chót đề nhà phê bình đọc cho tiện. Thí dụ, trang 132, tác giả viết « quá sớm » về giá trị khoa học của Descartes: « Nhà khoa học xứng đáng với danh hiệu đó đã có tham vọng quá lớn khi muốn cắt nghĩa toàn thể vũ trụ... » Toàn bộ chương liên hệ đến quan niệm của Descartes liên hệ đến Thượng đế, N.S. đã căn cứ vào chính tác phẩm của Descartes để đưa ra cắt nghĩa về sự liên quan giữa những chứng cứ nhiều hơn là căn cứ vào các triết sử gia đi trước.

Ông Duật lại viết : « Ông không mang lại một nhận thức nào mới mẻ, một khám phá nào độc đáo, một phân tích nào sâu xa hơn những Chevalier, Alquié, Lefèvre, Alain, Sartre vv... đã được trích dẫn... »

Tôi không hiểu ông Duật có nhìn lại kỹ bản thân hơn khi viết những lời lớn lối như thế không. Tôi không dám quyết đoán giá trị cuốn sách đến đâu, nhưng tôi nghĩ rằng nếu ông Nguyễn Sa hơn những triết gia hàng đầu của thế giới vừa nói, sách của

ông đã chẳng bị phê bình bởi hạng đọc sách lem nhem loại Nguyễn nhật Duật mà sẽ được đọc bởi chính những triết gia vừa kể. Tôi quan niệm rằng trong tình trạng hiện tại của triết học và khoa học Việt Nam những tác phẩm bằng Việt ngữ chỉ là những cố gắng mở đường chứ không phải là những tác phẩm làm cho những nhà khảo cứu của chúng ta bằng chứ đừng nói là hơn những nhà khảo cứu thế giới. Nhìn sách là nhìn trên quan điểm đó. Ông Duật đòi sách của ông Nguyên Sa phải hơn những sách của các triết gia lớn trên thế giới làm tôi tránh nghĩ đến mấy cậu sinh viên chê thầy dạy khoa học chưa làm ra bom nguyên tử thì chưa đáng làm thầy.

Lại nói đến hơn và kém, mới và cũ, ta chẳng thể bỏ quên được điều này. Muốn biết đúng Nguyên Sa có khác, chỉ nói khác chứ không nói mới và hơn, các triết gia như Chevalier, Alquié, Sartre... hay không ta tất nhiên phải đối chiếu Nguyên Sa viết cái gì và các triết gia nói trên viết cái gì. Và nhất là phải đọc lại toàn bộ tác phẩm của Descartes cũng như tác phẩm của các triết sử gia và triết gia nêu trên mới biết ai cắt nghĩa thế nào. Sách của Nguyên Sa ông Duật không đọc những chương khó, làm sao đọc những sách kia. Nếu ông Duật dám xác nhận đọc kỹ tất cả rồi, đối chiếu tất cả rồi, thì xin ông xác nhận. Tôi sẽ chứng minh, trong đó có nhiều đoạn ở trong một tình trạng mà nếu ông Duật đọc rồi thì kẻ đáng phục.

Nhưng thật tình mà nói những tác phẩm đã in của các triết gia nêu trên, ông Duật chắc chắn chưa đọc. Vì khi tóm tắt cuộc đời và tác phẩm của Descartes, ô. Duật đã sai lầm nghiêm trọng mà một người đã đọc sách về Descartes không bao giờ vi phạm. Ô. Duật viết : *Ông (Descartes) là người đầu tiên đã dứt khoát trở về với bản ngã suy tư, (ego cogito), lấy bản ngã*

làm chủ thể của mọi dự phóng tư tưởng xác tín thực tại chủ quan căn đề của mọi nỗ lực khám phá chân lý trong các lãnh vực triết học và khoa học». Ô. Duật đã lầm to. «*Cogito ergo sum*» chỉ là nguyên lý thứ nhất của Descartes để khám phá ra chân lý siêu hình kế tiếp, không phải là khởi điểm của tìm kiếm khoa học. «*Tôi nghĩ vậy có tôi*» chỉ xuất hiện từ 1637, với Discours, còn khoa học đã được Descartes say mê và tìm kiếm từ hàng chục năm trước. Khám phá được là «*có tôi*» để từ đó khám phá ra bản thể tinh thần rồi sự hiện hữu của Thượng đế, là hành trình siêu hình của Descartes. Nhưng Descartes không hề đợi khám phá được «*Cogito*» rồi mới tìm kiếm khoa học.

Tôi có thể vạch ra năm chỗ sai lầm sơ đẳng về triết học của ô. Duật. Nhưng tôi nói về một điểm đã đủ để chắc chắn rằng Ô. Duật chưa hề đọc các triết sử gia viết về Descartes và càng chắc chắn hơn là ông chưa đọc toàn bộ tác phẩm Descartes.

Nếu đã đọc, ông đã cho biết trong những tác phẩm đó có những gì? Sao không nói? Tôi chắc chắn là chưa. Bởi lẽ đơn giản hơn cả là ngay bộ «*tác phẩm toàn bộ của Descartes*» do Adam và Tannery sưu tập không có ở một thư viện nào của nước ta. Ông Nguyễn Sa cũng không có nên ông ấy phải dùng cái gọi là «*Oeuvres Complètes*» của Descartes do Pléiade ấn hành năm 1937, kèm theo lời cáo lỗi gián tiếp ở chương 3 mà ông Duật chưa đọc tới. Tôi mách cho Ô. Duật biết cái «*Oeuvres Complètes*» đó chưa Complète, vì thiếu phần tác phẩm khoa học thì làm sao ông đọc đủ được mà biết rằng cogito là «*căn đề của mọi nỗ lực khám phá... khoa học*»!

Và nếu điểm trên có điều gì làm phiền lòng ông thì xin ông hãy nhớ cho rằng triết học có nhiều điều khúc mắc hơn văn chương. Viết ra hay vấp lắm. Hay hờ ra cái sở học của mình lắm. Nhất là

khi người ta lớn tiếng «phê bình là một quyền» mà lại quên «đọc là một bổn phận». Tôi biết ông Duật đi theo nhóm các ông Thanh tâm Tuyền, Huỳnh phan Anh cho nên khi phê bình ông có nhiệm vụ khen ông Tuyền và ông Anh. Và chê các ông Thảo Trường và Nguyễn Sa in sách ở nhà Trình bày. Tôi ưa nói thẳng vì đó là điều ai cũng biết. Nhà Trình Bày không hợp nhãn đàn anh của ông. Và cái ông Nguyễn Sa kia trong «thư ngỏ gửi Vũ Bằng» đã mô tả một số các ông như bọn sa đích, bọn đề cao hợp tấu và bôi đen quy mô, gọi một số các ông là «đóng trò nhà văn lớn» và kể ra cái huyền thoại Đông phương bất bại cho các ông phiền lòng. Do đó buộc lòng các ông phải chờ cho có cuốn nào của ông ấy ra là «thừa thắng xông lên». Ai nấy đều biết và đều cười khẩy tría. Ôi cái cảnh giận quá mất khôn!

Lấy phê bình làm trò chơi đó cũng được. Nhưng phải đọc sách. Phải đọc hơi nhiều sách. Toàn sách khó. Ông phải chịu khó. Hay phải ít ra đóng trò chịu khó chờ năm bảy tháng một hai năm ra cái điều ta cũng vừa đọc hết sách về Descartes và ta đối chiếu các sách đó, và ta phê phán.

Thôi lần này lỡ bộ rồi. Chờ lần sau, cuốn thơ của Nguyễn Sa sắp in ra «anh em ta» lại làm nữa cũng vừa.

Nhưng nhớ đọc kéo lại làm trò cười cho thiên hạ.

NÓI VỚI NGUYỄN NHẬT DUẬT.

Tôi vừa nói chuyện về Nguyễn Sa. Cái chuyện của ông này thật ra không đáng cho tôi chú ý nhiều hơn. Tôi thích ông N.S. bị bôi lọ bừa bãi. Không hại. Vì tôi biết cái ông này khi nào bị ai chọc ông ấy cười khà khà, và viết lách có vẻ hào hứng hơn. Như thế càng tốt cho ông ấy. Tôi cũng sắp bàn về ông ấy hơi nặng.

Bây giờ tôi muốn hầu chuyện với ông, ông Duật, về một chuyện khác.

Bây giờ tôi nói trực tiếp với ông về bài phê bình, hay đúng hơn, gọi là phê bình cuốn *Hiện hữu và tha nhân* với *Gabriel Marcel* của tác giả *Đặng Phùng Quân*.

Trước hết tôi minh định rằng : phê bình là một quyền, đúng như ông đã nói. Nhưng quyền đó gồm những bổn phận mà mọi người đều biết, hay ít ra những người biết tự trọng đều biết. Mặt khác, điều này quan trọng hơn : *phê bình các nhà phê bình* cũng là một quyền không kém phần quan trọng. Critique và critique des critiques là hai mặt của phê bình.

Trên căn bản đó, tôi trân trọng hỏi ông vài điều :

Sau khi tóm tắt, một cách không đầy đủ, cuốn sách của *Đặng Phùng Quân*, ông đã viết những lời xưng tụng :

« Cuốn sách biên khảo công phu nghiêm chỉnh, dẫn người đọc lần theo từng bước những suy tư, những khám phá của Marcel, qua một lối diễn tả sáng sủa, khúc chiết, với những luận cứ vững vàng, những lý giải minh bạch, người ta không quên đây là bản tự dịch của tác giả từ một phần quan trọng tiểu luận cao học Triết của ông, đã được trình bày tại Đại học Văn Khoa Saigon vào mùa thu 1968, bằng Pháp ngữ, với nhan đề : « L'existence d'autrui et la Fidélité dans l'oeuvre de Gabriel Marcel ». Vì là một công trình khảo cứu Đại học, tiểu luận đã sử dụng một ngôn ngữ chuyên môn nhưng không tối tăm, vì tác giả luôn luôn cụ thể hóa tư tưởng mình bằng những thí dụ, bằng hình ảnh, xen lẫn chung với những lý luận liên tục trong một viễn quan thống nhất và mở rộng chân trời hiện sinh để dẫn người đọc dần dần tới khoa học nhân văn nhằm khai phá những miền đất mới của tư tưởng hiện đại ».

Toàn bộ những lời phê bình giá trị cuốn sách của ông là

những lời khen ngợi không minh chứng. Những khen ngợi đó gồm các điểm :

- 1) Cuốn sách công phu, nghiêm chỉnh.
- 2) Luận cứ vững vàng, lý giải minh bạch.
- 3) Diễn tả khúc chiết, sáng sủa. Ngôn ngữ chuyên môn nhưng không tối tăm.
- 4) Đó là một công trình khảo cứu đại học.
- 5) Lý luận liên tục trong một viễn quan thống nhất và mở rộng chân trời hiện sinh để dẫn người đọc dần dần tới khoa học nhân văn nhằm khai phá những miền đất mới của tư tưởng hiện đại.

Tất cả NĂM sự khen ngợi đó không kèm theo một minh chứng nào cả. Đó là cảm tưởng của người đọc sách. Tôi chắc ông biết, mà nếu ông không biết thì tôi xin thưa rành rẽ rằng phê bình triết học khác với phê bình văn chương. Phê bình văn chương có thể ngả sang ấn tượng, nhà phê bình chỉ chủ quan nói lên điều mình cảm thấy. Triết học đòi hỏi mỗi xác nhận, khen hay chê, phải kèm theo những dẫn chứng đầy đủ. Không có nhà tư tưởng nào cất tiếng nói cất tiếng nói với người khác là « sách của ông sai » hay « sách của ông đúng », mà không kèm theo những chứng minh vạch rõ sai ở chỗ nào, đúng ở chỗ nào.

Vì thế, phê bình triết học là những cuộc đối thoại nghiêm chỉnh mà mọi sự bôi lọ và xưng tụng đều không có chỗ đứng.

Về phần tôi, tôi xác nhận công khai rằng tất cả năm điểm ông nêu ra đều sai.

Tôi nhận thấy rằng :

- 1) Cuốn sách của ông Đặng phùng Quân là một cuốn sách vội vàng, không nghiêm chỉnh.

2) Luận cứ không vững vàng, lý giải không minh bạch.

3) Diễn tả tối tăm. Ngôn ngữ chuyên môn dùng sai lầm quá nhiều.

4) Đó không phải là một công trình khảo cứu đại học. Một công trình khảo cứu đại là cuốn sách làm cho các thức giả phải thán phục, dùng được làm khuôn vàng thước ngọc cho việc giảng dạy hay tham khảo ở đại học. Đây chỉ là một bài thi. *Bài thi, dù dự bị hay cao học, không phải vì thi ở đại học mà coi được là công trình khảo cứu đại học.* Trong lịch sử triết học, thỉnh thoảng có những đề án tiến sĩ của một vài triết gia lớn hiện đại được coi là công trình đại học. Đó cũng là trường hợp hiếm hoi. Tác phẩm của ông Quân chắc chắn không ở trong trường hợp đó. Và ngay cả những người chấm thi cho ông Quân cũng không dám nhận là đã đạt tới chỗ đứng đó. Còn tiểu luận cao học, chưa thấy ai được kể là công trình nghiên cứu đại học hiểu như một tác phẩm lớn bao giờ. Câu «Công trình khảo cứu đại học» chỉ là một sự hóa trang, lừa dối, nhằm gọi một bài thi bằng một danh hiệu khác.

Và bài thi đó đã được chấm đậu nhờ lòng rộng lượng.

5) Lý luận của cuốn sách không liên tục.

Viễn quan không thống nhất. Không đưa tới những khám phá những miền đất mới.

Tất cả những xác nhận này tôi trách nhiệm trước công luận và xin minh chứng đầy đủ căn cứ vào chính tác phẩm.

Tuy nhiên, theo đúng lễ nghi của người Đông phương, tôi công khai mời ông minh chứng cho những xác nhận của ông trước.

Nhiên hậu, tôi sẽ trình bày những chứng có căn cứ vào đó tôi đưa ra những khẳng định nói trên.

Tôi chờ ông một tháng. Sau đó tôi xin mạn phép được cắt

tiếng. Và giá trị của những luận cứ nêu lên sẽ cho thấy ông đúng là một nhà phê bình hay chỉ là một người quảng cáo sách mặc áo phê bình.

Tôi quan niệm rằng khi chê bai ai người ta chỉ lộ ra cái vẻ hung hăng lỗ bịch. Nhưng khi tâng bốc ai một cách vô lối, khen ngợi không dẫn chứng, tư cách của một người, hèn hạ hay chính đáng, liền lộ ra ngay.

Tôi chờ ông.

EẠCH CÔNG

TẠI BÚT :

Khi lá thư này đang được lên khuôn, tôi lại được đọc một *bài thứ nhì* của ông viết về cuốn sách của Đặng Phùng Quân trên Khởi Hành số 34. Tôi cảm ơn ông. Tôi mừng.

1) Tôi cảm ơn ông vì bài phê bình thứ nhì chia làm ba phần, một phần mở, một phần thân, một phần kết, thật dễ đọc.

2) Tôi mừng vì có thêm một số sự kiện mới, do ông mang lại, làm cho cuộc thảo luận thêm hứng thú.

Tôi lần lượt đề cập đến ba phần đó, và luôn luôn chỉ quan tâm đến bài văn đến tác phẩm chứ không bàn các chuyện ngoài lề.

1) Trong phần mở đầu ông lên án các nhà tư tưởng ồn ào của nước ta nhằm làm nổi bật một Quân lặng lẽ.

Ông viết : « Giữa những hô hào, cổ vũ, những ồn ào đập phá, những phủ nhận chát chúa và những khẳng quyết rợn rợn của những người đang khuấy động tư tưởng ở Việt Nam, (tôi cho in nghiêng), Đặng Phùng Quân là một người lặng lẽ, làm việc âm thầm, hướng mọi nỗ lực của mình về sự suy tưởng trên những vấn đề căn bản đặt ra bởi và trong thời đại chúng ta.

Giữa những thời trang triết lý, những quảng cáo rầm rộ cho một số nhãn hiệu dán lên công cuộc trăm tư của *những bộ óc mẫn tiệp* hiện nay, Đặng Phùng Quân muốn làm một cuộc nghiên cứu nghiêm chỉnh... »

Ông viết «những người đang khuấy động tư tưởng Việt Nam», «những bộ óc mẫn tiệp...» hai lần nhắc lại chữ *những*.

Tôi bằng lòng lắm. Và muốn tìm hiểu kỹ về đoạn văn này nên nhờ ông soi sáng.

Nếu ông nói *một người*, tôi sẽ khờ công. Nếu ông nói *vài người* tôi sẽ thắc mắc, nhưng ít. Ở đây, ông nói «*những người*» «*những bộ óc*», tôi phải tìm hiểu kỹ, vì những anh em làm công việc khảo cứu ở nước ta chỉ có *vài người*, đếm được trên đầu ngón tay, sao lại hư hỏng cả đến thế. Họ làm gì để đáng bị mắng trùm, mắng lộp đến thế ?

a) Đó phải chăng là ông *Nguyễn văn Trung*, thầy cũ của ông Quân, hiện tại là huynh trưởng của ông Quân ? Ông Nguyễn văn Trung đã viết nhiều bài về hiện sinh. Ông là đối tượng của nhiều cuộc thảo luận, của nhiều chỉ trích rất ồn ào.

b) Đó phải chăng là ông *Lý chánh Trung*, một thầy giáo và một huynh trưởng khác của ông Quân. Ông này có mặt trong nhiều cuộc họp mặt, được báo chí nói tới nhiều, và là tác giả của nhiều bài báo gây chấn động trong giới tư tưởng cũng như chính giới.

c) Đó phải chăng là l.m. Lê kim Định, tác giả của nhiều cuốn sách nói lên cố công xây dựng một nền tư tưởng Việt nam.

d) Hay đó là l.m. *Trần Thái Định*, người có nhiều sách triết lý được in hơn cả trong những năm gần đây. Sách của ông đi từ Kant đến biện chứng pháp, từ Biện chứng pháp đến hiện

sinh. Số lượng sách, cũng như vấn đề biện sinh phải chẳng làm cho ông này đáng được xếp vào loại ồn ào và thời trang.

e) Đó phải chẳng là ông *Nguyễn Sa*, người được các nhà « phê bình văn nghệ » « chiếu cố » nhiều hơn cả, mà hồn láo không chịu ngưng viết lại còn còng khai biểu lộ tình cảm của mình với các đối thủ. Những tình cảm, tôi không dám nhắc lại, vì mọi người biết cả rồi.

g) Hay đó là ông *Nguyễn Mạnh Côn*, với hai tác phẩm có tính cách suy tưởng là *Mỗi tình màu hoa đào* và *Hòa Bình*, nghĩ gì làm gì. Cả hai cuốn đều được các nhà xuất bản *quảng cáo rầm rộ*. Mức quảng cáo không những vượt xa các sách ngả về tư tưởng khác, mà vượt cả những sách văn nghệ.

b) Hay; chẳng lẽ, ông Duật muốn nói tới các nhà khảo cứu về Triết Đông là các cụ *Nguyễn duy Cần*, *Giản Chi*, *Nguyễn Đăng Thục*, những người tha thiết với tư tưởng Việt Nam.

i) Chử *những* chỉ nhiều người quá. Không tha ai. Mà nước ta chỉ có một ít người. Vài người. Đau sót quá. Cho nên tôi đánh bạo xin ông hãy giới hạn lại. Hãy chọn lấy một hai người mà mắng nhiếc thôi. Chọn ai cũng được. Tôi tin rằng người nào xấu số sẽ vui vẻ chấp nhận hy sinh cho những người khác. Còn những người khác, xin ông tha bớt đề chúng tôi « còn một chút gì. »

j) Lại nói đến sự *lặng lẽ* của ông Quân. Điều này, ông nhận xét không thể sai được. Cuốn sách của ông Quân, như chính ông cho biết, là cuốn sách đầu tiên của ông ta và cũng lại là bài thi Cao học. *Chuẩn bị dọn một bài thi, nhất định phải lặng lẽ*. Chẳng lẽ đăng lên báo hay sao ? Ông đúng quá.

Tôi phục ông.

Tôi ghi nhận thêm là cuốn sách của ông Quân là cuốn sách đầu tiên ở nước ta thuộc loại nói trên, được phê bình tới

hai lần bởi cùng một người. Đó nhất định không phải là sự ồn ào. Đó chỉ là sự bù đắp cho công phu học thi, lặng lẽ. Nếu ai nói khác, tôi sẽ lên tiếng, vì ông, ông Duật vất vả.

2) Phần thân bài của bài văn là tóm lược những chương của cuốn sách của ông Quân. Tóm lược sơ sai. Sai làm Năm điểm Con số 5 định mệnh. Tôi sẽ nêu rõ những sai lầm đó, chỉ căn cứ vào bài văn, và tác phẩm, sau khi được lãnh hội những soi sáng của ông về năm điểm mà tôi đã nêu trong bức thư kể trên. Chúng ta hãy làm từng việc một. Cho rõ ràng, minh bạch, tránh cảnh thảo luận ngoài đề không tốt đẹp.

3) Phần chót của bài văn có ba điểm :

Đó là phần nhận định về giá trị của tác phẩm. Ba điểm là :

a) Ông nhắc lại một vài khen ngợi mà ông đã nói rồi trong bài phê bình thứ nhất mà chúng tôi đã trích đăng và đã nêu những câu hỏi trong lá thư này, đoạn trên. Khởi bàn thêm, nhắc lại.

b) Ông chê ông Quân một điều : « tác giả chưa cho thấy rõ lập trường riêng của tác giả. Vì vậy, kết luận thiếu tính chất độc đáo cá nhân... »

Chúng tôi xin có vài ý kiến.

Trước hết xin bênh vực ông Quân. Ông đòi một bài thi Cao học phải có tính chất độc đáo, cá nhân, sáng tạo mới mẻ v.v. tức là ông muốn ông Quân không thua sút gì những triết gia lớn trên thế giới. Triết học và khoa học khác văn chương ở điểm là không phải mỗi tháng, mỗi năm có được một người độc đáo, mới mẻ, có một quan niệm triết học riêng của mình, coi được là một triết thuyết. Ngay chính các thầy giáo của ông Quân cũng không dám tự nhận đã đạt tới chỗ đó, đã dám « khẳng quyết

rộn ràng » đến thế. Nếu nước ta có được một nhà tư tưởng độc đáo như thế, thì nước ta đã khá. Ước vọng là một điều tốt đẹp. Nhưng phân biệt được cái khoảng cách ghê gớm của ước vọng và thực tại là cái tiêu chuẩn giúp ta nhìn thấy sự khác biệt giữa kẻ háo hức, dậy non và người đã bước nhiều bước trên đường đời. Hơn nữa, như tôi đã nói, ông hãy nhìn lại bản thân của ông. Nếu ông Quân làm được tác phẩm độc đáo, tác phẩm đó sẽ được đọc bởi những Sartre, những Alquié, chứ không đến đôi bị dày vò đến *hai lần* bởi cùng một người, như ông.

Thứ nhì, tôi ghi nhận sự kiện này : hai bài phê bình cách nhau không đầy một tuần. Bài thứ nhất toàn khen (năm điểm), không chê một điểm nào. Bài thứ nhì có một điểm chê nặng. Lý do nào mang lại sự đổi thay đó ? Sự hoảng hốt trước cái nhìn nghiêm khắc của dư luận ? Lần thứ nhì đọc kỹ lần thứ nhất chưa kỹ ? Chưa kỹ sao phê bình ? Chủ định phải viết tới hai bài ở hai nơi khác nhau để bổ túc cho nhau, nhưng vì khiêm tốn không nói ra chủ trương đó ? Hay thời gian đã giúp cho tư tưởng con người tiến bộ mau lẹ ? Tôi đề cho ông chọn lấy cắt nghĩa nào thuận lợi nhất cho ông. Điều đó chẳng quan hệ gì. Cái khó là tìm thấy cái cắt nghĩa nào để cho chính mình, mỗi khi soi gương không cảm thấy phiền muộn.

c) Sau khi ông tăng cường cho bài thứ nhì, trong phần kết luận, một lần nữa ông viết : « ... tác giả sẽ bù lại ở phần tiếp theo về biện chứng tha nhân của Sartre và nhân văn của Merleau Ponty. Tôi tin tưởng như vậy ». Sartre và Merleau vượt xa quan điểm nhân bản chủ nghĩa duy linh và hữu thần của Marcel. »

Người đa nghi đọc goạן văn này sẽ nghi ông là đoạn chê

ở trên của ông là chê vờ. Tôi không nghĩ ông thấp kém đến thế. Tôi tin ông.

Người ưa phân tách tỉ mỉ sẽ cho rằng bài phê bình thứ nhất ông khen nồng nhiệt quá và không chê lời nào. Bài thứ nhì, ông lại chê. Sợ mâu thuẫn, ông nói vớt vát, *khen những tác phẩm sắp viết ra của ông Quên*, để đỡ cảm thấy buồn phiền trước những trái ngược.

Tôi không thích những lối phân tách đưa ra giả thuyết rồi lấy đó làm chân lý để phán đoán bất cứ ai.

Tôi có thói quen chỉ căn cứ vào sự kiện. Không đặt giả thuyết bừa bãi. Tôi thấy sự kiện này : Ông tin rằng *những cuốn sách sắp được viết cho ông Quên* sẽ hay lắm. Ông viết : « Tác giả sẽ bù lại. . » Tôi phục ông. Ông biết trước cả những sách sắp viết của một tác giả là sẽ *bù lại* được những sơ hở của cuốn sách hiện đang có.

Và ông có lý do đứng đắn để tin như thế. Ông viết «Tôi tin như thế, vì chính Sartre và Merleau vượt xa quan điểm nhân bản chủ nghĩa duy linh và hữu thần của Marcel».

Ông tài thật. Nhất ông.

Ông Sartre và ông Merleau Ponty vượt xa ông G.Marcel. Do đó, cuốn sách chưa viết của ông Quên về hai triết gia này sẽ hơn, bù lại được cuốn của ông Quên về Marcel.

Sự xác nhận, sự tin tưởng có hàm chứa những ý kiến thật rõ : *Viết về triết gia hay thì sách sẽ hay. Viết về triết gia hay hơn thì sách sẽ hay hơn.*

Ông Marcel có tội lớn vì đã kém hai ông Sartre và Merleau Ponty làm cho sách của ông Quên chưa được toàn hảo.

Lịch sử triết học không thiếu những người viết về triết gia lớn mà tác phẩm của họ vẫn xoàng. Đó là những kẻ xấu số của dĩ vãng. Từ nay, ông Quân và ông nhất định viết được sách hay vì tìm được những tác giả «vượt xa» Marcel.

Với khám phá ghê gớm này nước ta sẽ khá.

Cuối bài, ông trích Foucault. Đó là tác giả đang được chú ý. Có ai nói đến hay nghĩ đến hai chữ *thời trang* khi đề cập đến ông, tôi sẽ bênh ông.

Ông Duật,

Tôi tưởng phải nói với ông hai điều, trước khi chấm dứt.

1) Ông đừng hoảng hốt. Tôi khuyên ông. Mọi cuộc thảo luận văn chương và triết học đều đầy hứng thú. Đó là những chống đối đáng quý nhất của con người. Ta cứ bình tĩnh. Cứ từ từ. Không có ai chết đâu. Cái nào sai, nhận là sai. Chỉ những kẻ vênh váo hùng hồ với hư danh mới lấy đó làm phiền còn người quyết tâm đi tìm điều mình khao khát muốn biết có xá gì điều đó. Vả chẳng, danh và phận của một tác giả cũng như một nhà phê bình, hư ảo cả, *vanité* cả mà thôi. Ta hãy cứ thảo luận nghiêm chỉnh, lễ phép, đúng như ông Mai Thảo đã kêu gọi. Văn chương và triết lý mọi mưu lược, bôi nhọ và đề cao đều vô ích. Vả chẳng, ông muốn làm cũng chẳng làm được. Tôi sẽ không đề cho ông làm. Tôi sẽ thường xuyên nhắc nhở ông đừng đi ra ngoài vấn đề. Việc gì tôi nói tôi đều làm.

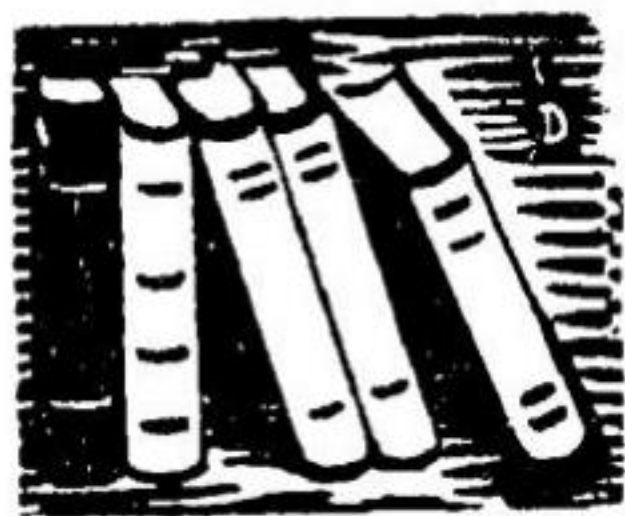
2) Một số bạn hữu bảo tôi rằng « *Phê bình nhà phê bình* » cuộc đời sẽ « vất vả » lắm. Tôi chả tin điều đó. Cái trò bịa chuyện để có ảo tưởng mình là một thử martyr làm được lúc mười lăm mười bảy tuổi. Bây giờ tái bản, trông buồn cười. Vả chẳng « làm sao cũng chẳng làm sao. Dù có thế nào cũng chẳng làm chi... » Tôi vẫn chờ ông.

ĐỌC SÁCH

Tôi nhận được nhiều sách của anh em bằng hữu văn nghệ, có người quen biết, có người chưa gặp bao giờ. Tôi sẽ phản ảnh trọn vẹn và cố trung thực đến mức có thể làm được, trong mục Chân Trời Văn Học. Tôi làm như thế vì nghĩ : mỗi công trình Văn Học nghệ thuật đều đáng chú ý và yêu mến. Tôi nghĩ : một nhà phê bình không thể phê bình quy mô được tất cả các sách ấn hành. Do đó bắt buộc phải lựa chọn. Chọn lựa để đả kích hay khen ngợi. Sự lựa chọn đó chẳng thể có một giá trị lớn hơn giá trị mà nó thực có. Cho nên chọn tất cả cũng là một hình thức của chọn lựa.

Tất nhiên khi phản ảnh số lượng đông đảo tác phẩm các nhà văn gởi cho tôi, tôi sẽ có khuyết điểm. Tôi không thể đi sâu vào tác phẩm đó một cách đến nơi đến chốn. Để khắc phục trở ngại này, ngoài việc phản ảnh toàn bộ sách vở nhận được, không phân biệt nhà xuất bản và tác giả, quan điểm văn nghệ và tuổi tác, mỗi tháng tôi sẽ đi sâu vào một tác phẩm trong mục *đọc sách*. (kỳ sau bắt đầu)

Tôi cũng xin lưu ý văn hữu : sách vở mà tôi phản ảnh kỳ này do anh chủ bút cho mượn vì đó là những sách gởi cho tạp chí Văn Học. Sự lưu ý đó có nghĩa : tôi nhận được trực tiếp cuốn nào tôi đều đọc kỹ lưỡng. Và tôi chẳng quên tìm thêm những cuốn mà bằng hữu mua được hay nhận được và có nhã ý cho mượn. Đó là những tiểu tiết cần nói rõ vì văn nghệ không có gì cần dấu diếm. Những tiểu tiết không làm cho vui cũng không làm buồn bã gì.



NGOÀI LÀNG :

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Điều đang làm cho giới văn nghệ thế giới thảo luận nhiều trong thời gian vừa qua là vai trò của các tay Mạnh thường quân mới trong sinh hoạt Văn học nghệ thuật. Văn nghệ không phải chỉ là tiểu thuyết bán chạy, những vở kịch thời trang mà còn là thơ càng ngày càng không có người đọc, còn ballet mà tiền dựng vở lớn gấp bội tiền thuê được trong những đêm trình diễn mà số lượng khán giả biết thưởng thức ngày càng bớt đi. Còn những Kim tự tháp trong sa mạc cần bảo vệ, những đền đài và lăng tẩm, những bảo tàng viện cần được gìn giữ và trùng tu.

Bởi đó sinh hoạt Văn học nghệ thuật chẳng thể không cần đến bàn tay của những Mạnh thường quân. Công ty Singer ở Pháp dành lợi tức của ngày 20 tháng 11 năm nay cho việc trùng tu những vitraux sửa nhà thờ Reims. Ford, Rockefeller của Mỹ, Olivetti và Fiat của Ý, Peter Stuyvesant của Hòa Lan, công ty British Petroleum của Anh Cát Lợi là những Mạnh thường quân từ nhiều năm.

Những giới văn hóa Pháp ghi nhận rằng số lượng Mạnh thường quân và số tiền họ bỏ ra lệ thuộc vào tình trạng thuế khóa. Ở nhiều nước, người ta cho phép tư nhân trích ra 20 hoặc 30 phần trăm lợi tức để đóng góp vào việc văn hóa và số tiền đó được miễn tính vào thuế lợi tức,

Ở nước ta có lẽ còn vấn đề : ý thức về giá trị của Văn học nghệ thuật, ý thức về cách tiêu tiền.

Bởi ở các nước nói trên không phải chỉ có vấn đề thuế khóa. Nhiều nhà tư bản để lại toàn thể gia sản cho văn hóa sau khi từ trần, nghĩa là khi vấn đề thuế khóa chẳng còn quan trọng gì.

Nước ta, ngay cả trường hợp đó cũng chưa xảy ra

Tất nhiên, các Mạnh thường quân đó khi trợ giúp không phải bao giờ cũng tỏ ra am hiểu nghệ thuật. Người ta vẫn chưa tìm thấy một Rockefeller có cái nhìn nghệ thuật của một Malraux.

Nhưng làm thế nào được ?

BẠCH-CÔNG

NÓI LẠI CHO RÕ VỀ TIỂU SỬ NGUYỄN SA

Khi số báo này in gần xong, chúng tôi có được gặp nhà thơ Nguyễn Sa. Chúng tôi đưa anh coi khuôn thứ nhất, trong đó, có in tiểu sử của anh thì được anh cho biết có nhiều điểm sai. Vậy xin nói lại cho rõ :

1) Anh Nguyễn Sa cho biết có theo học tại Sorbonne, nhưng xin tự coi như không có văn bằng gì. Vì, trong phạm vi văn chương, nói đến văn bằng, theo lời anh, không đẹp.

2) Nguyễn Sa bị động viên khóa 24 chứ không phải 25.

3) Anh cũng nói : « Tôi không phải là Hiệu trưởng trường Văn Học. Hiệu trưởng trường này là bà xã tôi. Tôi chỉ được phong làm phụ tá ». Nhưng chức này không được công nhận về mặt pháp lý. Nói khác đi, tôi ở trong tình trạng được vợ cấp dưỡng. Chẳng làm chức vụ gì cả. Sẽ chẳng bao giờ làm chức vụ gì cả. Cả ngày chỉ chọc bộn sa đích văn nghệ để tiêu khiển !

4) Nguyễn Sa đã phục vụ trong ngành Quân Nhu.

TẠP CHÍ VĂN HỌC

Văn Học

HỘP THƯ

Tòa soạn đã nhận được thư và bài của các bạn. Đã đọc, cảm ơn và mong các sáng tác mới để góp mặt trong Văn Học.

Các bạn : Võ Thị Thanh Roòn (Huế) Nguyễn Ngọc (Nha Trang) Trần Nguyễn Mẫn (Đà Nẵng) Tô Bích Vân (Đà Lạt) Vũ Ngọc Chương (Saigon) Phạm Thiên Thu (Sa đéc) Phạm Thanh (Đà Lạt) Đỗ đình Huệ (Huế) Hoàng Ngọc Xuyến (Quảng Ngãi) Trần Đỗ (Gia đình) Ngô Ngọc Lan (Đà Nẵng) Vũ viết Ninh (Quảng Trị) Phạm quốc Trường (Quảng Nam) Mai Vũ (Long Xuyên) Nguyễn ngọc Dung (Huế) Trần văn Thanh (Saigon) Quách văn Tân (Đà Nẵng) Trần trọng Hợp (KBC 4029) Hà ngọc Tuấn (Huế) Vương Trân (Đà Nẵng) Phan Nguyễn Long (Quảng Ngãi),

— Em ĐÌNH LAN (Phú Hòa Đông). Ngoài những chủ đề mà tòa soạn đã nêu ra, tòa soạn vẫn dành 32 trang hoặc hơn số trang đã ấn định để chọn đăng những sáng tác văn nghệ thường xuyên của các nhà văn tên tuổi và, nhất là những sáng tác toàn bích của bạn đọc gửi về. Riêng mấy số chủ đề vừa qua và hiện tại vì số trang có hạn và bài viết về chủ đề quá dài nên tòa soạn đã tạm gác lại những sáng tác văn nghệ thường xuyên. Sau số này tòa soạn sẽ lại tiếp tục đường lối cũ. Đừng giận em nhé. Chị sẽ chọn đăng bài của em đấy nếu bài của em hợp với đường lối Văn Học. Chúc em luôn mạnh (P. Khanh),

— DỊ THẢO NGUYỄN NHUẬN (KBC 3468) Đã đọc và

có thư riêng đến anh. Mong gửi bài khác để đóng góp số *Tay súng tay viết*. Còn chờ sự đóng góp của các bạn đấy.

— Bạn TRẦN NGỌC LINH (Quảng Trị) Những số VH về Vũ Trọng Phụng, Vũ Hoàng Chương và Nam Cao còn vài số. Nếu bạn gửi tiền tem 60 mỗi số về tòa soạn sẽ gửi báo đến.

— Em BÍCH VÂN (Đà Lạt). Đã đọc thơ em và xin lỗi về sự trễ thư riêng cho em. Em lại nhầm rồi đấy. Hai người hoàn toàn khác nhau đấy chỉ là sự trùng tên thôi. Cảm ơn em và chúc ngoan vui học (P. Khanh)

— Bạn TÔ HÁN MINH (Saigon) Bạn đừng lo cho VH thiếu người viết. Sở lý thực hiện trễ các dự định về chủ đề vì tòa soạn muốn cho bài mỗi số báo thật hoàn hảo đấy thôi, nhất là mong bài của bạn đọc gửi về. Cảm ơn bạn nhiều.

INTERNATIONAL SCHOOL

TRUNG TÂM SINH NGỮ

QUỐC-TẾ



95 - 101 Công Lý (Crystal Palace) Saigon

Tel: 92.115 Ext: 252

KHAI GIẢNG KHÓA II NGÀY 16-2-1970

các lớp sinh ngữ

ANH-NHẬT-ĐỨC-PHÁP-HOA-ĐẠI HÀN

- **ANH NGỮ** : Từ lớp 1 tới lớp 12 (tương đương Diploma of Cambridge)
- **NHẬT NGỮ** : Từ lớp sơ cấp tới trung cấp, cao cấp và đàm thoại Do giáo sư Tiến Sĩ Nguyễn Thăng Thái trực tiếp hướng dẫn.
- Tất cả học sinh các lớp đều được học bằng phương pháp thính thị do Nữ giáo sư *MORNA TROTTER*. M.A., Diploma in General Linguistics of the University of Edinburgh và Giáo sư *M.C GUIANG*, M.A., Ph.D (Georgetown University Washington D.C) Đại Học Hoa Kỳ phụ trách thường trực.
- Tài liệu giảng huấn do nhà trường soạn thảo và cung cấp
- **GIỜ HỌC** : Từ 8 giờ sáng tới 10 giờ tối
- Học phí mỗi khóa (3 tháng) : **2.700\$**

GHI TÊN VÀ HỒI THẺ LỆ TẠI VĂN PHÒNG